

# NHÂN VẬT TIỂU THUYẾT

nói chuyện giữa doãn quốc sỹ . duy thanh . mai thảo . nguyên  
sỹ tế . thanh tâm tuyên . trần thanh hiệp . tô thù yên . thái tuần



THANH TÂM TUYÊN

• *mặt trời tìm thấy*

DOÃN QUỐC SỸ

• *dại học xá*

MAI THẢO

• *sau tám tháng im lặng*

DUY THANH

*chiếc lá •*

lộ mới . số 1 . tháng 7 - 1960

diễn đàn văn học nghệ thuật hôm nay



# SÁNG TẠO

diễn đàn văn học nghệ thuật hôm nay  
tạp chí xuất bản ngày mùng 1 mỗi tháng  
bộ mới số 1 tháng 7 - 1960

Bộ Biên Tập :

DOÃN QUỐC SỸ • DUY  
THANH • MAI THẢO  
NGUYỄN SỸ TẾ • THÁI  
TUẤN • THANH TÂM  
TUYỀN • TÔ THUY YÊN  
TRẦN THANH HIỆP

## trong số này

|                 |                                                    |
|-----------------|----------------------------------------------------|
| bộ biên tập     | 1 lời nói đầu                                      |
| tám tác giả     | 5 nhân vật trong tiểu thuyết                       |
| thanh tâm tuyến | 19 mặt trời tìm thấy                               |
| duy thanh       | 26 chiếc lá                                        |
| doãn quốc sỹ    | 33 đại học xá                                      |
| thạch chương    | 52 sự chán chường trong việc phê<br>bình văn nghệ  |
| tô thủy yên     | 61 niềm bí ẩn trong cái chết của<br>một thanh niên |
| lê huy oanh     | 77 giòng sông                                      |
| mai thảo        | 87 sau làm tháng im lặng                           |
| trần thanh hiệp | 100 để chúng ta được thấy mặt nhau                 |
| nguyễn sỹ tế    | 107 giữa hai giấc ngủ                              |

CHỦ NHIỆM : MAI THẢO  
QUẢN LÝ : DẶNG LÊ KIM

Tòa soạn và trị sự : 133<sup>B</sup> Kỳ Con Saigon

TRÌNH BÀY : DUY THANH

15đ.



**T**RONG không khí và trạng thái một thời đại đã chết, kéo theo luôn sự gục ngã những thần tượng của nó, và một thời đại mới bắt đầu — thời đại chúng ta — mà con người trong đó càng ngày càng thấu hiểu được tầm quan trọng sống còn của mình, sự thiếu vắng một nền văn học nghệ thuật phản ánh được ý thức con người trước sự quan trọng sống còn đó, phải được coi như làm lỗi lớn lao không thể tha thứ của người làm nghệ thuật chân chính hôm nay. Làm lỗi này tạo nên tâm trạng bất khoan xao động thường trực ở người làm nghệ thuật, không còn cho phép hấn đi vào nghệ thuật với tâm trạng bình yên ngày trước.

Bởi nhiều nguyên nhân trong đó phải kể đến : tâm trạng tiếc thương quá khứ, những quan niệm lỗi thời, sự thiếu can đảm, thiếu chân thực từ bản thân, sự ngoảnh mặt trước những vấn đề chưa giải quyết, sự lười biếng trong lối sống và tâm hồn, sự mù tối cố ý trước thực trạng đời sống, tinh thần vô trách nhiệm, sự chênh lệch non kém của ý thức không bắt kịp diễn tiến sự vật và đời sống mới,

bởi rất nhiều bệnh tật, trong đó phải kể tới những nhận định còn sơ đẳng ấu trĩ về nghệ thuật, một tinh thần thỏa hiệp đồng lõa với bản thân mình và tất cả, sự ngủ yên trên những thành công nhỏ mọn, sự sợ hãi trước những đòn đau cần yếu của một lần thoát xác, óc nhóm đảng trường phái hẹp hòi,

chúng ta đã lựa chọn sự dễ dàng và sự dễ dàng này đã đẻ ra những công trình nghệ thuật, những tờ báo khô cạn nghèo nàn, giả tạo, thiếu sinh khí. Những công trình non yếu thậm chí thương không phản ánh được gì ngoài thực trạng bi đát, cái hình ảnh ngơ cụt, cái thân thể lê liệt bất động của nghệ thuật tới nay. Những tờ báo vì thiếu một ý thức đồng nhất, một sức mạnh chủ lực, không giám tìm kiếm một sắc thái khác biệt, không giám phấn đấu cho một tư tưởng nghệ thuật nào.

Chúng tôi, những người đứng bên nhau trong bộ



Biên Tập Sáng Tạo, chúng tôi cũng nhận thức sự thực đau đớn đó. Khối lượng tình cảm xâu rỗng dành được ở lớp người đọc có ý thức — lý do chính đưa tới quyết định tục bản diễn đàn văn học nghệ thuật này — với một vài cố gắng đã thực hiện không thể xem là những chứng tích đầy đủ xóa nhòa được sự thực đau đớn kia. Một nhận định toàn thể phải được đặt ra.

Nhìn trở lại 31 số báo xuất bản liên lục trong 4 năm vừa qua, Sáng Tạo đã làm được những gì trên ý hướng và mục đích hình thành một nền nghệ thuật mới, nó không vay mượn, nó nói được chúng ta, xứng đáng tiêu biểu cho đời sống và con người thời đại? Một số thí nghiệm táo bạo, sự có mặt rứt rứt của lớp người viết trẻ, những bước trở lui cần thiết thể hiện trong việc quy định lại những vấn đề văn học chính yếu, thái độ hướng dẫn mở đường cho những tài năng mới đến từ đám đông hay tự thành trong cô đơn, sự chấp nhận những ý tưởng khác biệt cùng lên tiếng trong không khí bằng hữu và tinh thần độc lập của diễn đàn này, cố gắng đạt tới tinh lọc nghệ thuật diễn tả qua phần sàng lọc của tạp chí — những đặc tính đó đã tạo nên sắc thái độc đáo của Sáng Tạo, đúc kết thành truyền thống nghệ thuật của Sáng Tạo.

Nhưng chúng tôi thành thực nhận rằng chúng tôi chưa làm được gì. Sáng Tạo, mặc dầu uy tín đã đạt được, vẫn chưa thực hiện được những bước đi dài lớn về phía bên kia, phía tượng hình cho khoảng thiếu vắng lớn lao như một miền đất hoang vu của nghệ thuật chúng ta. Trên sự thiếu vắng này, Sáng Tạo chọn làm một điểm khởi hành mới. Sự thiếu vắng ám ảnh người làm nghệ thuật như một tác động vật chất khiến hấn đi vào thế giới nghệ thuật với một tâm trạng không ngừng lo âu xao xuyến đó là gì? Đó là một đòi hỏi chưa hề được giải đáp. Nghệ thuật hôm nay phải nói được thế nào là chúng ta, trình bày được tâm trạng, đời sống của lớp người chúng ta, nếu không nó sẽ chẳng bao giờ nói được gì hết. Nghệ thuật không còn là một giải thoát, niềm an ủi vô vè, sự trốn chạy khỏi đời



sống, bàn tay xoa dịu con người lãng quên chốc lát trong một ảo tưởng hư nguy, những thảm kịch, những vấn đề, mà một ý thức soi chiếu xuống những tầng đáy sâu thẳm của tâm linh, xuyên qua những biến động ngoại cảnh đã lột trần chúng ra trong những quần quai và những kêu gào đòi được biết đến. Nghệ thuật hôm nay không còn là liều thuốc an thần. Nghệ thuật hôm nay là vũ khí hành động của con người vĩ đại lớn lên trong thức tỉnh của ý thức. Nó phải đánh vào những miền bóng tối, những hoa lá nguy trang che dấu đời sống. Nó phải có mặt ở khắp nơi, ở bất cứ nơi nào dự phần vào đời sống chúng ta. Nó phải nói được tất cả : những đau đớn vô xé, những thất vọng chán chường, những chiến thắng, những lần thất bại, nỗi hoang mang kinh hoàng, niềm vui tin lấy lại, những băng hoại xa đọa đau thương, những trở chiều những phục sinh dũng cảm. Nó phải trình bày được những biểu lộ khác biệt, những mâu thuẫn rối rắm, những khía cạnh sinh động của người thời đại trên hành trình đi vào trọng tâm bản thể đời sống, khám phá ở gốc nguồn và nền tảng tất cả sự thực về mình, những nguyên tố liên quan thiết yếu đến đời mình. Nghệ thuật đó không dẫn tới quan niệm phi lý, chối bỏ đời sống. Tâm trạng đào sâu vào lòng sự vật, phá bỏ những sự thật đã có — khiến nghệ thuật được định nghĩa như một hành động, một hành trình — chỉ là biểu tỏ nồng nàn của niềm khát khao chân thành muốn đạt tới, nắm vững sự thật của con người thời đại chúng ta. Ở một vươn trời khác, nghệ thuật đó đánh dấu sự có mặt, quyền năng và tác động ghê gớm của con người đứng trước, đi qua sự vật. Nghệ thuật đó tạo thành sự khác biệt căn bản giữa con người, đời sống hôm qua với con người, đời sống hôm nay. Nó mang chứa hình ảnh mọi sức mạnh chủ động. Nó kết tinh sự đặc thù rực rỡ của con người trước sự vật. Nói như Trần thanh Hiệp : Nó biểu tỏ sự lớn lao của con người.

Chúng tôi muốn Sáng Tạo, cho được xứng đáng với lớp người đọc ý thức — một bạn đọc khi đã đến với



Sáng Tạo là ở lại vĩnh viễn — cái nghĩa được sự trở lại của nó, phải thực hiện được một giọng nghệ thuật theo nhận thức và ý hướng nói trên.

Thế nào là nghệ thuật hôm nay ? Sáng Tạo trở lại muốn trả lời cho câu hỏi đó.

Gạt sang một bên những cái nghèo nàn, giả tạo, khó cạn, lỗi thời, thứ nghệ thuật dát những lớp vàng đeo những vòng hoa vô ích lên đầu lên cổ đời sống, chúng tôi muốn tìm đến một nghệ thuật thực, kiến trúc được hình dáng thực, biểu hiện được bản chất thực của thời đại. Tránh xa những xung đột trường phái, những bất chiến nhóm đảng, chúng tôi muốn nhập vào những giọng sống lớn của thế kỷ này. Chúng tôi kính trọng những tài năng thuở trước, nhưng chúng tôi sẽ đặc biệt chú trọng đến những tài năng mới. Chúng tôi đứng về phía những thí nghiệm và những mở đường dũng cảm, những người đang bắn khoăn, đang tìm kiếm và sẽ đi xa. Chúng tôi đón nhận mọi tư tưởng khuynh hướng khác biệt nếu những khuynh hướng tư tưởng khác biệt đó phong phú, mãnh liệt, phản ánh được ưu tư đại tới sự thực của nghệ thuật và đời sống.

Chúng tôi chỉ là những người viết trẻ, tự nhận chưa làm được gì cho nghệ thuật. Sự chân thành chúng tôi mang đến cho nghệ thuật là ý thức chúng tôi. Sáng Tạo từ nay sẽ đặt hẳn mình là diễn đàn là ý thức của những người viết trẻ, của nghệ thuật mới. Trên « diễn đàn văn học nghệ thuật hôm nay » dựng lại, chúng ta, người viết và người đọc cùng tìm trả lời cho câu hỏi : Thế nào là nghệ thuật hôm nay ?

bộ biên tập



# NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT

*Nói chuyện giữa* DOÃN QUỐC SỸ, DUY THANH, MAI THẢO, NGUYỄN SỸ TẾ, THANH TÂM TUYỀN, TRẦN THANH HIỆP, TÔ THÙY YÊN, THÁI TUẤN

TRẦN THANH HIỆP : Tôi đặt vấn đề « nhân vật trong tiểu thuyết » trong một vấn đề khác rộng lớn hơn : Vấn đề « giá trị của nghệ thuật ». Nếu có nhiều quan niệm về giá trị của nghệ thuật để phải lựa chọn thì tôi sẽ lựa chọn quan niệm theo đó « nghệ thuật là tất cả sự nghiệp của con người để biểu-hiện sự lớn lao của mình ». Sự lớn lao không nhất thiết tùy thuộc ở sự thành công rực rỡ trong cõi đời mà còn có thể là sự đau khổ bi thảm đưa tới cõi chết. Nhờ có nghệ thuật, con người trường tồn được sự hiện diện của mình mặc dù chính nó luôn luôn bị hủy hoại.

Trong số các bộ môn của nghệ thuật, tiểu thuyết có lẽ là một bộ môn có nhiều điều kiện hơn hết để giúp nghệ thuật đạt được giá trị mà tôi kể trên. Bởi vì tiểu thuyết có thể đưa tới cho con người những kích thích vô hạn : Cửa sống của cái chết, của phi thời gian. Mà trong tiểu thuyết vấn đề quan trọng — theo tôi — phải là vấn đề nhân vật. Người ta sẽ tìm thấy bộ mặt đầy đủ của con người trong các nhân vật của tiểu thuyết. Người ta sẽ tìm thấy vị trí của con người, tương quan của con người với tất cả xung quanh, qua các nhân vật của tiểu thuyết. Nếu trong tiểu thuyết, ngoài nhân vật còn có gì khác nữa, thì nhân vật cũng vừa là cơ thể vừa là linh hồn. Tiểu thuyết của chúng ta — tôi nói rõ hơn của những người viết tiểu thuyết Việt-nam ngày trước và bây giờ — có mang lại cho chúng ta ít nhất một cảm tưởng rằng các tiểu thuyết ấy đã tự định nghĩa được, đã tự bênh vực được không ? Câu trả lời có thể thay đổi tùy theo từng người. Tuy nhiên có một điểm không thể chối cãi được là chúng ta hiện nay bất mãn về các tiểu thuyết của chúng ta. Trong khi đó chúng ta vẫn không ngừng tìm kiếm, đòi hỏi một đời sống lớn lao cho con người của chúng ta. Tất cả những gì chúng ta đã thất bại ở mọi nơi khác, tôi tưởng



chúng ta phải thành công ở nghệ thuật, hay hẹp hơn một chút, ở tiểu thuyết. Ở tôi, vấn đề nhân vật được đặt ra trong cái « ám ảnh » khởi đầu đó.

Bây giờ nếu cần đào sâu vấn đề tôi nghĩ chúng ta có thể đề cập tới một vài chi tiết căn bản của vấn đề nhân vật : Chúng ta xây dựng nhân vật bằng một hay nhiều kỹ thuật nào ? Trong một hay nhiều ý thức nào ? Sở dĩ tôi phải nhắc tới vấn đề kỹ thuật là vì vấn đề này cũng có phần quyết định của nó và nhiều khi sự thất bại của tiểu thuyết trước hết là một sự thất bại về kỹ thuật. Phải làm thế nào cho có thể thành một nhân vật mà lại là một nhân vật tiểu thuyết ? Chỗ đứng của tác giả trong nhân vật phải quy định ra sao ? Nhân vật là tác giả phóng lớn, là tác giả thu hẹp hay là tác giả nguyên vẹn, hay là tác giả phân hóa ?

Nhưng phần kỹ thuật dù sao cũng chỉ là những công việc được gọi là « công việc vật chất ». Quan hệ là việc đem lại sự sống cho nhân vật : Ngay ở cuộc đời này, hay ở nơi nào khác nhân-vật có những vấn đề gì để giải quyết ? Và họ đã giải quyết ra sao v.v... Nhân thể chúng ta cũng nên ghi nhận sự tiến triển của sự xây dựng các nhân vật trong tiểu thuyết đến ngày hôm nay một cách tổng quát. Để chúng ta quy định thế nào là « cái mới » của những người viết tiểu thuyết mới. Theo tôi nhân vật trong tiểu thuyết mới rất nhũn nhặn, họ đã từ bỏ nhiều tham vọng siêu hình, thuyết lý để đứng lại giữa cuộc đời bình thường, ngay thẳng và mãnh liệt theo đuổi sự sống, và họ cũng chỉ có thể đề phỏ diễn hay đề phản kháng định mệnh của con người.

THANH TÂM TUYỀN : Tôi thấy là một điều khó khăn nếu phải quy định thế nào là nhân vật. Điều chúng ta nhận thấy trong một số tiểu thuyết mới là tác giả chú trọng tạo cái không khí cho toàn thể tác phẩm. Không khí là chính. Nhân vật là phụ. Nhân vật giống nhau, nhiều khi chỉ còn là những tên gọi. Justine chẳng hạn. Nhân vật chính là một thành phố.

DUY THANH : Khi viết tôi không hề nghĩ đến nhân vật. Khởi từ một hình ảnh một ý tưởng nào đó, viết dần dần rồi nhân vật hiện ra theo.

TÔ THUY YÊN : Tôi cũng có đọc Justine. Nhưng đó là đường lối riêng của Durrell. Trong văn nghệ thì nhiều đường lối lắm, vì thế không thể coi là một khuôn thước bắt buộc một nhà văn để được tiếng cấp tiến phải xử dụng đến. Gây không khí cho tiểu thuyết là một điều kiện cần thiết nhưng chưa là đầy đủ. Tiểu thuyết cổ điển cũng mang trong nó một không khí cá biệt. Không khí chỉ là môi trường cho nhân vật cử động thôi. Thành thử dựng nhân vật vẫn phải là trọng tâm của tiểu thuyết gia.

THANH TÂM TUYỀN : Đó là đường lối chung của các tiểu thuyết gia hiện thời.



TÔ THUY YÊN : Tôi cứ tạm nghĩ khác vậy.

THAI TUẤN : Tôi không có một ý niệm rõ rệt lắm về nhân vật tiểu thuyết. Nhưng khi vẽ, qua họa phẩm, tôi thấy trước kia đề tài chính cho hội họa là người. Bây giờ đề tài người không cần thiết, mà hội họa cũng không cần đề tài. Sự khác biệt của mỗi họa phẩm nằm trong những yếu tố khác. Người trong họa phẩm có thể giống nhau và điều đó không đáng kể.

THANH TÂM TUYỀN : Đặt vấn đề một cách cụ thể hơn ; chúng ta có thể phân tích được rằng quan niệm về nhân vật thời xưa dựa vào tâm lý cổ điển. Trong tâm lý nhân vật có những thành phần riêng biệt và chia rẽ. Như đời sống tâm lý nhân vật cổ điển được chia làm 3 phần : thông minh, cảm xúc và ý chí. Mỗi nhân vật được quy định cá tính về một trong những khuynh hướng căn bản kể trên. Bây giờ, con người là một đồng nhất. Trong mỗi hành động đều bao gồm cả một đời sống tâm linh. Phải kể ở đây tâm lý học của Freud chủ trọng khai triển con người ở bí mật tiềm thức hiện lên.

TÔ THUY YÊN : Sự phân chia của đời sống thành ba phần này chỉ là phân chia trong sách giáo khoa. Những nhà văn, kể cả cổ điển không phân chia như vậy khi cầm bút. Theo ý tôi, đề tài vẫn là đề tài không thay đổi, những vấn đề muôn thuở như tình yêu, cái chết, sự đơn độc, Thượng Đế v v... Mỗi tiểu thuyết gia là một giọng thám hiểm và cũng không mang lại một trả lời nào. Những khám phá về tâm lý của Freud và công ty không đặt một vấn đề nào mới. Chúng ta chỉ có thể coi những khám phá ấy là những phương tiện đưa tiểu thuyết gia lặn sâu thêm xuống tâm linh con người.

Tôi xin nói thêm : thoát nhìn vào tiểu thuyết hiện thời, người ta dễ có cảm tưởng lầm lẫn rằng tiềm thức là một vấn đề mới mẻ của con người. Sự thực, đó chỉ là một vấn đề của khoa học tâm lý mà thôi, xin nhấn mạnh như vậy. Galilée chưa thốt ra câu bất hủ : E pur si muove, người ta chưa biết đến thì trái đất cũng quay tròn từ hồi nào rồi. Phần tiềm thức vẫn có sẵn trong tâm hồn người trước Freud (hay trước Dostoievsky ?) và tất cả công nghiệp của Freud là đã chỉ điểm cho chúng ta miền còn hoang dã, nơi những vấn đề muôn thuở của con người ẩn núp, trốn tránh và chỉ nơi ấy thôi người ta mới tìm bắt được chúng nguyên hình mặt thật không hóa trang, không biến dạng. Tiểu thuyết gia ngày nay đi sâu mãi vào mảnh đất hoang dã ấy, lia bỏ mực lưng chừng nông cạn của tâm linh, lia bỏ những lieux communs, thành thử người đọc vội vàng có thể lầm tưởng được rằng hiện có những vấn đề mới được đặt ra. Nhìn kỹ thì những con người ở mọi thời đại, mọi hoàn cảnh vẫn đồng tính với nhau, vẫn mang bèn trong nỗi thắc mắc không nguôi, sự tìm hiểu không ngừng về những ẩn số nhất định không bao giờ có giải



đáp vĩnh cửu. Nói như vậy, tôi không phủ nhận những tác giả đi trước đã chẳng tìm được những giải đáp nào đáng kể. Nhưng giải đáp của một tác giả bao giờ cũng chỉ có một giá trị nhất thời thôi. Giải đáp ấy kết hợp liền lặn vào một xã hội nhất định (có khi không hẳn là xã hội đương thời với tác giả và giá trị của nó mất đi theo xã hội ấy). Có lẽ nhờ vậy mà chúng ta, những người đến sau vẫn còn cái gì để diễn tả, trình bày về những điều đã quá cũ..., một bí ẩn dù đã ngàn đời nhưng chưa được phổ bày, lột trần vẫn còn là mới mẻ.

**TRẦN THANH HIỆP :** Quan niệm của Thanh Tâm Tuyền có thể được xác định trong những tiểu thuyết dài. Tiếc rằng chúng ta còn ít tiểu thuyết dài. Nhân vật đã có phần lớn là nhân vật truyện ngắn. Từ tiểu thuyết dài đến truyện ngắn có thể có chung một quan niệm về xây dựng nhân vật được không ?

**THANH TÂM TUYỀN :** Đó chính là chỗ yếu của chúng ta và cũng là khó khăn chính khi bàn đến vấn đề nhân vật. Qua những truyện ngắn, nhân vật minh định lên còn mờ nhạt, ấu trĩ. Nhưng có một điểm đáng ghi nhận là nếu chúng ta có giúp cho người đọc về phương diện nhân vật là giúp cho họ nhận định được sự khác biệt giữa nhân vật bây giờ với nhân vật ngày trước trong tiểu thuyết nói chung. Có thể phân chia thành 2 giống. Một, cổ điển, đàn bà là nhân vật chính. Hai, mới, nhân vật chính là đàn ông.

**TRẦN THANH HIỆP :** (cười) Vì thế đàn bà ca ngợi đàn ông ? Đàn bà bị truất phế ?

**THANH TÂM TUYỀN :** Đúng. Xin khai triển thêm cho rõ ý. Tiểu thuyết cũ cũng từng có đàn ông là nhân vật chính : 1) trong những truyện phiêu lưu, nhân vật đơn độc và hoàn toàn do tưởng tượng. 2) Trong thế giới gồm có một đàn ông và một đàn bà, mà đàn ông chỉ là hàm số của đàn bà. Tiểu thuyết bây giờ, người đàn ông sống trong thế giới mình, đàn bà có mặt trong thế giới đó và chịu những quy luật của thế giới đó.

**TÔ THUY YÊN :** Như thế có vẻ cực đoan. Đàn ông hay đàn bà không nhất định. Vấn đề thuộc đàn bà thì phải chiếu qua nhận xét, cảm giác đàn bà. Tiểu thuyết ngày nay, đúng như nhận xét của T. T. T, hình như không còn quan tâm mấy đến đàn bà nữa, thành thử đã mất đi một số độc giả đàn bà, một số quan trọng. Không biết đó là khuyết điểm của tiểu thuyết mới hay của tâm hồn đàn bà nữa.

**TRẦN THANH HIỆP :** Điều tôi thắc mắc không do nơi nhân vật là đàn ông hay đàn bà, mà là vấn đề chủ quan hay khách quan của tác giả. Thí dụ : diễn tả đời sống một người khác không phải chính mình, ta nên diễn tả theo chủ quan ta hay căn cứ vào những yếu tố khách quan ?

**DUY THANH :** Nếu không gần đời sống xích lô, khó mà « nằm » được trong người xích lô, để nói được những sự thực về hắn. Cho khỏi hơi hợt,



giả tạo, tôi thấy tiện hơn là đặt vấn đề lựa chọn nhân vật, lựa chọn đề tài. Tôi sẽ chỉ viết về những nhân vật gần gũi, quen biết, trong giới thanh niên chẳng hạn.

THANH TÂM TUYỀN : Đặt câu hỏi rõ hơn, nhân vật có phải là tác giả không? Có hai cách kiếm tài liệu, một, ở ngoài đời, hai, ở chính mình. Trong nhân vật có thể có những mảnh của tác giả nhưng không bao giờ là tác giả hết. Như cuốn Bếp Lửa của tôi, khi viết ở bản thảo, tôi có đề một câu trên đầu của Rimbaud, sau lại xóa đi vì thấy không cần thiết : Je est un autre. Mặc dầu trong ấy tôi cho nhân vật mượn cả tên tục tôi và rất nhiều hoàn cảnh tôi đã sống.

TÔ THÚY YÊN : Việc xưng tôi trong một tác phẩm chỉ là một cách đo lường những nhân vật khác, en fonction du moi, của chính nhân vật kể truyện mà không cần cho người đọc biết đến những sự đo lường về mình ở các tác giả khác.

THÁI TUẤN : Trong hội họa, những chân dung của Modigliani chẳng hạn. Người ta không cần biết rõ người ngồi mẫu là ai, mà chỉ nói : « Đó là một Modi. »

DOÃN QUỐC SỸ : Chúng ta vừa nói đến cái chính trong tiểu thuyết mới là không khí. Nhưng không khí theo tôi cũng do những sự kiện được mô tả đúng, thực, và linh động tạo thành. Phim Au risque de se perdre là một bằng chứng : Chính cái thực của đời sống ở trại hủi, nhà thương điên, tu viện đã tạo nên cái không khí cho cuốn phim và tiểu thuyết.

DUY THANH : Nhưng tiểu thuyết còn có một sắc thái này : là những nhân vật hoàn toàn do tưởng tượng tạo nên mà vẫn hết sức hợp lý. Hợp lý ở riêng câu truyện mà tác giả viết. Mặc dầu có thể đấy là một câu truyện vô lý hoàn toàn. Điều quan hệ của sự thành công một nhà văn là do chỗ ấy. *Cái sự thật của tiểu thuyết.*

THANH TÂM TUYỀN : Cố nhiên. Một tác phẩm bao giờ cũng bắt nguồn từ trong đời sống để tách rời khỏi đời sống và đứng độc lập. Les racines du ciel cho ta một bằng chứng về nhân vật phi lý ngoài đời, rất có lý trong tiểu thuyết. Tính chất hữu lý ấy có cả trong loại truyện cổ tích và thần thoại lẫn tiểu thuyết bây giờ. Qua bao nhiêu biến thái, tiểu thuyết xưa và nay vẫn có một vài nét chung, mà sự phi lý của nhân vật và ngoài đời hợp lý với nội dung tiểu thuyết là một. Michel Butor đã định nghĩa tiểu thuyết như một truyện kể không cần phải có những dẫn chứng ngoài đời.

TRẦN THANH HIỆP : Như vậy thế giới tiểu thuyết có còn giống với thế giới ngoài đời không?

THÁI TUẤN : Có chứ. Giống ở cái phần tinh túy (essence).

THANH TÂM TUYỀN : Tiểu thuyết là linh bóng cuộc đời. Và hình



bóng còn thực hơn cả cuộc đời. Nhân vật tiểu thuyết thực hơn cả nhân vật ngoài đời. Cố nhiên là nhân vật phải thành hình và có một đời sống hẳn hoi của nhân vật.

**THÁI TUẤN :** Một điểm nữa mà tôi nhận thấy ở các nhân vật tiểu thuyết của một tác giả là tác giả có dựng bao nhiêu nhân vật khác biệt nhau, những nhân vật đó vẫn có phảng phất một điểm đồng nhất vào đó. Khi vẽ tôi cũng cảm thấy như vậy.

**THANH TÂM TUYỀN :** Điểm đúng nhất mà anh Thái Tuấn nhận thấy ở các nhân vật dù khác biệt nhau ấy, có. Đó chính là nỗi ám ảnh của mỗi tác giả. Tác giả bao giờ cũng mang một ám ảnh trong tâm hồn, nó phảng phất ở tất cả các nhân vật tác giả đó tạo ra. Ở truyện Doãn Quốc Sỹ, chúng ta thấy hầu hết nhân vật của anh đều mang cái ám ảnh muốn sống thoải mái, bên trên bụi bặm cuộc đời hàng ngày. Những tác giả lớn bao giờ cũng có một ám ảnh chính, duy nhất và chẳng bao giờ từ bỏ được ám ảnh ấy. Nhân vật của Malraux của Dostoievsky đều biểu hiện nỗi ám ảnh duy nhất của Malraux của Dostoievsky. Mỗi ám ảnh đó, cần nhận rõ, chỉ có trong tác phẩm, và chính tác giả nhiều khi cũng không hay nữa. Nhà phê bình phải khám phá thấy ám ảnh đó trong phê bình nhân vật tiểu thuyết.

**DOÃN QUỐC SỸ :** Tôi cũng đồng ý thế. Nhân vật và nỗi ám ảnh của tác giả có như những sự vật bị hút vào một lòng trái đất. Có thể tác giả dựng một cách khách quan nhiều nhân vật với những nét hay tật xấu khác nhau nhưng sự hiện diện của toàn thể các nhân vật đó vụ chứng minh một cái gì ? Cái gì đó chính là nỗi ám ảnh của tác giả.

**TRẦN THANH HIỆP :** Điểm khác biệt tôi thấy giữa tiểu thuyết xưa kia và bây giờ là tiểu thuyết xưa kia chú trọng đến xếp đặt những trường hợp đặc biệt, trái với bây giờ, những sự bình thường được nói đến. Diễn tả bây giờ thì táo bạo, người ta đi thẳng vào sự thực không e dè gì hết.

**THÁI TUẤN :** Tôi thấy trước kia tiểu thuyết thường được cấu tạo trên những luân lý, tiêu chuẩn sẵn có của đời sống. Bây giờ có khuynh hướng, tác phẩm tự tạo một luân lý riêng — các nhân vật được giải phóng và luân lý là luân lý tiểu thuyết.

**THANH TÂM TUYỀN :** Phân biệt một tiểu thuyết cổ điển với tiểu thuyết mới, người ta thường gán cho tiểu thuyết mới một tính chất phi lý, các nhân vật bây giờ là phi lý. Sự thật, tiểu thuyết xưa mới phi lý, vì nhân vật tiểu thuyết xưa thường sống trong một đam mê nào (passion). Mà đam mê là dẫn tới phi lý. Nhân vật tiểu thuyết bây giờ sáng suốt quá, ý thức quá, không còn đam mê. Người đọc gán cho chúng là phi lý vì sợ sự sáng suốt đó. Điều nữa, cái mà người ta sợ ở tiểu thuyết bây giờ là các nhân vật chính đều là đàn ông. Tác giả nhập



vào ý thức nhân vật và sống trong đó. Nhân vật thì cô đơn, khắc khoải giữa cuộc đời chưa thành hình. Nhân vật dần dần chỉ còn là hình bóng, hình bóng chỉ còn là tiếng nói. Thí dụ : La chute của Camus.

TRẦN THANH HIỆP : Tôi nghĩ không biết có nên tìm kiếm, lựa chọn nhân vật trong một giai cấp nào không ? Vì trong một xã hội phân hóa có những tầng lớp đời sống đã mất hết tính chất nghệ thuật.

TÔ THÚY YÊN : Nhận xét về giai cấp như thế là đúng. Nhưng không thể áp dụng cho nghệ thuật được. Không thể chỉ dựng nhân vật của giai cấp này, bỏ giai cấp nọ. Nhưng muốn tìm những mảnh đất trù phú nhất thì thường là ở những giai cấp đang tan rã hoặc đang thành hình. Ở những nơi nào có xáo trộn lung lay, những vấn đề vĩnh cửu về đời sống mới có dịp lộ ra dưới hình thức thô bạo thuần túy. Ở những nơi ấy mới có nhiều tính chất văn nghệ.

THANH TÂM TUYỀN : Cái kém của ta là nếu chỉ diễn tả nổi những nhân vật trong những giới thân quen với mình. Tác giả lớn chụp được ý nghĩa và hình ảnh đời sống khắp nơi nên có thể tạo ra những nhân vật thuộc mọi giới, mọi tầng lớp. Malraux tìm ý nghĩa của cái chết, của hành động chỉ ở những con người cách mạng. Có những tác giả tìm được ý nghĩa trên ở những con người khác con người cách mạng. Phải tới được như vậy.

TRẦN THANH HIỆP : Những nhân vật trong tiểu thuyết trước của ta có để lại những tính chất gì đáng kể không ?

THANH TÂM TUYỀN : Tuy mới cách đây mấy chục năm mà theo ý tôi đã là hai thế giới. Nhân vật ngày trước không để lại tính chất gì tìm thấy ở nhân vật bây giờ. Đã có một cuộc đổi đời. Và cuộc đổi đời đã có với nhân vật tiểu thuyết.

THÀI TUẤN : Trừ vài ngoại lệ. Trường hợp nhân vật của Nguyễn Tuân chẳng hạn. Chúng vẫn gần lắm với nhân vật bây giờ. « Thiếu quê hương, Chiếc lư đồng mắt cua » gần bây giờ cho nên khác hẳn với những nhân vật tiểu thuyết cùng thời với Tuân (nhân vật Nhất Linh, Khái Hưng).

THANH TÂM TUYỀN : Không đúng. Nhân vật Nguyễn Tuân đối với tôi có một thái độ cổ điển, tôi gọi là thái độ thế kỷ thứ 19. Nhân vật của Tuân không có gì đáng nhắc tới hôm nay nữa. Thái độ đó là « Sống và chết trước một tấm gương », thái độ dandy của Baudelaire, gương đây là người khác. Những nhân vật kênh kiệu làm dáng ấy đã chết với loại tiểu thuyết để ra chúng.

TRẦN THANH HIỆP : Trở lại nhân vật bây giờ. Theo tôi chúng phải được ghi nhận qua những vết tích chiến tranh. Nhân vật của chúng ta dù sao cũng nên là nhân chứng của thời đại. Và nhắc tới thời đại chúng ta không thể quên « chiến tranh ». Chiến tranh can thiệp



đối với đời sống con người như một quyết định, có tính cách số mệnh. Phải trình bày nhân vật với những vấn-đề do chiến tranh mà có. Cái ảnh hưởng của chiến tranh đối với nhân vật. Làm thế nào phản ánh được ý nghĩa chiến tranh trong đời sống nhân vật.

THANH TÂM TUYỀN : Tuy vậy cần nhận định rõ, chiến tranh chỉ đầy những vấn đề trở nên khốc liệt hơn, gấp rút hơn. Chỉ nên coi chiến tranh như một sự kéo dài của cuộc đời. Có chiến tranh hay không, vấn đề vẫn có, chỉ mãnh liệt hơn lúc bình thường. Nhiều tác giả trẻ âu tây lầm vì coi chiến tranh như một miếng mồi ngon cho việc tìm kiếm đề tài tác phẩm. Phải hiểu chiến tranh như một bùng nổ toàn diện của tất cả các vấn đề.

TRẦN THANH HIỆP : Nhưng còn có những trường hợp đời sống con người bị đảo lộn hẳn vì chiến tranh can thiệp đến. Chẳng hạn trường hợp hai người yêu nhau, kẻ bị giết, người bị hiếp, vậy chiến tranh có quyết định có tính chất có chi phối chứ ?

THANH TÂM TUYỀN : Tùy quan niệm từng tác giả khi nhìn vào những thảm kịch loại ấy. Truyện ấy, một tác giả có thể kể lại như một tin chó chết. Một tác giả khác có thể khai thác đề dựng một mối ám ảnh về tình yêu, về ý nghĩa sống còn.

TRẦN THANH HIỆP : Nhân vật tùy trường hợp hoàn cảnh, ưng chịu, xây dựng, cải tạo, chống đối, phản kháng. Nhân vật tiểu thuyết ta bây giờ có một chút phản kháng, chán chường, nhưng thiếu tích cực, không rõ rệt, tuy đã có mầm mống cho việc tạo thành những nhân vật mới. Cái khó của chúng ta là định một thái độ cho nhân vật của chúng ta.

THANH TÂM TUYỀN : Định trước thì không biết thế nào mà định. Nhưng đã có. Tạm mở một dấu ngoặc cho riêng chúng ta tôi thấy thái độ nhân vật Duy Thanh là thái độ trở về nguyên thủy. Chúng mang cái mãnh liệt vũ bão trở về đời sống để chống lại nó. Nhân vật Doãn Quốc Sỹ có một thái độ sống ôn hòa, vượt lên trên tất cả những phức tạp cuộc đời. Nhân vật Mai Thảo trẻ và vui được với những ám ảnh của mình. Thái độ vui đó không biết tác giả có thật không, nhưng trong truyện thì có.

TRẦN THANH HIỆP : Nhân vật Thanh Tâm Tuyền đem cái trong trắng để thử thách với cái nhơ bần và làm nổi bật những cái trong trắng ấy. Ở Nguyễn Sỹ Tế, nhân vật muốn tới một thứ maturité, trầm, không xáo động.

THANH TÂM TUYỀN : Tôi thấy nhân vật của anh Tế có một điểm ló lên nhưng chưa rõ, nó rất cần cho liêu thuyết mới. Chúng có những nét trào lộng thông minh, một thái độ gần bó với cuộc đời một cách tha thiết và khoan dung. Nhận xét chung thì nhân vật anh Tế còn phôi



thai, chưa thành hình người vì tác giả viết còn ít quá.

**TÔ THUY YÊN :** Nhân vật Thanh Tâm Tuyền là niềm bí ẩn trong một trí thức sáng suốt về mình, là sự cao quý của một thân phận hèn mọn lắm bần. Nhân vật Mai Thảo như người vừa bị cơn ốm ngặt nghèo trở lại cuộc đời với cơ xi được và và nhuộm lại của vui tin và đạo đức (tôi không hài lòng về danh từ này lắm).

**THANH TÂM TUYỀN :** Phải công nhận nhà văn ta sống chật hẹp ít ỏi và khép kín quá cho nên các nhân vật tạo ra chỉ có hình bóng.

**THÁI TUẤN :** Truyện ngắn của ta nhân vật bị tước bỏ hết mọi chi tiết. Cả đến những hành động cũng vậy. Nặng về phần suy diễn tâm linh cho nên truyện có cái không khí của những giấc mơ.

**THANH TÂM TUYỀN :** Nhân vật ta nhập nội nhiều hơn hướng ngoại.

**NGUYỄN SỸ TẾ :** Nếu nói về nhân vật, có thể xếp hai loại tiểu thuyết. 1 — nghiên cứu tâm tính, loại này tất nhiên phải có nhân vật. Nhân vật là yếu tố xây dựng chính. 2 — loại tiểu thuyết giải bày ý kiến, nhân vật chỉ là phương tiện như những phương tiện khác. Ở loại một, trí tưởng tượng con người chỉ có giới hạn. Các nhân vật mà tác giả yêu thương giận ghét chỉ là những hình dáng — có thể hơi lạ thường một chút — của tác giả. Tác giả là nhân vật duy nhất. Nếu nói về những khuynh hướng cũ và mới thì xưa kia chuộng những tâm lý nông cạn thông thường. Mới, nhân vật ưa đi vào những chiều sâu của tâm lý. Tâm lý người xưa có tính cách stylisé (kiểu mẫu hóa) Bây giờ có tính cách sống động (vécú).

**THANH TÂM TUYỀN :** Nhưng tính cách sống động này lại có thể bị kiểu mẫu hóa bởi những tác giả theo đuổi vô ý thức.

**NGUYỄN SỸ TẾ :** Đặt vấn đề nhân vật tiểu thuyết thực ra cũng rất khiên cưỡng. Mà cũng không nên phân loại văn học. Nếu cần phải giữ danh từ thì đành giữ lại một danh từ tiểu thuyết để chỉ chung cho các loại. Người phê bình tiểu thuyết đã là viết một cuốn tiểu thuyết thứ hai. Bởi như tôi đã nói, tiểu thuyết chỉ có một nhân vật : tác giả. Vậy tôi xưng lên chủ nghĩa totalibertisme.

**TÔ THUY YÊN :** Định nghĩa tiểu thuyết là một việc không làm được. Có những danh từ không thể định nghĩa dứt khoát. Thí dụ danh từ trí thức. Nhưng khi đọc xong một cuốn tiểu thuyết người ta vẫn có thể biết dễ dàng đó có phải là một cuốn tiểu thuyết hay không ? Một tác phẩm hoàn thành xong chỉ có một nửa linh hồn của nó. Một nửa linh hồn nữa là của người đọc. Người phê bình khi phê bình đã mang một nửa linh hồn mình vào đó, nhìn tiểu thuyết ấy qua lăng kính của tâm hồn mình, nhưng không thể gọi bài phê bình ấy là một cuốn tiểu thuyết thứ hai.

**DOÃN QUỐC SỸ :** Về câu anh Thái Tuấn nói là truyện của mình ít chi



tiết, tôi đồng ý và cho rằng đây là một nét truyền thống của quan niệm nghệ thuật thủy mặc Đông phương. Chúng ta chỉ ghi những nét chấm phá tổng quát. Đông Chu Liệt Quốc được viết hàng ngàn trang cũng chỉ là gồm hàng ngàn sự kiện lịch sử với những nhân vật những động tác ghi một cách chấm phá tổng quát. Chứ không như Dostoievski chẳng hạn, tả cận kỹ nhân vật ngồi như thế nào đứng như thế nào, bàn ghế đồ đạc xung quanh ra sao, yết hầu cùng các thớ thịt mặt chuyển động ra sao khi nói, khi cảm động. Ngày nay chúng ta chịu ảnh hưởng Tây phương và đã có khuynh hướng nhận xét chi tiết nhưng so với những chi tiết kỹ lưỡng của Tây phương thì chúng ta quả là còn « thủy mặc » lắm. Và lại, tôi thiết nghĩ, chúng ta chỉ nên dung hòa : đừng quá sơ sài thủy mặc còn ghi quá tỉ mỉ những chi tiết nhiều khi cũng là thừa.

TÔ THUYẾT YÊN : Tôi ao ước viết được một cuốn tiểu thuyết mà trong đó các nhân vật vivent philosophiquement mais ne philosophent pas. Tôi quan niệm chi tiết chỉ có giá trị khi nào chúng là apport của những nhân vật trong đó. Chi tiết soi sáng nhân vật, thiếu nhiệm vụ ấy chi tiết trở nên rườm rà che khuất nhân vật, làm một người đọc vô ích. Vì vậy tôi không chịu được Balzac, Zola dù rằng ở hai tác giả này chi tiết mới là rườm rà vô dụng chứ chưa che khuất nổi những nhân vật đồ sộ của họ.

THANH TÂM TUYỀN : Điều đó cũng là thành công của một vài tiểu thuyết gia lớn của Mỹ như Faulkner, Passos. Sự thất bại của tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn đối với người đọc hiểu biết ngày nay là có những đoạn tả cảnh rất đẹp, nhưng thừa. Bằng chứng cụ thể là đọc tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn có thể nhảy những đoạn thừa đó mà vẫn biết rõ cốt truyện.

DOÃN QUỐC SỸ : Tôi muốn những chi tiết trong một tiểu thuyết được rườm rà như một giòng sông tràn bờ nhưng tất cả vẫn bị hút về biển.

THANH TÂM TUYỀN : Trở về nhân vật. Tôi phát biểu một ý kiến hơi chủ quan là từ xưa tới nay người ta thường tìm ở ngoài đời để dựng nhân vật. Tôi nghĩ nhiều khi nên dựng xong nhân vật rồi hãy tìm ở ngoài đời để kiểm chứng, và như thế người viết tiểu thuyết mới đầy đủ ý nghĩa là một ông trời con. Ý kiến trên tưởng chỉ là nói đùa nhưng tôi đã tìm thấy ý nghĩa của nó. Cái ý nghĩa chính là ảnh hưởng của tiểu thuyết trong đời sống. Sẽ có những người ngoài đời bắt chước sống theo nhân vật tiểu thuyết, và giá trị một tiểu thuyết chính ở chỗ nó tạo được một lối sống cho người đời. Lối sống ấy càng bền bao nhiêu, tiểu thuyết càng sống lâu bấy nhiêu, và nhân vật hiện hình ở rất nhiều người ngoài đời.

TÔ THUYẾT YÊN : Đó cũng là ý kiến của Wilde : La nature imite l'art. Nhưng trước khi những người ngoài đời bắt chước lối sống của nhân



vật tiểu thuyết, nhân vật tiểu thuyết đã bắt chước rồi lối sống ngoài đời. Cuộc đời vẫn mang đến cho tác giả những nguyên liệu xây dựng tác phẩm. Đó là điều không thể nào chối nhận được.

NGUYỄN SỸ TẾ : Có một kinh nghiệm rất lớn cho người viết tiểu thuyết, mặc dầu vấn đề có vẻ giáo khoa : Đó là sự nối kết giữa nhân vật với tác giả, với thời đại. Một hôm Vũ Khắc Khoan hỏi tôi tại sao những tiểu thuyết trước 1940, tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn bây giờ đọc không hứng thú gì nữa ? Chính là ở trường cửu tính và nhất thời tính của tiểu thuyết. Tác phẩm muốn trường tồn phải có hai điều kiện. 1) Đạt tới tính lặc của nghệ thuật. 2) Đạt tới đây siêu hình của con người. Muốn có trường cửu tính phải xây dựng bằng nhất thời tính. Những tác phẩm tiền chiến không sống sót nữa vì 1) Tác giả bất tài 2) Tưởng tượng đã sống với thời đại mà không sống gì cả. Cũng có khi nhất thời tính bị lấn át. Tôi đã làm một thư điều tra. Tố Tâm, Tuyết Hồng Lệ Sử khi mới ra đời đã làm lãng quên đến cả Kiều của Nguyễn Du. Nhưng về sau lại chìm đi, vì giá trị Tố Tâm và Tuyết Hồng Lệ Sử thua hẳn Kiều ở hai điều kiện trên. Thí dụ về sự đạt tới đây siêu hình của con người : ta không sống ở Nga và thời đại Nguyễn Du mà những tác phẩm của Dostoevsky và Kiều vẫn khuấy động đến phần sâu thẳm trong ta. Chính vì những tác giả đó đã sống đến sống chết với thời đại mình. Tác giả tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn chưa sống với thời đại. Chứng cứ : Những thăm kịch chưng ra trong tiểu thuyết T.L.V.Đ. chỉ là một phần rất nhỏ của tấn thăm kịch xã hội thời đó. Đứng ngoài ngó vào, nghe đồn, không sống hẳn nên những thăm kịch nêu ra đều hết sức phiến diện. Nhân vật thì chưa đau đớn hết thân phận chúng. Sống với thời đại là phải chia sẻ trong từng thời khắc mọi sức nặng của tất cả các vấn đề chồng chất, kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội, tóm lại tất cả khối đời sống. Vấn đề làm tôi thắc mắc : Xưa nay chúng ta có quan niệm hơi sai lầm về đời người viết phải xa đọa, truy lạc. Rất có thể nếp sống chỉ là tự dối mình để lấp đầy khoảng trống hải hùng của tâm hồn, để trốn tránh thời đại. Thái độ đó cần lên án. Còn nếu thái độ đó là một hành động ý thức phản kháng cái nếp sống giả dối của thời đại mà những kẻ thủ lợi dùng nó để che đậy những vấn đề sinh tử của đời sống thì đó là một điều có thể chấp nhận. Tôi không nhất đán lên án tiểu thuyết của sự phi lý, sự thất vọng nhất là của Tây Phương ngày nay.

THANH TÂM TUYỀN : Xin soi sáng ý này của anh Tế, là vấn đề đó thì sự thực tùy sự đòi hỏi của bản chất từng người. Có những người ngồi im lặng một chỗ mà thấu góp hết tất cả cái đau đớn của một đời ở trong mình để thoát ra tác phẩm. Còn những người viết khác, những người viết chỉ là con đường tuyệt vọng cuối cùng, thì cần sống mãnh liệt để



giải thoát những ám ức mà sa đọa trong một hoàn cảnh xã hội bế tắc là một sự sáng tạo vô ích, nhưng cần thiết với hắn.

NGUYỄN SỸ TẾ : Tôi nhắc lại, trong tác phẩm chỉ có một nhân vật là tác giả. Tác giả cần phải thay đổi đạo đức. Trần Tế Xương bị lên án về đạo đức. Nhưng chính Trần tế Xương đã thay đổi cả đạo đức trong nguyên lý. Trong một xã hội thối tha mọi tội ác chống nó, phá vỡ nó đều có thể chấp nhận.

THÁI TUẤN : Nhân vật có là những kiểu mẫu đề mọi người noi theo không ?

THANH TÂM TUYỀN : Trở về nhân vật. Anh Tế nêu lên nhất thời tính và trường cửu tính. Riêng tôi khi viết chỉ nghĩ đến người đọc hiện thời và bỏ qua sự bất hủ. Người viết tiểu thuyết nên đánh cá với tương lai không nên tìm cách tạo những nhân vật vĩnh viễn. Sự sống sót của nhân vật sau này ở ngoài ý muốn tác giả. Nên để phần may rủi cho người đọc sau này định. Ý kiến ấy tôi học của Sartre.

DOÃN QUỐC SỸ : Nhân vật phải có sự sót sa về hiện tại rồi từ hiện tại vươn lên sự trường cửu của tâm tính, không thể hững hờ với cuộc sống hiện tại.

THANH TÂM TUYỀN : Đặt một câu hỏi. Thử quy định một cách phác lược thế nào là một nhân vật của thời chúng ta đang sống đây.

DUY THANH : Khó mà quy định được rõ ràng. Tác giả chỉ có thể tạo nhân vật hẳn tưởng là thời đại, theo một quan niệm riêng. Nếu có hình thành được cái mẫu điển hình ấy hay không lại do tài người viết.

TÔ THUY YÊN : Một tác giả — chúng ta coi là chân chính — không thể chọn lựa lấy cho mình một lối nhìn sự vật. Lối nhìn ấy đã có sẵn từ bao giờ trong xương thịt của hắn. Một đề tài, một nhân vật đã có sẵn trong người hắn, trước khi hắn tìm thấy, biết đến. Nói như Plisnier thì một nhân vật là một kết quả tất yếu, bất ngờ của sự dính liú giữa hắn và đời sống, và nhân vật ấy hiện lên tác phẩm và mang sẵn trong nó cái ám ảnh suốt đời không cưỡng lại được của tác giả. Tôi chưa viết một cuốn tiểu thuyết nào, thành thử không thể rõ những nhân vật sau này của tôi. Không ai có thể đặt định được gì cho tương lai mình trước được.

THANH TÂM TUYỀN : Ở những tác giả buộc chặt được với thời đại tôi thấy có thể quy định rằng : nhân vật thời nay là một thứ người bước vào cuộc đời với một cặp mắt ngỡ kinh ngạc và đòi hỏi một sự đặt lại tất cả các vấn đề mà từ trước tới nay người ta coi như đã giải quyết ổn thỏa hay người ta đã làm lơ.

TÔ THUY YÊN : Dùng hình ảnh, là « nhân vật với con mắt người tiền sử. »



THANH TÂM TUYỀN : Riêng ở Việt Nam sự tạo ra những nhân vật như thế rất cần thiết để bù đắp cho thái độ ôn hòa và trầm lặng của mình trong mấy ngàn năm. Bởi vậy nhân vật người viết ngày nay sẽ không là một người vô về kẻ đọc. Nó chính là những con quỷ ám ảnh — những con quỷ thời tiền sử về ám ảnh — kẻ đọc, trong những lúc tỉnh thức. Đó chính là một cơ mà tôi thành thật với tôi và với bạn tôi mà nói rằng : Nhiều lúc tôi khó chịu với nhân vật ôn hòa của Doãn Quốc Sỹ.

THÁI TUẤN : Nhân vật trong hội họa đã không được khỏa thân về thể xác, nhân vật trong tiểu thuyết phải được khỏa thân tâm hồn.

TÔ THỦY YÊN : Tôi rất tiếc mình mỗi khi phải đọc xong một cuốn tiểu thuyết mà cả tâm hồn tôi không được lay chuyển sụp đổ tận gốc rễ. Bởi vậy tôi thích nhân vật Duy Thanh, Thanh Tâm Tuyền hơn nhân vật Mai Thảo, Doãn Quốc Sỹ. Không biết tôi có bị quan cùng cực không nhưng tôi cho là có cái vinh dự chứng kiến (hay tham dự) cuộc tranh chấp quyết liệt của nhân loại. Nên tôi muốn tìm thấy phần nào nỗi kinh hoàng đó của tôi trong tiểu thuyết.

DUY THANH : Tôi muốn những nhân vật tôi phải là một sự phiêu lưu bất kể mọi giới hạn. Cũng phiêu lưu như khi tôi làm công việc nghệ thuật. Tất nhiên, lúc viết cần có một vài ý tưởng căn bản về hành động của nhân vật. Nhưng khi chúng bắt đầu có mặt trên giấy thì chúng cũng được phép tự do sống cuộc sống của chúng. Mình lúc bấy giờ chỉ ở vị trí một kẻ ghi lại.

THANH TÂM TUYỀN : Một điều nữa : không những nhân vật thời nay chỉ có sự ngạc nhiên của thời tiền sử mà còn kèm thêm sự sợ hãi, nói mạnh hơn, là sự kinh hoàng trước cái mù mịt của tương lai và chính nó, bởi người ta đã giúp nó nhìn thấy nó quá rõ. Có thể đặt một hình ảnh như sau này để tả tình trạng mập mờ không biết là tuyệt vọng hay hy vọng : nhân vật được đặt trước một thứ ánh sáng chói lóa nên tối mắt, đến cuối cùng nó không biết là ánh sáng hay bóng tối nữa. Người đọc chắc hẳn thấy điều ấy nên sợ các nhân vật mới.

Tóm lại đây là trình bày về nhân vật của tôi : Tôi chia tiểu thuyết làm 2 giống : một giống tiên biên là Tolstoi và Dickens. Một giống là Dostoievsky. Những nhân vật của giống thứ nhất là những nhân vật yên ổn dù có qua bao nhiêu lần cơn quấy xáo trộn của đời sống rồi vẫn thu xếp với nhau xong. Và cuộc đời sau câu chuyện lại tuần tự tiếp diễn như không có gì xảy ra. Những nhân vật của giống thứ hai kéo dài cho tới bây giờ — tôi tôn Dostoievsky là tiểu thuyết gia đại tài nhất nhân loại — liên lẩn làm xáo trộn đời sống và khi chúng mất đi, đời sống không trở lại nếp cũ được. Đó là những nhân vật quý quai nhưng chính là những bộ dạng chân thật



mà con người vẫn quay mặt không dám nhìn tới.

NGUYỄN SỸ TẾ : Những ý kiến phong phú và phức tạp của chúng ta về nhân vật tiểu thuyết qua mọi khía cạnh của vấn đề chứng tỏ những suy ngẫm sâu xa về một đề tài mà ít ai cho làm trọng và cho phép tôi nhận định rằng không có thời nào văn-học lại có tinh cách siêu hình bằng thời đại này. Cho nên tôi mới nghĩ rằng nhân vật tiểu thuyết đều khoác đặc tính này, nếp sống kia liên lạc với tác giả và thời đại ra sao, vấn đề vẫn là một vấn đề chung cho văn-học nghệ-thuật : *vấn đề sống và viết của những người văn nghệ*. Tôi bao giờ cũng thành khẩn kêu gọi và tin tưởng ở một văn chương ý thức và tự do (*littérature conscientes et libre*).

mai thảo ghi



# THANH TÂM TUYỀN

## mặt trời tìm thấy

*Souvent je ne parle que pour toi,  
afin que la terre m'oublie.*

RENÉ CHAR

Gỡ mình ra khỏi trói buộc của thời gian, con chim không làm tổ trên trần nhà kín. Vài cọng rơm nhất ngoài đồng nội, hương của tóc em — anh tưởng tượng. Bỏ ngoài quá khứ, những hòn sỏi chìm xuống đáy nước trong. Anh thêm khát.

Anh thường kể câu chuyện thần thoại. Chàng hoàng tử ôm một trái tim trắng tim tình nhân, người làm cho tim chàng hóa thành màu đỏ trần gian ; vì màu trắng ác độc giết chết những kẻ yêu chàng.

Kẻ ấy chàng không bao giờ được gặp, nàng chưa đầu thai xuống thế.

Và sau những chấp chùng...

Tấm mền tương tư trên cỏ nhung thơ ấu  
Trời đêm nhiều sao trên mi giọt lệ những xa vời



Chuỗi cười ngọc bích bởi hồi

Em : cả thiên nhiên trải rộng chum xuống hồn dưỡng  
bệnh.

Hãy ngửa khuôn cổ tròn như một cành hoa trắng, anh  
đeo vào đấy vòng ca ngời.

Hãy chìm mắt xuống những lớp nhớ nhung như biển  
lớn anh đang dâng

Hãy đặt hai bàn tay mười ngón lửa sưởi lên môi anh  
từng lạnh giá bởi những lời đã thốt

Anh sẽ hôn em, thời khắc hạnh phúc vẫn mong manh  
Mà vĩnh viễn đó.

Bao giờ anh đã nằm soi mình bên giếng nước trên đỉnh  
non cao, toàn thân trơ hồn phiến đá, nghe thịt xương ứa  
héo buồn thảo mộc. Và đắng cay của độ cao hun hút  
rút dần từng móng tay, móng chân cũng chắt nảo nhờn.  
Nào thể biết niềm hoan lạc, đám mây bay buông thả tan  
theo mộng giữa trời.

Rồi lạc thú em mang đầy giữa rừng tóc rối, và hân hoan  
chờ đến với hình hài, vắng trăn kia đưa về miền xa lạ,  
anh chỉ còn là chút hương loãng chìm trong bát ngát.

Tôi đã trở về nhận quyền âu yếm của người không tên.



Đêm nay anh gởi đầu lên hy vọng thì thắm trên mồ dĩ  
vãng chôn sâu những thi thể cứu thù và tha thứ.

Mùa hè dài vô tận những dự tính hồn hậu chẳng dấu  
che. Nỗi đê mê khoái cảm, trái cây vừa chín cần vào,  
ngậm hết giọng cười rực rỡ trong cả vòm trời êm như  
ngực thỏ. Hy vọng buông xuống giữa không gian tự do  
anh không cần ôm lấy mặc cho tình ái đông đưa bằng  
rung động tinh khiết. Cả người anh tình ái và hy vọng  
và tự do phủ bàn tay màu nhiệm hóa thành bóng hư vô.

Vinh quang cho những kẻ sống một đời một kiếp chẳng  
bao giờ chờ đợi hẹn hò.

Bởi con chim vẫn giam trong lồng ngực vừa được bay  
nên bay mau hơn ánh sáng, anh nhìn được mắt em tuyệt  
vời tận muôn nghìn quá khứ.

Bởi con chim đã bay kịp thời gian nên chậm lại, anh  
nhìn thấu hồn em trong suốt những mai sau.

Bởi con chim còn xoe cánh liệng tròn, anh thấu nhận hết  
em qua vô vàn hình ảnh.

Trong một thế giới, anh thức dậy vượt hoài lên khỏi  
mình những tầng địa ngục giam giữ. Trong một thế giới,  
em nhỏ bé và cao vút, anh ngưỡng vọng.

Trong một thế giới :

Em hoàn toàn, luôn luôn mới lạ.



Mái tóc là điệu cười nhẵn nhủ  
Mùa thu mật ngọt hôn gót chân  
Và vàng trần  
Ngủ thiên thần mộng寐.

Bắt đầu cơn điên dầm ắm  
Khi không sao ngó thấy nụ cười  
Phải màu cầm chương  
Hay màu lệ lan  
Hiều đầu ý nghĩa một loài hoa  
Mê dầm ngất vào hai khóm mắt.

Sáng tạo lấy từ ngữ yêu đương, hiền như lá cỏ, anh tìm  
tới thời cô đơn tuổi đại. Biết bao nhiêu quen thuộc lúc  
mai kia nghỉ hè, chạy nhảy giữa bãi hoang, triền dốc  
núi, ngó xuống giòng sông yếu như nghịch ngợm. Bằng  
mắt nhìn màu xanh ôm bóng trắng, sợi chỉ thần tiên em  
thả, anh nối liền những vụn ngọc bỏ quên ngày cũ thành  
một thứ lời ca lập dị trẻ con.

Chuỗi ngọc muôn màu, những mảnh đời tan nát mang  
tặng em là những-chưa-từ-biệt.

Anh muốn chiêm ngưỡng em trên bức vẽ khỏa thân bằng  
mực đen của một nhà họa sĩ, râu tóc đã ngoài bảy mươi  
tuổi, có cặp mắt mới lên năm.



Buổi sớm còn ánh trắng, đèn thành phố đã tắt, tôi ra khỏi căn phòng đến nơi hẹn. Nơi hẹn nào? Tôi không rõ. Tôi rảo bước, cầu mong đừng ai nhìn ra tôi. Đừng ai nhìn ra tôi. Tôi là ai? Tôi thấy tôi đi trên nền trời và trời hơi run lạnh như bàn tay mỏng khép nép. Tôi tưởng tượng người sẽ gọi tên tôi thứ nhất là một người con gái dịu dàng. Và tôi quay lại. Chỉ thấy tôi đang đứng dưới chân đường dốc, đầu đầy những chùm lá hiện lên mùa đông. Tôi vẫn đi, lục trong trí nhớ nơi hẹn gặp, lang thang vào buổi chiều quanh quẽ. Tôi lo lắng nghĩ đến người chờ đợi. Khách qua đường nhìn tôi như cành cây, không người quen nào hết. Đêm tối tôi trở về, luôn luôn nghe sau gáy một cặp mắt âu yếm rung động. Mặt trăng sắp lặn còn chờ tôi nơi đầu ngõ vào nhà.

Tôi từ biệt tôi và gặp em đang đón đợi.

Chia tay với mặt biển ngày ngày khép kín, với những trường thành dĩ vãng hắt hủi — sinh phần lạnh lẽo xây bằng đá ong hăng hăng tuyết vọng. —

Chia tay với rừng già khô cháy miền nhiệt đới, với sức thù hận đốt bùng những cỏ ấu phứt giầy. Cánh cửa đóng chặt và im ngay tiếng kèn xè ruột.

Chia tay với mọi khuôn mặt tưởng vọng chưa xuất hiện.

Chia tay với những thân yền thời nào đấy.

Tôi đứng trước mặt em, trước cặp mắt rạng ngời của kiếp sống, của bóng chết.

Trước bàn tay sơ sinh — tự do.



Em ngủ trên vai anh, bông hoa nở trên thân cây mới mọc. Anh chụm những lá tay che khuất khuôn mặt em. Hơi thở nhỏ như tơ buồn qua kẽ lá. Anh nhắm mắt nhìn thẳng vào mặt trời sáng êm, *mặt trời bằng bạch kim là dung nhan cô gái nhỏ*. Phải chăng chính anh đang nói? Giọng nói xuôi theo mạch máu hồng thấm lan trong quên lãng. Anh quên được anh, triền miên giữa bình minh đồng vắng.

Và cánh tay em dẫn dắt  
Và hương thơm linh hồn  
Và đêm tóc anh úp mặt  
Trong đáy cùng bản thể đang xa rời.

Bàn tay như làn nắng hanh thu ve vuốt mở hết giác quan là những cặp mắt vẫn ngủ say. Màu trắng hiền hòa như lớp mưa đầu mùa giăng lấy con người thơm hương lạ sự hiền nhiên huyền bí thường ngày chẳng cần dò hỏi.

Tại sao anh chọn em? Nào anh có chọn.  
Em là mặt biển xanh chờ đỏ, xưa kia anh sống trên rừng giữa bầy bộ lạc phiêu lưu.

Chưa bao giờ anh hiền lành như hôm nay. Anh ở trong thành phố không quá khứ, ngõ xóm còn buông theo tưởng tượng rắc rối hơn tình yêu, anh đang đặt tên em để mình anh gọi. Anh viết cho em từ xứ sở xa vời khi qua bảy màu cầu vồng nơi mắt em với những mưa nắng hoàng hôn bình minh đột ngột, ở đây cửa nhà cười nói bằng rung động và anh bước xuống những triền vực



thăng bằng không chong mạt rồi chẳng hiểu mình đang  
ở trên cao hay dưới thấp.

Có những ngôn ngữ của sự vật im lìm kín tiếng, giọng  
ấm như tấm chăn đơn đêm trở lạnh. Anh đã qua những  
đêm hải hùng mà bóng tối trống trơn như lỗ huyết, hình  
hài khô mục như ác mộng và tử thần bỏ mặc một lá cây  
giả. Bây giờ, và những bây giờ mãi mãi, màn đêm như  
lòng đen mắt ấy là con tim cao vời tử thần về nhịp mùa.

Sẽ chết như sao rơi vào bất tận.  
Sẽ yên như giọt nước hân hoan.

thanh tâm tuyền



# DUY THANH

## chiếc lá

**M**Ã T biển xăm một màu xanh, sóng nhẹ từng đợt xô lên bãi cát những lớp bọt trắng. Tôi ngồi chống tay trên chiếc khăn trải màu đỏ nhìn đám người nô đùa trong làn nước. Buổi sáng chủ nhật nơi bãi biển thật trong mát, khác với cái nắng oi bức thành phố. Nhất là vào mùa hè, người ta có thể điên đầu với sự nóng bức lắm chứ? Cho nên có dịp là tôi thoát khỏi thành phố, hoặc lên núi hoặc xuống biển. Để đổi không khí. Có lẽ là thế mà tôi nhận lời đi với tụi Long, Vĩnh là những thằng bạn trai của tôi. Tụi nó là con nhà khá giả lại có xe hơi, thêm cái mã ngoài khá bảnh bao. Tại sao tôi lại không có thể bắt bỏ với chúng trong một thời gian? Tôi thích thay đổi, từ vấn đề ái tình, sinh lý, không khí, đồ ăn, phong cảnh. Tất cả. Những cái gì quen thuộc đều làm tôi phát ghét. Tôi chán ngấy những bộ mặt quen thuộc quá. Thế nào người ta cũng bắt gặp sự ngờ ngằn đần độn, hiện lên trong một thoáng nào đó ở những bộ mặt thường ngày có vẻ tri-thức nhất, nếu không là sự ngu độn thường trực. Có lẽ vì thế mà tôi ưa nhìn thiên-nhiên. Thiên-nhiên ít ngu xuẩn hơn con người. Cứ kể một đứa con gái như tôi mà nghĩ ra những điều đó thì có vẻ khác thường quá. Tôi muốn nói hơi già nua là khác. Vậy mà tôi nghĩ như thế. Tôi còn nghĩ và dám hành động những điều hơn thế nữa. 19 tuổi đầu. Một sự mai mỉa. Tôi nhìn thằng bạn trai ở dưới nước lóp ngóp đi lên. Trông y có một vẻ hoan hỉ đến khó chịu. Y lấy hai tay vuốt lại mái tóc cười bảo :

— Sao Thủy không xuống tắm một hồi nữa với chúng anh mà lại lên trước thế này.

— Thì em không được quyền phơi nắng và không được quyền ngắm thiên-hạ sao?



— Trông Thủy đẹp như một tượng thần.

« Nó không nịnh mình đấy chứ? nhưng sao lúc nào nó cũng chỉ biết khen mình thôi? », tôi nghĩ thầm vậy, nhưng chỉ hỏi nghịch:

— Thần nào, thần vệ-nữ ấy à?

Vĩnh ngồi xuống cạnh tôi gật đầu:

— Đúng. Ý nhìn tôi nói tiếp:

— Anh thấy Thủy có cái cười cynique tẻ. Chính anh thích em ở chỗ đó. Ý không dám nói đến chữ yêu. Nhưng ý đã dùng đúng chỗ động tứ thích. Tôi chưa hề yêu Vĩnh, cũng như chưa hề yêu Long, yêu một người nào khác, tôi chỉ tìm ở họ cái chất đàn ông, và đối xử như những người bạn trai tôi đã quen. Có lẽ vì họ trẻ quá chăng? Vĩnh chỉ hơn tôi chừng 4, 5 tuổi. Sinh viên, thích văn chương thơ phú. Có những lúc ý ngâm một mình những bài thơ tình của ai không biết. Tôi thì không thích những gì thuộc về thơ. Đề trên ý và cũng đề phát biểu ý-kiến của mình, tôi thường bảo: Ở đời không có gì chán bằng thơ với thần. Anh có thấy thế không? Tại sao người ta lại thích làm thơ, viết văn. Những lúc ấy nếu Vĩnh không giảng giải về cái thích riêng tây đó thì ý sẽ giận tôi đến mấy ngày liền. Thường khi tôi vẫn tự hỏi: tất cả những truyện vụn vặt xảy ra quanh đời mình có gì đáng lưu tâm? nên tôi bỏ qua được nhiều chuyện và lắm khi cũng còn lại thấy thích thú về sự độc ác đến lạnh lòng của mình.

Tôi nhìn những giọt nước đọng trên mình Vĩnh long lanh « đại dương ngủ trên mình hân ». Ý nghĩ đó làm tôi mỉm cười. Vĩnh hỏi:

— Thủy cười gì đấy?

— Hình như em vừa nghĩ ra một tứ thơ. Vĩnh hỏi gặng là tứ thơ gì nhưng nhất định tôi không chịu nói.

Lúc bấy giờ bọn Long, Độ, Dung nô đùa chán ở dưới nước mới lội lên chạy về phía chúng tôi. Những miếng cát tung sau bước chân của họ. Tôi nghĩ đến một cuốn phim chiếu những cảnh vui vẻ như vậy ngoài bãi biển, tuy nhiên không ở ạt bằng. Nhưng thế đã đủ gây một không khí khác với không khí thành phố và làm tôi thích thú rồi.

Mấy đứa trẻ nhỏ nghịch cát xa xa. Các cậu thanh niên lướt qua lướt lại quanh những tiểu-thư nồn nường. Từ lúc này ngồi ở đây tôi cũng lo cái đích cho bao con mắt của cả phái yếu lẫn phái khỏe dòm ngó tới. Tôi có một thân hình đều đặn mà các bạn trai đều chịu rằng này lửa, nghĩa là tôi, một đứa con gái xinh đẹp. Tôi không hiểu nếu xấu thì tôi sẽ sống ra làm sao. Ất không thể là cuộc sống hiện tại. Có lẽ tôi sẽ thuận thực hơn nhiều và biết đâu chẳng là một cô gái kiêu mạn, chịu khó làm lung và sẽ trở nên một bà mẹ hiền? Nhưng mà tôi lại đẹp. Điều đó làm tôi vẫn khoái trá mỗi khi tự ngắm mình trong gương. Vậy thì tôi càng nên xử dụng cái nhan sắc đó trong những ngày tôi còn trên cõi đời lắm chứ? Tiếng Dung nói: Thôi chúng



ta đi thay quần áo rồi trở về khách sạn thôi. Em thấy đôi quá rồi. Long quang tay qua vai Dung : Ai bảo em nghịch nhiều quá.

— Thì cũng là lỗi của các anh nữa, riêng gì em.

Cả bọn cùng cười. Tôi thấy Dung hôm nay vui vẻ nhất. Chẳng lẽ nó đã tìm ra ý-nghĩa của ái-tình ? Tôi quen Dung chưa lâu, cũng chỉ qua sự giới-thiệu của Long tuần trước. Cứ trông lối cư-xử thì họ có vẻ khăng khít với nhau lắm. « Bao nhiêu lâu nữa ? ». Câu hỏi ấy nảy trong đầu tôi như một tiếng trống đánh gọn gàng. Tôi bỗng đề ý đến Độ. Y đứng khuất sau Long, đôi mắt nhìn vào người tôi chăm chăm. Với lối nhìn ấy thì Độ có vẻ thêm muốn tôi lắm. Bất gặp tôi nhìn lại, Độ quay ra phía biển khơi nhưng dáng điệu không đến nỗi lung túng lắm. Không biết là y cảm thấy ngượng hay là y sợ tôi ngượng mà quay đi. Dầu thế nào thì tôi cũng thấy bằng lòng. Tôi biết tôi còn đầy quyến rũ, nếu muốn, tôi có thể làm cho bất kỳ một ai mê ~~mê~~. Tại sao tôi không tỏ thái độ với y một tý cho đỡ buồn ? Trong ba gã trai trước mắt thì Vĩnh là người tôi quen trước tiên. Tôi gặp y trong buổi tiệc cưới một người bạn. Ngay tối ấy chúng tôi đã khiêu-vũ với nhau. Về sau tôi gặp Vĩnh nhận một sự tình cờ khác ở ngoài đường. Rồi tôi còn nhận lời đi chơi với y một vài lần nữa. Y giới thiệu cho tôi Long, rồi mời đến Độ. Lần đi chơi bãi biển này là lần đầu tiên tôi gặp Độ. Độ có vẻ ít nói hơn hai bạn và có dáng điệu một quân nhân ở chỗ đa dề xạm nắng, bước đi vững chắc. Chúng tôi ăn uống ở một tiệm mở gần bãi biển. Gió khá mát mẻ nên ăn được nhiều, nói chuyện cũng nhiều.

Sau bữa ăn Long bảo : Bây giờ mỗi người có thể đi chơi riêng biệt rồi tới chốc nữa sẽ trở lại đây, rồi sửa soạn về.

Xem cái điệu nói ấy thì y muốn du dương với Dung ở một chỗ khác mà không sợ chúng tôi quấy rầy. Vĩnh đứng dậy, khẽ mím môi nhìn tôi rồi nói : Còn tôi thì cũng đi việc của tôi. Tôi đoán y muốn tôi ngăn lại rồi bảo y đưa tôi đi chơi một lúc chẳng hạn. Nhưng tôi không nói câu gì hết. Dung cười khanh khách : Anh lại định đi theo cô nào phải không ? Long nháy mắt : Chắc anh ấy kiếm một chỗ làm thơ đấy. Độ không nói tay dứt túi quần lăm răm một khúc hát Mỹ. Trông mặt Vĩnh tôi biết y giận dữ vì thấy tôi đề ý đến Độ trong câu chuyện nói lúc ăn quá. Thì tôi cũng chỉ cần có vậy. Tôi tính làm cho Vĩnh giận để tôi có thì giờ tán công Độ một cách hiệu quả hơn. Từ trước đối với tôi Vĩnh vẫn ở vị trí một người bạn. Y chưa thể thích hợp với tôi, cái lối đối xử của y với đàn bà có vẻ lý tưởng quá. Tôi ưa những hành động tầm thường hơn. Tôi chỉ là một con đàn bà. Chẳng lẽ tôi lại nói điều ấy ra. Đáng lý y phải hiểu tôi hơn mới phải.

Dung nhìn tôi và Độ một con mắt đầy ý-nghĩa. Nó liếc sang Long giờ tay véo vào cằm gã đàn ông đang phác một nụ cười. Rồi hai đứa



đi nhau đi. Chiếc quần chần sọc xanh đỏ của Dung uốn éo trong nhịp bước làm tôi nghĩ đến một con rắn cạp nong. Một con rắn. « Thi chính mày cũng là một con rắn độc rồi còn gì ». Âm hưởng ý-nghĩ loảng xoảng trong óc. Tiếng Độ bảo tự nhiên vô cùng, như tôi đã thân thiện với y từ bao giờ : — Còn nhiều thi giờ chúng mình đi dọc bãi biển nói chuyện chứ gì. Tôi đề Độ cầm lấy tay tôi. « Nó tiến bộ hơn Vĩnh nhiều ». tôi tự bảo và lẳng lặng xem y sẽ làm những gì. Chúng tôi đi một quãng dài đến một chỗ vắng vẻ toàn những mô đá. Tôi chạy trước nhảy qua những tảng đá nhỏ trốn sau một tảng đá lớn, rồi ngã mình vào đấy mà thở. Độ chạy theo nói vọng: Thủy, cẩn thận không lại ngã tẹo xương đấy, không ai công về đâu. Tôi nín thở không cười.

Nhưng Độ khám phá ra tôi ngay. Y tiến sát vào người tôi rồi hôn rất lâu trên môi tôi. Hơi thở lẫn mùi thuốc lá làm tôi dễ chịu. Hai tay của y nắm lấy vai tôi. Ngực y đè vào ngực tôi đến tức thở. Mô đá đằng sau hằn vào lưng đau nhói. Nhưng tôi không kêu đau. Tôi thấy lần hôn này có một khung cảnh là lạ khác với những lần trước trong tay những gã tình nhân khác. Bỗng nhiên Độ buông tôi ra. Y đứng sang bên cạnh tôi, cũng tựa mình vào tảng đá, hai tay đút túi quần, đầu ngửa nhìn trời. Y hút thuốc lá một lúc khá lâu. Câu hỏi đột ngột bỗng rớt xuống như một vết chém. — Em đã ngủ với bao nhiêu người rồi, Thủy ?

Kể thì câu hỏi đó cũng không làm tôi giận dữ nhưng làm tôi ngạc nhiên. Vì tôi không tưởng rằng y sẽ hỏi một câu trắng trợn và thân nhiên như y đã biết hết quá khứ của tôi, rồi hỏi như vậy để xem tôi phản ứng ra làm sao. Đáng lý tôi cũng sẽ trả lời trắng trợn một cách gọn gàng : Thì đã sao ? Nhưng tôi cảm thấy ghét đến thù hằn. — Sự thù hằn mọc từ mặt cát, leo lên những mạch máu tụ vào giữa tim tôi. — Sao nó lại biết thân nhiên như thế. Nhất là từ trước qua những câu nói chuyện tôi vẫn coi nó không có gì đáng đề ý cho lắm. Vậy mà bây giờ trông điệu nó bình thản đến phát điên lên được. Nó lại có thể giống tôi được sao ? Tôi quay sang nó chẳng nói chẳng rằng bất thình lình tát một cái thật mạnh. Tôi lại giận hơn nữa là nó như đã sửa soạn nhận cái tát ấy. Nó không thêm đỡ. Tôi định tát cái nữa, nhưng nó bắt lấy tay tôi kéo mạnh mà hôn tàn nhẫn. Tôi chỉ kịp nghĩ « Ta sẽ cắn nó ». Nhưng không. Nhưng không. Nó đẩy tôi ngã ngổ trên một tảng đá rồi quay đi chậm rãi theo dọc bờ nước. Tại sao nó lại hành động như thế. Tôi không biết. Và thái độ của tôi nữa. Tôi cũng không biết. Tôi nhìn những vết chân của nó in trên bãi cát cảm thấy nước mắt đang chảy ra. Từ lâu lắm rồi tôi không có khóc. Ngay cả những trường hợp đáng khóc lắm cũng không khiến tôi chảy nước mắt. Mà lần này lại có. Thật là



một sự lạ lùng. Tôi nhắc thầm : rõ phi lý, rồi đứng lặng im nghe mấy giọt nước mặn từ gò má lăn xuống áo. Tôi không hiểu những tảng đá lớn chúng sẽ nghĩ gì khi trông thấy tôi như thế này. Cũng may là chúng vô tri vô giác. Nếu vạn vật đều có một linh hồn để nghĩ thì tôi không còn biết đứng chỗ nào. Chắc hẳn tôi sẽ tìm cách chết. Tôi muốn đứng cô đơn để thấy mình cô đơn hoàn toàn như một tinh cầu trong không gian. Tôi thù nó. Thù nó vì bắt đầu thấy sự hiện hữu của nó bắt rễ trong tôi. Không thể được. Tôi có hàng tá nhân tính nhưng chưa ai được tôi thật tình yêu mến. Tất cả chỉ cốt để qua thi giờ ngày tháng. Tôi muốn nhận rõ sự vô nghĩa của những người đàn ông trong đời tôi. Từ hành động đến dáng điệu, lời nói, chúng đều có một điểm giống nhau : sự tầm thường. Hay cuộc đời chỉ là những tầm thường nhỏ mọn gom góp lại ? Tay ôm lấy đầu, tôi úp mặt trên tảng đá cho những hàng nước mắt mặc tình rơi xuống. Cho sự vô lý tràn trụa trôi đi. Và bỗng nhiên tôi nghĩ lại quá khứ như thấy mình thù tội với nó, với cái gã đàn ông mà tôi thù ghét ấy. Gia đình tôi có ba chị em gái. Hai chị tôi đã lấy chồng cả rồi, Còn tôi dĩ nhiên là chưa. Cha mẹ tôi chết vào năm tôi 12, 13 tuổi. Thành thử tôi ở với bà chị hai từ bấy đến nay. Chị hai tôi lấy chồng trước khi cha mẹ tôi mất ít lâu. Chị là một nội trợ tháo vát, buôn bán đầm đang. Ông chồng là thư-ký một hãng buôn lớn. Tôi nhờ gia đình tôi thuộc vào loại nền nếp. Thuở nhỏ tôi vẫn bị câu thúc vào mọi thứ khuôn phép luân lý. Hai chị tôi lúc nào cũng ngoan ngoãn vâng lời. Tôi thì không. Tôi không chịu những bài luân lý mà người ta cho tôi, nhồi vào sọ tôi, hoặc bắt thế này thế khác bằng gíoì bằng vọt. Nên tôi vẫn bị coi là đứa trẻ bướng bỉnh nhất nhà. Cũng may mà chị tôi lại thương tôi. Đến khi lớn, tôi cũng biết thương chị tuy thương thương tôi vẫn làm theo ý muốn của mình. Có lần chị tôi bảo : Thủy ạ, em chịu thương chịu khó mai sau kiếm một tấm chồng cho xứng đáng để hương hồn thầy mẹ cũng được hả. Tôi gạt đi : Em lớn rồi, chị mặc em lo liệu cho thân em. Nếu chị còn lời thôi em sẽ đi ở chỗ khác. Chị tôi thấy tôi sừng sộ thì im ngay. Còn chị ba tôi thì như ghét tôi hơn. Trong một cơn giận dữ chị đã mắng tôi : « Cái thứ mày thì hồng, cứ nuông chiều mày không học hành ngoan ngoãn gì cả, ngày sau chỉ có làm đi » Lần ấy tôi cãi nhau với chị ba kịch liệt và nghĩ có dịp sẽ trả thù. Tôi cũng chẳng hiểu có thật tôi đã trả thù chị hay không hay đó chỉ là một cái cớ tôi bày ra. Vì chị ấy đâu có biết việc tôi đã làm, mà chỉ có hằn biết. Cho đến giờ phút này hằn còn đang đau khổ đầy lên vì tôi mà phải chịu vậy. Có bao giờ tôi yêu hằn đâu. Tôi chỉ để hằn xử dụng tôi một lần một cách lạnh lẽo. Năm ấy tôi 15 tuổi. Chính tôi đã nuôi sẵn cảm giác ấy để xem hằn ra sao. Tôi muốn đo cái độ dục của hằn những khi hằn ngủ với chị ấy như thế nào. Cũng lạ, cái cảm xúc ấy lúc để phòng trước thì thấy tầm thường hết sức. Tôi thấy cái hình thù sát



cạnh mình đến là vô nghĩa. Hắn đã phải ngạc nhiên khi những lần sau gạ gẫm tôi mà không được. Tôi đã cười mũi và quay đi. Một lần hắn định làm dữ nhưng tôi đã tát hắn đến hắn 5 đầu ngón tay trên má. Lần ấy gia-đình hắn lục đục vì hắn đã tức lây sang vợ con khi chị ấy hỏi về dấu vết đó. Có lẽ tôi đã báo thù được chị tôi quá nhiều. Từ ba năm nay tôi toàn sống theo bản năng, chị tôi cũng đành mặc vậy. Tôi thích thú này cũng như không thích thú nọ một cách nhanh chóng. Lắm khi đi với lũ bạn trai tôi thường tỏ sự độc ác của tôi bằng cách đùa ý luôn luôn, những ý muốn quái gở luôn luôn biến hình. Tôi nghiệm thấy càng làm thế chúng càng chạy theo tôi. Không biết tại vì tôi đẹp hay chúng thích được hành hạ đau khổ. Tôi nhìn rõ bộ mặt của nhiều loại người, có những kẻ bản tiện ngoài cuộc đời, những kẻ yếu hèn, những kẻ hay làm bộ dương dương tự đắc, những kẻ nuôi một mối tình lý-tưởng. Kỳ lạ. Khi ôm lấy tôi chúng giống y như nhau. Mà tôi thì chỉ cốt xem một cái cảm giác của tôi lúc gần chúng như thế nào. Chưa bao giờ tôi được thỏa mãn hoàn toàn. Chưa bao giờ. Tiếng sóng rạt rào, lớp bọt bề rập rình ven bờ cát trắng, và những vết chân của nó còn hằn trên mặt cát làm tôi bực bội điên lên được. Tôi thù ghét đến độ muốn cào xé thân thể nó ra. Rồi mùi thuốc lá trên miệng nó. Rồi câu hỏi ngổ ngược, tất cả hiện ngay trên mũi tôi đến ngửa đầu. Có một cảm giác dị kỳ đến với tôi khiến rùng mình. Tôi muốn đâm chết nó để rồi ôm nó trong tay mà khóc nức nở. Có thể nào như thế được không nhỉ? Có thể nào tôi yêu nó được không nhỉ? Không. Nhưng hiện thời tôi thấy nó đến trong tôi nhiều bội phần. Tôi muốn đi tìm nó. Hai bàn tay tôi bấu vào tảng đá. Một giống cây gì không biết mọc cạnh đây mấy bước với những cành lá xòe ra. Những chiếc lá xanh. Ngửa tay tôi bứt từng chiếc lá vò nát vứt xuống đất. Sự hủy hoại đó làm tôi bớt giận dữ. Những ý nghĩ như được xoa dịu xuống và trở nên đơn thuần hơn. Có lẽ tôi sẽ yêu nó. Có lẽ em sẽ yêu anh. Phi lý. Một sự phi lý hoàn toàn. Tôi cười sảng sặc chỉ trong óc thôi nhưng tôi biết rằng lúc đó miệng tôi cũng mỉm cười. Rồi cứ như thế tôi len qua các mô đá đi theo những vết chân của nó mà trở về. Lúc Vĩnh trông thấy tôi, y gọi lớn : Thủy, sao đi một mình vậy. Độ nó đâu rồi? Tôi nhún vai phác một dáng điệu khinh bỉ. Vĩnh bảo : Có cậu lại giận nhau cái gì hả? Tôi hất tay y đặt vào cằm tôi ra : Lại cả anh nữa. Có mặc em không nào. Vĩnh làm lành : Thôi chúng mình lại đẳng quán uống nước chờ tụi nó về vậy. Tôi đi theo hắn. Lúc bấy giờ tôi mới chợt nhìn thấy chiếc lá vò nát trong tay. Tôi ép nó vào hai lòng bàn tay cho phẳng. Nhưng chiếc lá đã nhàu rồi. — Mày nghĩ gì hở Thủy. Nghĩ gì? — Tao không nghĩ gì hết. — Mais c'est ton sexe ! Tu sais ? ton sexe déchiré.

Độ đã ngồi ở quán nước từ bao giờ. Thấy tôi bước vào với Vĩnh y lại nhếch miệng cười vầy chúng tôi lại bàn, làm như không có



chuyện gì xảy ra. Vĩnh ngạc nhiên : Tưởng hai bên giận nhau ? Tôi nhìn vào mặt Độ đáp : Đâu có. Và tự cảm thấy thú vị vì câu nói đối trắng tráo đó. Độ nói như cho tôi nghe : Mà thỉnh thoảng người ta cần phải thù ghét nhau một chút cho đỡ buồn cuộc đời. Vĩnh quay sang tôi :

— Có đúng thế không, Thủy ?

— Nền lắm chứ anh.

— Hình như có lần anh nói không hiểu em, đến bây giờ anh vẫn thấy thế. Em hơi khó hiểu đối với những cô cùng một lứa tuổi như em. Độ nhấp một ngụm bia bảo tôi :

— Tối nay về Saigon anh sẽ đi nhảy với em. Vĩnh nhìn vào cốc nước như lắng nghe câu trả lời. Nhưng tôi làm bộ lơ đãng không nghe thấy. « Đáng lý mày phải từ chối thật tàn nhẫn với nó chứ ? » Nhưng không. Tôi chỉ nhìn ra phía ngoài đánh trống lảng :

— Ai như Long và Dung. Có phải không anh ? Vĩnh che tay nheo mắt nhìn ra ngoài nắng.

— Đúng, họ đang đi lại đây. Chúng ... ngồi chờ trong khi mỗi tiếng động nhỏ xung quanh ...

« Minh có thể nào yêu nó được không nhỉ ? » Tôi tự hỏi. Nó vẫn ngồi đấy, vẫn chỉ là một sự tầm thường. Nhưng có cái gì khiến tôi phải bắt đầu chú ý đến nó. Tôi rinh từng cử động, nhất là cặp mắt nhìn của nó, phảng phất một ánh ngạo mạn. Nó vẫn không thèm nhìn đến tôi, tôi có cảm giác nếu nó có nhìn thì tôi chỉ có giá trị như một đồ vật. Như cái bàn, cái ghế. Có thể thế được sao ? Tôi tưởng tượng có một lưỡi dao nào phát ngang cổ nó cho cái đầu đáng ghét đó rụng xuống thì khoái cảm biết mấy. Có lẽ tôi sẽ cười lên rất to là khác. Hay là tôi sẽ khóc. Chiếc lá nhàu nát vẫn nằm trong tay, tôi vo viên nó lại, ném xuống đất. Tự hỏi đấy nếu là một kiếp người ? Úa héo. Ngu xuẩn. Tôi ngàng đầu nhìn lên rồi cúi xuống nhìn mấy đầu ngón tay nhộp nhộp rựa lá. Vĩnh như chờ đợi một câu hỏi. Độ vẫn nhìn vào quăng không. Tôi nghĩ « có lẽ tôi sẽ bằng lòng chiều theo ý muốn của nó bắt đầu từ tối hôm nay » trong khi tiếng Dung và Long vừa hiện trên ngưỡng cửa.

duy thanh



# DOÃN QUỐC SỸ

## đại học xá

**M**ẤY năm dưới trung học tôi theo cùng lớp, ngồi cùng bàn với Tiến tại một tư thực lớn Hà-nội. Đã có lần tôi về nhà anh chơi, nhà anh ở ngoại vi châu thành, phải đi quá Ô Cầu Rền để thường đến hai cây số nữa. Gia đình anh thanh bạch, có cối xay, cối giã và khung cửi. Trong khi bà mẹ góa dệt cửi dưới nhà ngang, anh đánh đàn thập lục cho tôi nghe. Đàn thập lục mà lại đánh những bài cổ điển Tây phương nghe chất phác ngô nghê đến tức cười, chất phác ngô nghê như chính Tiến vậy.

Rồi tôi xuống nhà ngang xem dệt cửi. Qua câu chuyện với bà cụ tôi được biết cụ chỉ ao ước anh qua được tú tài lên bậc sinh viên.

Tôi nhớ đạo đó âm hưởng hai chữ « sinh viên » gọi lên một cái gì rất là... thần tượng. Tôi biết chính Tiến cũng tha thiết ưng đạt tới đích đó lắm. Có lần tôi cùng anh đạp xe xuống Bạch Mai rồi theo anh rẽ vào khu Đông Dương Học Xá. Anh ngàng nhìn những dãy nhà bốn tầng mái cong kiểu Đông phương bằng con mắt thèm muốn đến như ngày như đại. — Anh nói cho tôi biết mỗi sinh viên được ở một phòng tầng dưới có phòng tiếp khách riêng.

Vừa lúc đó từ một phòng khách có tiếng dương cầm vẳng ra, đúng bản hôm nọ Tiến chơi trên đàn thập lục. Anh nói thêm cho tôi biết tại mỗi phòng tiếp khách ở tầng dưới của mỗi căn nhà có một chiếc dương cầm như vậy.

Một thiếu nữ đẹp còn cặp tóc, tay cầm nón e lệ bước lên bậc đi vào phòng khách. Tiếng dương cầm bên trong bỗng thánh thót như điểm theo nhịp « gót sen vàng ».

Tiến ghé vào tai tôi nói thầm : « Chắc lại một nữ sinh Đồng Khánh đến thăm người yêu ».



Khi tôi quay lại nhìn Tiến, tôi thấy khuôn mặt anh thờ thẩn hẳn đi. Tôi biết không phải anh chỉ riêng thờ thẩn vì sắc đẹp dịu dàng kia mà thờ thẩn vì cả hình ảnh thần tượng của cuộc đời sinh viên. Tôi hiểu ý nghĩ anh lắm. Là sinh viên là cả một khối hy vọng mát như gió sớm mùa hè, lãng mạn như trăng vàng nước biếc mùa thu. Các nữ sinh Đồng Khánh đẹp đài các, đẹp « thâm nghiêm kín cổng cao tường », nữ sinh Đồng Khánh là mộng của đời, mà sinh viên lại là mộng của nữ sinh Đồng Khánh ! Sinh viên là một kho tàng lộng lẫy, là cả một kết vàng kết bạc chưa tiêu vào việc gì nên mua gì cũng được và vì vậy người ta có cảm tưởng như có khả năng mua được cả thế giới.

Khi Tiến đạp xe tới đầu một căn Học Xá anh bỗng « phanh » xe lại. Tôi nhìn theo anh. Qua cửa sổ phòng ăn chúng tôi thấy những người hầu bàn dọn đồ trắng sạch sẽ đương sửa soạn bàn ăn. Từng bàn có khăn trải trắng tinh, những bát mẫu men xứ Giang Tây để các sinh viên dùng cơm được úp một cách trịnh trọng trên một chiếc đĩa cũng thuộc loại sứ Giang Tây.

Lúc đó trong trí tôi có thoáng ớn lại mâm cơm thường nhật của gia đình tôi. Nồi cơm được bắc lên cạnh mâm cơm bằng gỗ hình chữ nhật và có bốn chân ở bốn góc, thức ăn trên mâm thường là một đĩa đậu kho tương, một đĩa rau muống luộc, một đĩa cà, một đĩa muối vừng, một bát chiết yêu nước canh rau luộc. Gia đình tôi đông anh em nên thầy tôi thường nói « nhà đông con của không ngon cũng hết ». Quả có thế !

Gia đình Tiến chỉ có anh và bà mẹ, tuy ít người nhưng mâm cơm chắc cũng chẳng hơn gì mâm cơm nhà tôi. Đâu có quý phái, trịnh trọng ngồi ăn bàn, khăn trải trắng tinh, bát mẫu, đĩa sứ, đĩa mun và kẻ hầu người hạ tung bừng như kia (những người bồi bàn đó lộ lộ vẻ kiêu hãnh được hầu hạ sinh viên).

Trên đường về tôi nhớ Tiến còn thảo luận về sinh viên và anh kết luận : « Ấy cái anh sinh viên trường Thuốc khi đã ra bác sĩ, cái anh sinh viên trường Luật khi vợ con đẻ huê rồi lại mất thú. Thú nhất chỉ là cái đời sinh viên độc thân ở Đông Dương Học Xá có ngày đi học có ngày đợi người yêu (nữ sinh Đồng Khánh hoặc các thiếu nữ con nhà triệu phú ở Hàng Ngang, Hàng Bạc, Hàng Đào).

Cuối năm đó, cay đắng chưa, anh bị mẹ cương quyết bắt lấy vợ. Cụ vẫn một lòng cầu trời khẩn phật cho anh sau này học lên đến sinh viên, nhưng vì chỉ có một mẹ góa một con côi cụ muốn con độc cháu đàn... Cụ cương quyết, cụ dằn dỗi, cụ khóc... Tiến đành phải nhượng bộ. Anh buồn đến suốt một năm học về chuyện đó. Sau này — anh nghĩ — lên sinh viên, đến ở Đông Dương Học Xá, vợ sờ sờ ra đó ở nhà quê (rồi còn có con nữa chứ) hỏi nữ sinh Đồng Khánh nào thèm mộng đến anh, làm



sao mà có được hình ảnh khép nép của người đẹp tay cầm nón rón rén bước lên bậc vào phòng khách chờ được gặp mặt người yêu là anh?

Còn ba năm nữa mới thi tú tài phần một mà anh luôn luôn tưởng như mình là sinh viên đến nơi rồi. Tuy nhiên không phải là anh không yêu vợ, chứng cứ chứng hơn mười tháng sau anh đã có đứa con giai đầu lòng, đúng như lời chúc ngày cưới «chưa đầy năm mẹ đã đầy tháng con». Là bạn học thân tôi có đi phủ rề nên được biết mặt chị. Chị là một cô gái quê vào hạng hoa khôi ở làng mà lại nổi tiếng là đảm đang nữa. Khuôn mặt chị tròn phúc hậu, nước da trắng hồng, miệng cười tươi, rất tươi, răng đen hạt huyền.

Và cũng vào dịp đi phủ rề này tôi có may mắn được quan sát lễ nghi cưới xin cổ truyền. Ở làng tôi cũng thời ấy sao mà những lễ nghi đó chỉ còn là một thứ «vang bóng một thời». Nguyên do có lẽ là làng tôi đã ở sát Hà-nội lại lắm công chức, học sinh, nhà buôn nên chi lán sống tân thời tràn tới xóa mờ mọi tập tục cũ; trong đám cưới chú rề nhiều khi mặc *smoking*. Trái lại làng Tiến xa Hà-nội, xa đường cái lớn, như chiếc đảo nhỏ bỏ quên giữa khoảng mênh mông của cánh đồng chiêm nên nếp sống còn giữ nguyên sắc thái cổ của dân tộc.

Khi nhà giai tới đón dâu, chú rề Tiến trước hết phải tới nhà thờ đại tôn (trưởng họ) lễ tổ, tiếp đó đến lễ trước bàn thờ nhà ông trưởng chi, sau cùng mới về lễ trước bàn thờ nhà cô dâu. Trong khi đó các cô phủ dâu trong buồng đã tề tựu giúp cô dâu tắm miếng giàu – gọi là giàu trăm. Giàu này mang về nhà trai đặt lên bàn thờ tế tư hồng rồi không phải để mời họ hàng mà dành riêng cho cô dâu chú rề ăn dần cho thấm nhần duyên. Trước khi ở nhà gái đi bố mẹ gọi cô dâu chú rề lại cho tiền lót rương. Ở cô dâu cái gì cũng mới, khăn nhiễu mới, áo tứ thân mới, thắt lưng lụa mới, váy sồi mới và đôi dép cong mới. Đặc biệt áo tứ thân ngày cưới không phải là áo đón thân ngày thường. Áo đón thân là áo mà hai thân phía lưng đều can ngang, phần trên thường cũ và rách trước, khi đó người ta chỉ việc tháo chỉ mà thay vải mới. Áo tứ thân ngày cưới, hai thân sau là hai mảnh vải liền không cắt ngang.

Cuộc rước dâu khởi hành vào đúng giờ hoàng đạo (ngày hôm đó vào khoảng mười một giờ). Họ nhà trai đi trước một quãng đến họ nhà gái. (Cha mẹ không bao giờ đưa con gái về nhà chồng). Tôi quay lại nhìn cô dâu đằng xa, nón thúng quai thao, đi khép nép giữa mấy cô phủ dâu, hai bên đường làng nam phụ lão ấu đổ ra xem nói nói cười cười chế giễu một cách thân mật, cảnh đó cho đến nay vẫn còn hiện hiện trong trí tôi đẹp như một giấc mơ đẹp hiền hòa.

Khi cô dâu bước qua hóa lò vào nhà, bà mẹ chồng phải



đi trốn — để gia đình giữ mãi hòa khí sau này, tránh được cảnh mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu.

Bàn thờ tơ hồng ở giữa trời hướng về Đông Nam ; lúc tế tơ hồng chú rề lễ ở chiếu trên, cô dâu lễ ở chiếu dưới. Khi Tiến lùi xuống để đi sóng vai với cô dâu, tôi thấy anh có đưa mắt nhìn cái váy sồi của chị rồi khẽ lắc đầu nhường như thứ đó làm anh thất vọng hơn cả. Riêng bà cụ thân sinh ra anh, cụ tỏ vẻ hài lòng hoàn toàn (lúc đó đã tế tơ hồng xong cụ không phải tránh mặt con dâu nữa). Cách cưới theo đúng lễ nghi cổ, cách cô dâu ăn mặc thuần thực theo lối cổ khiến cụ có cảm tưởng đám cưới của thằng con giai độc nhất của cụ đáng làm gương cho hàng tông noi theo. Trước mặt đông đủ hai họ, cụ gọi con dâu đến và cho một số tiền gọi là tiền ra vốn (để cộng thêm với số tiền lót rương).

Công, dung, ngôn, hạnh vẹn tuyền, chị Tiến chính là người đàn bà lý tưởng của những thế hệ trước đây còn sót lại và chị vẫn có thể là người đàn bà lý tưởng đương thời nếu Tiến đừng quá nệ vào cách ăn mặc cổ của chị, đừng quá mê mẩn nghĩ đến cuộc đời sinh viên hào nhoáng đầy quyến rũ mai hậu mà anh quyết tâm đạt tới ? Nhưng rồi tôi thấy Tiến cứ đều đặn sản xuất... « tí nhau ». Ba năm đôi. Đúng thế, vì năm tôi đậu tú tài phần thứ nhất (anh trượt) thì anh vừa có hai con (Đúng vào năm có cuộc cách mạng tháng tám — 1945). Năm sau — 1946 — tôi đỗ nốt tú tài phần hai (anh vẫn trượt tú tài một) thì chị đã có mang cháu thứ ba. Tôi khỏi phải nói ra đây sự thêm thường của Tiến đối với địa vị tôi khi đó đã bước vào ngưỡng cửa đời sống sinh viên, đời sống lý tưởng mà anh hằng ấp ủ mơ ước bao năm nay. Nhưng tôi phải nói rõ là tính tình Tiến vốn thật thà trung hậu nên sự thêm thường của anh cũng chỉ tác động với riêng anh thôi và không hề biểu lộ thành thái độ ghen ghét.

Thấy tôi đã ghi tên học thuốc mà vẫn chưa làm đơn xin buồng ở Đông Dương Học xá, anh cau mày trợn tròn mắt ngạc nhiên hỏi như gắt :

— Trời ơi sao cậu lại chưa xin vào ở Đông Dương Học xá là thế nào ?

Tôi đáp :

— Thôi, nhà tôi cũng ở gần Hà-nội, sau buổi học về gặp mẹ gặp các em vui không khí gia đình cũng có cái thú đặc biệt.

Tiến chặc lưỡi phản đối :

— Thí dụ cậu không ở thường xuyên tại đó, cậu vẫn nên chiếm một phòng, buổi trưa cậu có thể về đây nghỉ và học cho tỉnh.

Tôi mỉm cười :

— Và nhỡ có muốn hò hẹn với một cô Đồng Khánh nào...



Tiến cười thông cảm. Mấy hôm sau anh thúc tôi đi chụp ảnh, thúc tôi làm mọi giấy tờ cần thiết để xin bằng Đông Dương Học Xá. Nhưng tôi không được ở Đông Dương Học Xá một ngày nào để anh hả lòng vì sau đó kháng chiến bùng nổ.

Năm 1951 tôi về thành. Trường Đại Học Văn Khoa mới thành lập được một năm, tôi ghi tên và vui chưa lại được gặp Tiến cùng theo lớp dự bị. Tiến về thành trước tôi một năm. Sau sáu năm xa cách ngày nay trông Tiến già đi nhiều. Da anh đen xạm, má có hóp đi nhưng anh cố làm dáng để chống với thời gian. Mái tóc đen, dày và cứng của anh được chát mượt *brillant*, phía trước anh lại có ý chải hơi bồng một chút khiến trán anh vốn đã thấp lại càng thấp. Khi nói chuyện với tôi, cử chỉ và lời nói của anh rất là trịnh trọng, xen vào rất nhiều chữ Pháp. Ở anh toát ra một cuộc đấu tranh khá gay gắt của một người nông dân tuy không hề rể rúng giai cấp mình nhưng luôn luôn cố gắng muốn thoát ly khỏi đó để lên gặp giai cấp thượng lưu trí thức. Vì anh còn giữ được cái bản sắc thực thà trung hậu nên cuộc đấu tranh tuy gay gắt mà ngộ nghĩnh đáng yêu.

Khi chia tay lần thứ nhất cùng tôi anh khẽ nhún vai nói :

— Minh bây giờ đi học chỉ cần chú trọng đến *culture* (văn hóa), chữ văn bằng mà làm gì.

Mấy lần sau gặp nhau nữa tôi mới hiểu rõ ý câu học cốt lấy văn hóa chứ không cần văn bằng: thì ra Tiến vẫn chưa đỗ tú tài. Đạo đó Đại Học Văn Khoa mới mở, điều kiện văn bằng không ráo riết chỉ khuyến khích mọi người vào học. Những người chưa có tú tài có thể cứ học hết năm dự bị rồi tiếp tục học lên các chứng chỉ cho đến khi đỗ xong tú tài thì chỉ việc hợp thức hóa những chứng chỉ trên và có thể được cấp bằng cử nhân văn khoa nếu đương sự đã đỗ xong bốn chứng chỉ.

(Trong câu chuyện với tôi Tiến luôn luôn dùng lên chữ Pháp tựa như để tự giải tỏa mọi mặc cảm về trí thức (lẽ cố nhiên theo quan niệm của anh ở vào hoàn cảnh ngày đó trình độ trí thức nhất định phải đo bằng năng lực ngoại ngữ). Nhưng có một hôm anh không dùng xen từng chữ Pháp nữa mà nói cả câu tiếng Pháp để diễn đạt một tư tưởng triết lý theo ý anh. Nghe xong câu nói ngắn đó tôi sửng sờ giây lâu và tôi hiểu tại sao anh thì trượt hoài trong khi bài thi Pháp văn còn giữ hệ số ba.

Một buổi sáng chủ nhật tôi lại theo đường về phía Ô Cầu Rền đạp xe tiến sâu vào con đường đất thịt xa... thật xa cửa ô để đến thăm Tiến tại quê anh.

Chị Tiến vẫn xinh xắn với dáng điệu đầm đàng thuần thực đặc biệt của người đàn bà vùng quê. Nước da chị vẫn trắng mát, dáng người nhỏ nhắn chị thuộc vào loại các cụ ngày xưa gọi là « nhỏ



xương hom » vì vậy trẻ rất lâu. Trái lại Tiến thuộc loại lớn xương lại thêm nước da đen xạm nên anh già rất chóng. Điều đặc biệt nữa là chị Tiến vẫn mặc váy. Bà cụ thân sinh ra anh Tiến còn sống, chính cụ chủ trương giữ nguyên lề lối ăn mặc cổ như vậy. Có một lần Tiến đề nghị với mẹ cho vợ mặc quần gọi là thay đổi y phục chút ít, cụ cương quyết chối từ. Thì ra trước đây cụ mong cho con học chóng lên đến sinh viên là cụ chỉ chú trọng đến nội dung sự học chứ không hề chú trọng đến hình thức ăn mặc mà nội dung kia đòi hỏi đến cả người thân của kẻ cầm sách. Cụ bảo Tiến : « cách ăn mặc này là của cha mẹ tao, của ông bà ông vải tao và cũng là tiền bối của mày, chúng tao noi theo lề lối của các người không việc gì đến mày. » Tiến giong tay lên gãi tai toan nói rồi lại thôi. Anh nghĩ y phục cũng biến đổi với thời gian, giờ đây các cô ăn mặc quần trắng áo màu vẫn đẹp và đâu có mất tính cách Việt Nam ? Nhưng anh không cãi mẹ vì anh biết giữ đạo hiếu cũng có, mà sự thực trong thâm tâm anh cũng có phần nào đồng ý với mẹ ở điểm cách ăn mặc cổ đó hợp với nếp sống, với tâm hồn của vợ anh. Anh cứ nghĩ giá người vợ xinh hiền thực của anh kia mà giờ đây ăn mặc quần trắng, áo màu, cổ quần « san » lụa, nó cũng... thế nào ấy và hình thức tân thời đó có làm mất mát đi rất nhiều cái gì mà anh cảm thấy là quý giá.

Cờ ngoài bài trong ! Anh nhìn sang người khác thì sáng suốt thế mà riêng ở anh, anh vẫn cố vùng vẫy đề lên nếp sống của thứ sinh viên trưởng giả ngày xưa (Thế hệ sinh viên này có đấu tranh khá nhiều để góp phần với dân tộc, điều đó tôi không quên, ở đây tôi chỉ nói đến hình thức bên ngoài).

Lần đó về quê thăm anh tôi mới hỏi thêm về tin tức con anh. Thăng bé đầu lòng đã lên mười, chóng thế ! Khi ra đi chạy loạn anh đã có ba con : hai trai đầu lòng và một gái. Suốt thời gian sáu năm chạy loạn anh giữ nguyên số lượng cũ và chỉ chú trọng đến chất lượng nghĩa là chăm nom cho những đứa trẻ đến tuổi ăn học được ăn học đến nơi đến chốn. Anh nói khẽ với tôi là anh theo phương pháp Ogino. Khi chạy loạn về anh vẫn quyết tâm theo phương pháp Ogino vì dầu sao như thế cũng là « *nếp lễ có đủ rồi* » (lời anh nói với tôi), và bây giờ cuộc sinh sống khó khăn, có nhiều con lo mệt lắm. Nhưng chẳng hiểu vì một sự tính toán sai lầm nào đó nên hiện giờ chị đã lại có mang được ba mang. Anh vẫn tiếp tục đi học và sự giao thiệp của anh ngày một rộng, toàn là trong giới sinh viên thôi. Mỗi lần gặp tôi anh lại khoe hoặc vừa gặp thằng Hăng năm thứ nhất trường Luật, hoặc vừa đi chơi cùng thằng N. năm thứ năm Y Khoa, hoặc vừa đến thăm chị H. năm thứ ba Dược Khoa, chị Kh. đương theo chứng chỉ Sử Địa Văn Khoa...



Tôi biết Tiến có đến thăm các chị H. và Kh. Ngày nay nền đại học đã được bình dân hóa nên số sinh viên nhiều gấp bội và rồi cả sinh viên lẫn những người chưa là sinh viên cùng thấy học tới sinh viên không phải là một cái gì ghê gớm như xưa. Nam nữ giao thiệp rộng rãi. Có chị mời hẳn các bạn trai cùng lớp đến nhà dự tiệc trà, hoặc các anh tự ý đến thăm các chị không phải nghi ngại điều gì. Việc Tiến năng đến thăm các chị, ngoài việc để anh cảm thấy thoải mái không khí sinh viên (mà than ôi, anh chưa phải là thực thụ) còn giúp anh giải quyết một mặc cảm: thêm muốn gần gũi những người tân thời áo màu, quần lụa, khăn san (tuy anh vẫn một lòng yêu vợ quý con). Mớ tóc đen, dày và cứng của anh được chải cẩn thận bằng brillantine lý do cũng là thế. Vì là sinh viên năm dự bị văn khoa nên tuy không có tú tài anh vẫn được một hiệu trưởng tư thục kia mời phụ trách cho mấy giờ Việt văn lớp đệ tứ. Việc dạy tư chắc chắn có giúp anh khá nhiều trong việc giải quyết vấn đề sinh kế đạo đó. Bẵng đi một dạo tôi không gặp anh vì tôi cũng mãi về sinh kế mà bỏ dở Văn Khoa. Mãi đến ba năm sau — 1954, năm di cư — tôi mới trở lại Văn Khoa để di cư với các sinh viên khác cùng một ngày máy bay. Tôi gặp lại Tiến ngày đó. Anh cho tôi hay bà cụ đã mất. Chị và bốn cháu (sau đứa thứ tư là gái, anh lại theo đúng Ogino) anh cho xuống Hải-phòng di cư bằng đường thủy. Kể ra trên chuyến phi cơ đó cũng có mấy tiểu gia đình sinh viên (kể cả tiểu gia đình tôi) nhưng tôi biết anh tránh đem vợ con cùng đi vì chị là người quê mùa. Tôi lại hỏi khéo anh về y phục của chị thì anh cho hay đã có một sự thay đổi nhỏ để thích ứng với thời thế: chị đã dùng quần thay váy và chính anh cũng chủ trương ngừng lại ở đó không thay đổi gì hơn nữa. Việc anh quay trở về bảo thủ dĩ vãng như vậy khiến tôi sau này có ý kiến ngộ nghĩnh vì anh với một phi đạn có ba tầng. Hai tầng dưới tới một cao độ nào thì kế tiếp nhau rớt xuống chỉ còn tầng thứ ba, chủ não của phi đạn là vượt lên thượng tầng không khí ngao du quanh trái đất, tầng thứ ba đó là y nguyện dai dẳng của anh những mong được sống cuộc đời sinh viên thực sự.

Cùng chuyến máy bay di cư đó Tiến giới thiệu tôi với một sinh viên năm thứ ba trường Luật có cái nhìn thẳng thắn, có nụ cười hài hước (càng hài hước vì anh ta để ria mép). Anh sinh viên đó chính là Hăng. Tôi chợt nhớ ngay đến câu khoe của Tiến hơn hai năm trước đây: « Minh vừa gặp thằng Hăng năm thứ nhất trường Luật » Cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi với Hăng là ở trên chuyến phi cơ này. Nhưng thôi chuyện đó hãy xếp lại, tôi tiếp tục kể về Tiến.

Vào đến Saigon, anh sang được căn nhà gỗ lợp tôn ở xóm Oec (E. des Vergnes — Trương Minh Giảng bây giờ) cho vợ con ở, còn



chính anh vẫn sống với đoàn sinh viên Đại Học Hà-nội di cư, thoát ở trường Gia Long, rồi ở khu Thăng Long (khu lều vải trên nền khám lớn cũ, ngày nay xây giảng đường Đại Học Văn Khoa). Khi ở trường Gia Long cũng như khi ở lều có mấy lần anh nói với tôi : « Đại học xá của chúng mình đây ! »

Thì ra được ở Đông Dương Học Xá vẫn là cái ám ảnh lớn của anh.

Tuy ở lều thực sự mà sinh viên vẫn cảm thấy được dân tộc nâng niu chiều chuộng vì là thành phần ưu tú của đất nước. Chúng tôi có một lều riêng để tiếp khách, tại lều này có điện thoại, lại có một lều riêng khác để hội họp. Ống nước được dẫn vào nhà bếp, nhà tắm, nhà giặt, cầu tiêu máy... Chúng tôi từng bùng hoạt động ở mọi ngành, chúng tôi gặp ông tổng trưởng này, ông đồng lý văn phòng nọ để điều đình các công việc kia khác có lợi cho sự thâu hồi trọn vẹn chủ quyền đất nước tự tay người Pháp. Sự xưng hô giữa các người cao cấp chính quyền với chúng tôi rất gần gũi thân thiết nghĩa là « anh anh, tôi tôi ». Bầu không khí bình dân, cởi mở, thành thực vì chung niềm đau sót của dân tộc đến nay còn xúc động tôi mỗi khi tôi gục đầu trên bàn viết ôn lại thuở ban đầu cách mạng đó. Tại lều có sinh viên đủ các ngành nên chúng tôi vẫn thường nói đùa sinh viên có thừa sức đứng ra thành lập một chính phủ. Chúng tôi tiễn một số anh em lên đường du học nước ngoài, chúng tôi đón tiếp ủy hội quốc tế, đón tiếp phái đoàn thanh niên quốc tế, phái đoàn sinh viên quốc tế. Các anh, các chị sinh viên Tây phương đến dự cơm thân mật với chúng tôi ở dưới lều. Chính nghĩa quốc gia vươn mình trong khát vọng độc lập hoàn toàn, lớn mạnh trong một ý chí thống nhất, vô tư, trong sạch làm tôi có cảm tưởng tất cả anh chị em sinh viên cũng như toàn thể đồng bào ai nấy rờn rờn đẹp như thiên thần.

Trở lại chuyện Tiến. Trừ những giờ đi dạy học, những buổi về thăm qua vợ con ở xóm Oọc và một đôi giờ đi lấy *cours* (bây giờ anh ghi tên theo « khả năng luật học » để đổi món) anh trở về lều hoàn toàn hòa với đời sống sinh viên. Trong khi một số chúng tôi (mà ba người thường trực là Hăng, Kha và tôi) xúm nhau lại điều khiển tờ báo nguyệt san « Lửa Sao » cơ quan ngôn luận của Đoàn Sinh Viên Đại Học Hà-nội thì anh tham gia tổ chức các cuộc biểu tình phản đối điều này, ủng hộ điều nọ... đúng với chủ trương của ban chấp hành.

Đêm giao thừa năm di cư đầu tiên đó, tại khu lều Thăng Long có tổ chức một buổi lửa trại. Tôi dự có đông đủ các anh em sinh viên, một số lớn giáo sư đại học, và một số nhân sĩ tại đô thành. Trong buổi lửa trại đó Tiến đã hiến khán giả một trò vui « tử » của anh mà tôi đã được thưởng thức từ ngày cùng anh ở trung học, đó là một bài hát hài hước theo thể « tạp pí lù » gồm nhiều đoạn trích ở nhiều bài khác nhau lời ca lai căng Việt có, Pháp có, Anh có. Anh đã thành



công rục rỡ, anh em và quan khách nhiệt liệt vỗ tay hoan hô. Tôi biết điều làm anh cảm động hơn cả là lời giới thiệu của anh chủ tịch trước khi anh ra làm trò : « Thừa quý vị giáo sư, thừa quý vị quan khách, thừa toàn thể các anh chị em, tôi xin giới thiệu đây là một *numéro* vui nhộn và phong phú của một anh bạn chúng ta đại diện cho toàn thể anh chị em *sinh viên Luật học*. »

Dạo đó việc học bắt đầu phần thịnh, các trường tư đua nhau mọc lên như nấm, giáo sư Việt văn rất khan hiếm, và đặc biệt về môn này các giáo sư người Bắc rất được tin nhiệm. Anh Tiến đã được mời dạy đến hơn ba mươi giờ một tuần, tiền của kiếm vào như nước, chả thế mà căn nhà sang ở xóm Oọc nay anh đã mua hẳn. Và các con của anh đều có gia sư tối tối đến kèm.

Khu Đại Học Xá đường Minh Mạng Chợ-lớn đã hoàn thành gồm tám dãy cho sinh viên ở mà hai dãy ngoài cùng dành cho hai mươi tiểu gia đình sinh viên (sinh viên có vợ và có một hoặc hai con).

Trước hôm dọn đến Đại Học Xá mấy ngày tôi có bá vai Tiến và nói tung bưng :

— Thôi chuyển này chúng ta từ giã lều về nhà mới, tường gạch, mái ngói, có nhà ăn, nhà đọc sách, cầu lạc bộ, buồng tắm riêng, cầu tiêu riêng tha hồ thích nhé.

Khuôn mặt Tiến vẫn buồn thiu, anh nói :

— Mình phải về ở với tiểu gia đình ở xóm Oọc, chẳng có không tiện.

Tôi vừa toan nói : « có gì là không tiện, cũng như từ trước cậu vẫn ở lều chứ sao » thì may thay tôi nhờ ra ngay, nhờ ra ngay nội quy Đại Học Xá chỉ chấp nhận sự cư trú cho những sinh viên thực thụ.

Tuy nhiên ngày chúng tôi « giọn nhà », Tiến có tiền chúng tôi xuống tận Đại Học Xá và ở lại phòng tiểu gia đình tới suốt ngày hôm đó.

Tiến cùng tôi đi thăm anh em suốt tám dãy nhà, thăm phòng tập thể dục có *parallèles*, có ngựa gỗ, có bục vải để học Judo, có tạ đủ các cỡ... và ở cuối cùng có treo tấm gương lớn để các lực sĩ soi vào đấy mà tập cho đúng. Chúng tôi thăm phòng thuốc sinh viên do một bác sĩ đứng đầu với ba nữ y tá giúp việc. Chúng tôi thăm thư viện trong đó sách y khoa nhiều nhất, còn báo chí thì có đủ các loại với đủ các thứ tiếng Việt, Anh, Pháp, Đức. Chúng tôi thăm Cầu lạc bộ sinh viên ở ngay sát phòng ăn. Cầu lạc bộ này do hảo tâm của báo Figaro xây tặng sinh viên Việt-Nam. Trong Cầu lạc bộ có một khoảng xây cao có thể dùng làm sân khấu, góc đối diện với sân khấu là quầy hàng bán các đồ giải khát. Khoảng giữa rộng thênh thang là ba bộ sa-lông kiểu tối tân kê bên dưới ba chiếc quạt trần Marelli. Máy phóng thanh mắc bốn góc tường. Sinh viên có thể ngồi trên chiếc ghế cao lênh



khênkh mà dùng đồ giải khát ở ngay quầy, hoặc nếu có bạn thì «com-măng» những thứ đó ra sa-lông. Phòng ăn công cộng lớn gấp hai câu lạc bộ với ba hàng bàn ghế dài như bất tận. Nhà bếp ở ngay sát bên với màu gạch tráng men trắng tinh, với những chảo gang lớn và những soong lớn nhỏ bóng loáng. Một anh bạn sinh viên Luật khoa được cử làm quản lý, một anh bạn sinh viên Y khoa được cử làm cố vấn đề thực đơn hàng ngày cung cấp đủ chất bổ chất tươi. Cả hai bữa trưa chiều Tiến cùng dùng cơm với tiểu gia đình tôi tại phòng ăn công cộng nhưng sự buồn nản hiện rõ trên nét mặt anh. Tôi biết anh tự coi anh là người ngoại cuộc giữa cuộc đời đầy đủ tiện nghi đó. Đã có những bóng người đẹp đến thăm sinh viên «xê-li-bô». Tôi những muốn nói đùa với anh là «người đẹp đến thăm sinh viên ngày nay không chỉ riêng có nữ sinh Trưng Vương (Đồng Khánh cũ) mà thành phần phức tạp hơn nhiều», nhưng tôi không dám nói vì nhắc lại kỷ niệm xưa trong khi anh đương tránh buồn vì niềm mong ước không thành tựu có khác chi một lời riêu cợt vô ý thức? Chập tối, khi ánh đèn Đại Học Xá bật sáng anh từ biệt chúng tôi trở về xóm Oọc của anh. Tôi cố giữ anh ở lại vì tối hôm đó có buổi chiếu bóng riêng cho sinh viên xem tại Câu lạc bộ, nhưng anh một mực khước từ. Tôi tiễn anh ra cửa Đại Học Xá rồi nhìn bóng anh trên chiếc mô-by-lét, mắt hút dưới rặng cây sao cao vút mà có cảm tưởng anh như một tông đồ ngoan đạo bị phóng trục oan ra khỏi giáo hội khiến anh phải sượng sùng lần trốn cho sớm khuất mắt các đạo hữu. Từ hôm đó tới hai năm sau tôi không được gặp anh. Số sinh viên tốt nghiệp đề ra khỏi trường khá nhiều. Lẽ cố nhiên các trường tư chuộng những người này hơn. Không dạy ở Saigon, anh phải nhận dạy ở các tư thực tỉnh nhỏ. Anh như một ngôi sao già bị quên lãng đương vắng dần ra biên giới xa xăm của vũ trụ. Lần gặp lại anh, cách đó hai năm sau ở giữa chợ Bến Thành. Anh già đi rất nhiều, quầng mắt sâu, má hóp, râu mép râu cằm đâm ra tua tủa mà anh trẻ nải chẳng buồn cạo, mớ tóc đen, dày và cứng của anh được chải lật một cách sơ sài và không có brillantine. Anh cho tôi biết anh hiện dạy ở một trung học tư thực tận Long Xuyên. Ở đó người ta xếp giờ cho anh dạy ba ngày liền rồi anh lại về Saigon trông nom giúp đỡ gia đình. Chị hiện buôn hàng tẩm bán ở chợ Trương Minh Giảng gần đấy và kiếm cũng đủ tiêu. Anh có hỏi tôi về Đại Học Xá về các anh em còn ở đấy, về Câu lạc bộ, về phòng ăn vân vân... nhưng tia nhìn của anh nhường như gửi vào một cái gì... một kỷ vọng gì trong tâm tưởng. Tôi biết khuôn mặt anh già đi nhiều, y phục của anh cầu thả đi nhiều như kia không phải vì anh túng (đánh rằng cách làm ăn có vất vả) mà là vì anh hoàn toàn từ bỏ giấc mộng sinh viên. Chẳng còn gì kích thích anh làm dáng! Nhưng khi chia tay anh nắm tay tôi rất chặt, anh nhìn thẳng vào tôi như muốn



trao đổi tâm hồn, hai hàm răng nghiêng lại, khuôn mặt có đỏ lên vì một tình cảm xấu hổ nào bên trong và anh nói : « Minh chỉ cần chịu khó vất vả hai năm nữa thôi cậu ạ ! » Sau câu nói, anh cười nụ cười nửa xao xuyến, nửa gay gắt.

Sao lại hai năm nữa thôi ? Tôi tự hỏi khi đã chia tay Tiến. Rồi tôi thắc mắc, thường cứ hai ba tháng lại sực nhớ đến câu nói của Tiến. Nhiều khi đi trên các ngã đường Saigon tôi muốn được gặp Tiến để hỏi xem tại sao anh chỉ cần chịu khó vất vả hai năm nữa. Nhưng Saigon rộng gấp năm gấp sáu Hà-nội, đông gấp bảy, gấp tám Hà-nội thì niềm hy vọng được bất chợt gặp nhau cũng loãng đi đến bảy tám mươi lần... Chẳng sao gặp được Tiến. Tôi tự trách đã không hỏi rõ địa chỉ để đến thăm tiểu gia đình anh. Nói là xóm Oọc thôi thì đi đến đấy cũng như đi vào Bàn cờ biết đâu mà tìm !

Thế rồi, có lẽ đúng hai năm qua đi, một buổi sáng chủ nhật kia vào hồi mười giờ, tôi thoáng thấy một bóng người bước qua cửa Đại Học Xá. Mắt tôi sáng lên vui mừng nhận ra người đó chính là Tiến. Tiến cũng đã trông thấy tôi và rào cẳng bước lại. Anh không tiểu tụy như ngày nào gặp nhau giữa chợ Bến Thành nhưng anh cũng không có vẻ chú ý đến việc chải chuốt bề ngoài, trông anh bây giờ đạo mạo ra.

Anh bắt tay tôi lắc lắc mạnh :

— Đạo này cậu viết văn nhiều lắm hả ? Thế mà chẳng tặng anh em.

Tôi đáp :

— Muốn tặng sách anh nhưng nào có gặp anh đâu !

Anh cười :

— Còn nghĩ hễ chắc cậu viết đủ ? Thôi được, bây giờ cậu tặng tôi đi, phải đủ bộ đấy.

Tôi mời anh vào, khi đó chỉ có mình tôi ở nhà. Vợ tôi đã mang các con sang Khánh Hội tham thành em họ tôi từ sớm. Tôi nói với anh :

-- Đủ bộ thì quả thực không có, hiện trong nhà chỉ còn tác phẩm cuối cùng biểu anh.

Tôi phải thanh minh ngay rằng không phải sách tôi bán chạy đến thế mà vì stock ở nhà xuất bản đã cho bán cạn hết cả, hiện giờ nếu qua đường Lê Lợi anh sẽ thấy tên tôi nhan nhản bày ở vỉa hè.

Đúng lúc đó anh K. sinh viên sư phạm ở buồng bên cạnh sang thăm tôi. Tôi giới thiệu. K. và Tiến bắt tay nhau.



K. nói với tôi :

— Nay cậu, bà đầm tôi hôm qua đi khắp đường Lê Lợi để xem cô nào là được sĩ.

Tôi biết là K. nói đến một nhân vật trong tác phẩm mới của tôi. Chị K. bên kia tường cười khanh khách, chị nói với sang :

— Em biết là chuyện ấy có thực, em phải tìm cho ra cô được sĩ đó.

Anh K. cười riếu vợ :

— Bu nó kém quá, tiểu thuyết là gì ? — Là cuộc đời cộng với nghệ thuật. Đã đành là cũng có một phần sự thực, nhưng phần sự thực đó cũng đã thêm mắm thêm muối để biến dạng đi rồi còn đâu.

Chị K. cương quyết :

— Đấy rồi anh xem, em sẽ tìm ra bằng được cô được sĩ đó.

Tôi chỉ biết cười và ký tặng Tiến một cuốn.

Khi K. về, Tiến hỏi tôi :

— Cậu đã xong cử nhân ?

Tôi gật đầu, Tiến lại hỏi :

— Thế cậu còn ở đây làm gì ?

Tôi cười và đáp anh thẳng thắn :

— Vì một lẽ giản dị là lương giáo sư của tôi tháng nào vừa soạn tháng ấy, tiền đâu mà mua nhà ?

— Thế còn tiểu thuyết của cậu.

Tôi cười càng lớn :

— Mời anh lên đường Lê Lợi, Bonard cũ !

Tiến kéo tôi ra khỏi phòng. Tôi vừa theo anh (mà cũng chẳng biết là anh sẽ đưa tôi đi đâu) vừa giải thích thêm :

— Anh em lớp cũ ở lều với chúng mình ngày xưa chẳng còn mấy nữa. Anh thi tậu được nhà, anh thi đỗ xong bị dời đi xa... Hiện nay một mình tôi ở ba phòng.

Tiến tròn tròn mắt :

— Ba phòng ?

— Thi các bạn cũ tuy dời đi nhưng vẫn giữ phòng để thỉnh thoảng về Saigon có chỗ trú chân. Tôi giữ hộ. Hàng năm tôi ghi một chứng chỉ Văn khoa, ghi đề đấy không học mà cũng không thi, tuy nhiên mỗi năm ghi một chứng chỉ tôi cũng còn được ở Đại Học Xá chừng hai mươi năm nữa.

Tiến cười :

— Cậu nhất định sẽ mọc rễ ở đây thành một thứ cỏ thụ sinh viên ?

Tôi gật đầu cười theo anh và nhận thấy khuôn mặt anh có một cái gì trang trọng hẳn như một trái cây rầu rĩ dưới nắng hè vừa gặp lúc chín tới ! Tôi nhắc vội lại vài nét kỷ niệm thuở ở lều cũng là gian



tiếp nhắc lại bầu không khí bình dân, cởi mở, thành thực thuở cả một phầu dân tộc miền tự do tập trung ý lực vào niềm đau sót.

Anh quả là một trái chín, anh hiểu ý nghĩ của tôi, cả khuôn mặt anh như thoáng rộ một làn mây suy tư, rồi bỗng anh ngẩng lên nhìn tôi vẫn đi sát bên anh và hỏi :

— Các anh em sinh viên vẫn xứng đáng là... sinh viên ?

— Nói về tâm hồn — tôi đáp — nói về nguyện vọng thì bao giờ các anh em cũng xứng đáng. Nhưng ngày nay mỗi người chúng tôi sống gập vào mình như một thứ cây trich nữ tinh thần khép lại vì thoáng có hơi tay. Hầu hết các anh em cảm thấy chưa xót, những đặc quyền vật chất ở Đại Học Xá vẫn còn nhưng nhiều anh tự thú không muốn hưởng vì những thứ đó không còn lý do tồn tại nữa. Tôi nói là các anh em sinh viên vẫn xứng đáng, anh hiểu chứ ?

Tiến gạt đầu và kéo tôi rẽ ngang vào dãy cuối cùng (chúng tôi đã đến dãy cuối cùng). Đi được mấy bước tôi giật mình nghe có tiếng reo :

— A ba đến !

Một sinh viên trẻ chỉ chừng mười tám, mười chín ở phòng số bốn nhỏ ra và reo vui như vậy.

Tiến cười, chỉ vào anh sinh viên giới thiệu :

— Minh, thằng cháu lớn của tôi đấy anh ạ.

Minh khẽ cúi đầu chào tôi kính cẩn.

Vừa lúc đó có tiếng một anh bạn gọi, tôi tạm đề Tiến lại với con và hẹn với anh : « Tôi chờ anh ở phòng tôi nhé ». Người gọi tôi là H. anh bạn cùng dãy. H. học năm thứ tư Y khoa. Anh có cái đặc biệt là trong ba năm y khoa vừa qua năm nào anh cũng học « đúp » và thi đủ bốn khóa. Kể cả năm thứ ba là năm hầu như từ xưa đến nay chưa có ai phải « đúp » mà anh vẫn « đúp » như thường và cũng thi đủ bốn khóa như thường. Lần nào thi thoát khóa thứ tư anh cũng suýt soa kêu « hủ vía » và cười khanh khách rồi làm một bữa tiệc mừng mời anh em cùng dãy.

Có lần H. nói với tôi :

— Ở Y khoa chúng tôi không như ở Văn khoa các anh. Ở Văn khoa anh muốn ghi chứng chỉ nào thì ghi và năm năm vẫn gập vẫn chung sống vẫn cảm thông với các bạn cũ theo học chứng chỉ khác. Ở Y khoa chúng tôi, chậm một năm là lớp bạn cũ như biến mất đi chẳng nào và mình cảm thấy cô độc bờ ngõ trước làn sóng mới ủa tôi (đến đây anh cười, vỗ tay vô cớ) Nhưng rồi mấy năm sau tôi cũng quen đi. Đấy rồi anh xem, năm năm *médecine* tôi sẽ học đủ thành mười năm !

Tôi cười vui vẻ đáp lời anh lần đó :

— Học *médecine* càng nhiều năm càng dày kinh nghiệm chứ sao.

Tôi biết không phải anh không có khiếu về Y khoa, trái lại nữa, nhưng vì anh bận nhiều thứ quá. Anh bận dạy học tư ngoài đề chu



cấp cho tiểu gia đình anh. Chị H. chiếm kỷ lục ở Đại Học Xá về phương diện sồn sồn năm một. Lần thứ hai lên bàn để chị đau ngất đi. Một ngày hôm đó H. đi đi lại lại bán khoán và tuyên bố với chúng tôi là nhất định «tốt»! Nhưng chỉ chừng ba tháng sau đã thấy các chị cùng dãy khúc khích cười loan báo tin: «Bà H. đã lại có bầu rồi!» H. là người thứ hai chiếm ba buồng Đại Học Xá như tôi. Ngoài việc dạy học kiếm tiền lo chu cấp cho gia đình H. còn phụ trách tổ chức mấy trường kỹ thuật cho người bình dân tới học. Năm Y khoa nào anh cũng bị «đúp» và thi đủ bốn khóa. Chúng tôi vẫn gọi đùa anh là: «H. bốn khóa!»

H. là bạn nối khố với tôi về xi-nê. Tôi thường ngồi sau chiếc Lambretta sơn xanh của anh để cùng đi thưởng thức những phim hay. Gặp buổi chủ rạp mời nhà báo xem trước một phim nào đặc biệt để quảng cáo tôi cũng kéo H. đi theo. Lần này H. gọi tôi cũng không ngoài mục đích kéo tôi đi xi-nê. Tôi xin lỗi anh nói là có Tiến đến chơi. Tôi nhắc đến Tiến bởi ở lều. H. gật gật đầu:

— A Tiến, tôi có nhớ!

Nhưng Tiến không phải là chỗ quen thân với H. nên anh chào tôi rồi đi xi-nê ngay.

Tôi về phòng, nửa giờ sau Tiến trở lại.

— Mới ngày nào anh Tiến nhỉ — tôi nói — tôi đi phụ rề anh, chưa đầy năm sau anh có cháu giai đầu lòng, rồi năm 1951 gặp nhau thẳng cháu đó lên mười mà bây giờ nó đã học xong tú tài lên sinh viên. Minh vừa xin được vào đây?

— Phải cháu nó vừa xin được vào đây — Tiến đáp — Cháu nó ghi tên học ban Toán.

— Minh năm nay mười chín đấy anh nhỉ?

— Vâng cháu mười chín tuổi ta.

— Trời, mười chín tuổi ta mà đã đỗ xong tú tài, lên sinh viên.

— Thì anh bảo chúng nó bây giờ học tiếng mẹ đẻ đỡ được nửa đoạn trường, đâu như bọn mình ngày xưa. Nhiều gia đình có con mười tám đã đỗ tú tài.

— Thấy tôi mỉm cười, anh hỏi:

— Cậu cười gì?

— Trong gia đình văn nghệ — tôi đáp — tôi cũng gặp hoàn cảnh này. Ông bạn già của tôi chừng năm mươi tuổi là một nhà văn lão thành thời tiền chiến, con anh năm nay chừng hai mươi nhăm tuổi cũng có mặt trong làng văn nghệ trẻ, đều là chỗ quen biết với tôi cả. Mỗi khi tôi đến thăm ông bạn già nói chuyện với bố cũng «anh anh tôi tôi» quaysang đàm thoại với ông con cũng «anh anh tôi tôi». Thượng hạ bằng đẳng! Bây giờ gặp anh cũng vậy, Minh đã là sinh viên rồi.

Tiến «ồ» một tiếng lớn để phản kháng và anh nói:



— Cậu cứ gọi thằng Minh là cháu chứ sao ? Thì cậu đã từng đi phu rồ bố nó kia mà.

Tôi đó Tiến đứng dậy từ biệt tôi ra về và ân cần dặn tôi chiều thứ bảy lại xóm Oọc thăm vợ chồng anh. Anh đã để lại trên bàn viết của tôi cả một bức họa đồ để tôi để tìm nhà. Tôi nhận lời. Ngay hôm sau tôi đến thăm Minh tại buồng. Minh ở cùng mấy sinh viên trẻ chỉ hơn Minh chừng hai, ba tuổi, trong số có mấy anh quen tôi. Thấy tôi đến một anh reo :

— A anh Sơn đến chơi ! Thế nào số báo sau anh có sáng tác nào thế ?

Tôi vừa cười vừa trả lời anh bạn vừa đưa mắt nhìn Minh. Anh chàng khẽ cúi đầu chào tôi nhưng lúng túng chưa biết kêu tôi là gì. Tôi vỗ vai hắn nói :

— Thôi, cậu cứ gọi tôi là anh cho tiện. Anh em với nhau củ mà.

Thế là hắn gọi tôi bằng anh và xưng em. Người hắn nhỏ nhắn da trắng giống mẹ, trông đúng là thứ sinh viên... sữa !

Đúng chiều thứ bảy tôi y ước đến xóm Oọc thăm gia đình Tiến. Tôi đến vừa lúc chị Tiến ở chợ Trương-minh-Giang về, chị ngồi trên chiếc xích-lô máy, phía trước là hàng vải của chị chất lên khá cao. Chị nhận ra tôi ngay.

— Giới ơi — chị nói — từ năm nào còn ở Hà-nội đến giờ mới lại gặp anh.

Tôi vừa đáp là nhiều lần có ý muốn đến thăm anh chị mà không có địa chỉ rõ ràng, vừa đề ý quan sát sự thay đổi y phục của chị. Chị mặc quần hàng Mỹ-A, một thứ lụa đặc biệt của Cao-Mên dệt bằng tơ tằm mà bóng như lĩnh và rất bền. Áo trong chị mặc là thứ áo cánh dài tay cổ tròn bằng pin nồn, ngoài cùng chị mặc chiếc áo dài cài khuy dệt bằng tơ ta màu mỡ gà. Kề ra ở vào một thời đại đô thành chịu ảnh hưởng quá đậm đà màu ảnh Âu Mỹ mà còn một người đàn bà trẻ ăn mặc nhưn nhặn thế cũng là hiếm lắm rồi. Tuy nhiên khi đã vào trong nhà, có một mình tôi và Tiến tôi còn nói đùa :

— Gớm, anh đề chị ấy ăn mặc tân thời đến thế kia à ? Thay đổi hẳn đi so với ngày nào.

— Cậu tỉnh — anh đáp với nụ cười thân thiết, tay phải vung lên — nhà tôi lại đi bán hàng tằm như xưa. Thành phố Saigon là thành phố quốc tế đâu có như chợ Quang, chợ Tó ở Hà-đông, chợ Noi, chợ Bưởi ở gần Hà-nội mà bảo ăn mặc như xưa được.

Anh nói tiếp, sẽ hơn một chút vì thấp thoáng bóng chị ở buồng sắp ra :

— Lắm khi nghĩ lại cách phục sức của nhà tôi xưa, mình vẫn thấy nhớ... nhớ một thời dĩ vãng êm đềm hơn, hiền lành hơn.

Chị đã ra, chỉ còn mặc áo cánh, Tiến cười lớn tiếp nói câu



chuyện một cách ồn ào (vì điểm chính cần dấu đã dấu xong) :

— Không hiểu có phải mình bây giờ đã đến tuổi hướng về dĩ vãng hay không. Tôi chỉ hơn cậu chừng bốn, năm tuổi mà sao tôi có cảm tưởng già hơn cậu đến gấp bốn lần số tuổi hơn đó.

— Có lẽ tại tôi sống giữa cuộc đời sinh viên.

Chị Tiến lên tiếng :

— Nhà tôi bây giờ già thật kia, tỉnh tỉnh như ông cụ. Những ngày nghỉ là họp liền với mấy ông bạn rung đùi đánh chầu.

— Chứ sao — anh Tiến nói.

— Ông ấy ham chầu — chị tiếp tục kể tội anh — đến nỗi ông ấy nói giá có quyền sẽ cho lập một tỉnh chuyên đánh chầu.

Cả ba chúng tôi cùng cười. Tôi hỏi Tiến :

— Giờ anh dạy ở đâu ?

— Tôi nhận dạy mấy lớp Việt-văn ở Thủ-Đức gần đây thôi. Già rồi, chả phải lặn lội đi đâu xa nữa.

Tôi gật đầu hưởng ứng :

— Vả lại chị đi buôn vải thế kiếm cũng đủ.

— Đúng thế — anh đón lấy lời tôi — sở dĩ tôi dạy cũng là để cho đỡ buồn. thằng Minh nhà tôi đã biết họp với mấy anh em mở lớp Toán Lý Hóa luyện thi Trung Học Phổ Thông.

Anh gật đầu hỉ hả :

— Cuối tháng nó vẫn biểu tôi một số tiền nhỏ tôi dùng làm vốn chầu. Em thằng Minh là thằng Mẫn cuối niên học sang năm đã thi tú tài một rồi ; con Khanh, đứa thứ ba, nữ sinh Trưng-Vương thì cũng cuối niên học sang năm thi Trung Học Phổ Thông ; con Liễu, con bé út, còn ở dưới tiểu học. Ấy chiều hôm nay chúng nó đi xi-nê cả. Tôi giao cho thằng Minh là con chim đầu đàn phải trông nom việc học cho các em, giờ đây tôi mũi ni che tai...

— ... để đánh chầu — chị tiếp lời anh, giọng riếu cợt — tôi cứ lạy giờ có hôm cảnh binh bắt được...

— ...cảnh binh nào mà vào cái xóm khỉ này, sâu thăm thăm như giếng — Anh cau mày một cách vui vẻ ngắt lời chị như vậy.

Tôi nói với anh :

— Bây giờ thì tôi hiểu câu anh nói với tôi lúc chia tay hai năm trước đây ở chợ Bến Thành : « Minh chỉ cần chịu khó vất vả hai năm nữa thôi cậu ạ ».

Anh giơ tay như để đánh dấu câu tôi nói, vẻ mặt thoáng buồn và đáp :

— À đúng, cái dạo ấy tôi đang « bi » (anh chặc lưỡi) cũng không phải là bi lắm đến sợ đói, trong này thì đói thế nào được... Dạo đó tôi đương cần tiền để thằng Minh ăn học đến nơi đến chốn. Một năm trước đó nhà tôi đã quyết định trở lại nghề hàng tám. Cũng may nhờ được mấy thằng bạn sinh viên quen, nhất là Hăng — cậu nhớ



Hãng học Luật đề rĩa mép chữ gì — giới thiệu cho biết chỗ buôn, thuê giúp quầy hàng ở chợ Trương-minh-Giảng... Chúng tôi quyết định thằng Minh phải học đến nơi đến chốn, phải học xong tú tài ! (tôi mỉm cười hiểu ý nhưng vội quay đi).

Nhân nhắc đến Hãng anh hỏi tôi :

— Cậu dạo này có gặp Hãng đâu không ?

Tôi gật đầu đáp :

— Có tôi gặp Hãng luôn. Hãng bây giờ không đề râu mép nữa.

Sau một thời gian anh sang Mỹ học, rồi mấy lần đi họp hội nghị sinh viên quốc tế trở về Hãng vẫn thường đáp phi cơ đi đây đi đó luôn. Anh đã giúp sinh viên rất nhiều trong việc xin giấy tờ đi du học ngoại quốc, hoặc tổ chức những cuộc học hỏi ngay trong nước.

Tiến gật gù :

— Từ ngày Hãng giúp chúng tôi thuê được quầy hàng bán vải ở chợ Trương-minh-Giảng đến giờ thấm thoát đã ba năm. Hãng giúp mình như vậy xong rồi cũng chẳng quay lại cho mình cảm ơn nữa. Thằng cha chơi được !

Suy nghĩ giây lâu Tiến tiếp :

— Thái độ hoạt động không ngừng để giúp mọi người như Hãng kể cũng là một cách sáng tạo...

Vừa lúc đó Mẫn, Khanh, Liễu đi xi-nê về. Chúng chào tôi « Lay bác ạ » miệng dẻo như kẹo. Riêng với Mẫn tôi nói :

— Ừ hai năm nữa cháu vào Đại Học Xá sẽ gặp bác ! (Và tôi nghĩ thầm). Ngày đó bác lại bảo cháu : « Thôi cứ gọi tôi bằng anh cho tiện, anh em cả mà ! »

Tôi nhận lời ở lại ăn cơm chiều với gia đình Tiến. Trong bữa ăn Tiến tiếp tục nói về ý kiến sáng tạo. Khuôn mặt anh suốt trong câu chuyện trở lại trang trọng hẳn.

Anh nói :

— Tôi đã từng lặn lội đi tận Long Xuyên, Rạch Giá « làm ăn », cố cho thằng lớn học hành đến nơi đến chốn. Tôi không sáng tạo gì cho chính bản thân tôi nhưng tôi đã sáng tạo tương lai cho con tôi. Thằng lớn nay đã thành đạt, nó sẽ vào đời, đau khổ với đời, tranh đấu với đời, uốn nắn sửa chữa phản ứng lại đời... Nó thắng lợi là tôi thắng lợi, phải không cậu ? Tôi đã đọc tập sách cậu tặng hôm nọ. Hãy là xếp cậu vào hạng tôi dở của nòi văn, thi sĩ đi, nhưng không ai phủ nhận rằng trong hoàn cảnh này kẻ cầm bút không mang nặng niềm ước vọng chân thành sáng tạo để nói lên cái gì u-uất trong lòng, trong khi quanh chúng ta biết bao cảnh nửa người nửa ngợm, lửa tham vọng đốt cháy tình cảm chỉ còn khói khét bốc lên và lũ hầu hạ ôm đàn lên ca ngợi hình ảnh sương khói thơ mộng mùa thu.

Xong bữa cơm dễ thường đến mười giờ khuya. Tôi rủ Tiến xuống



Đại Học Xá thăm « cháu Minh ». Anh bằng lòng. Tôi từ biệt chị Tiến cùng anh lên tắc-xi.

Tiến ngồi bên tôi im lặng không nói gì nữa. Tôi đưa mắt ngắm nét mặt thoải mái của anh trong bóng tối mờ mờ. Con anh quả đã là cánh tay nối dài của anh để hái một trái mộng, mộng sinh viên. Tôi lại nghĩ đến câu trong thánh kinh : « Nếu hạt lúa mì rơi xuống đất mà không chết thì hạt lúa ở một mình, nhưng nếu chết đi nó sẽ mang nhiều quả. » Tôi nghĩ đùa : Tiến chưa chết, hay chỉ chết một phần nào mà đã hái được khối quả.

Mới hơn mười giờ khuya mà Đại Học Xá đã khá im lặng. Những sinh viên đỗ khóa đầu thi đi ~~ngủ~~ mát xa, những sinh viên phải thi khóa hai thi bắt đầu phải « cày ». Đi qua phòng H. (phòng anh ở ngay đầu dãy) tôi nghe tiếng anh vỗ đùi kêu : Thôi chết rồi, còn chưa đầy một tháng nữa thi mà bồ ấy chưa giả mình cuốn *Précis de physiologie* có chết không.

Tới phòng Minh ở anh Tiến rón rén bước rồi dừng lại, để một ngón tay lên miệng ra hiệu cho tôi dừng theo. Bên trong, dưới ánh đèn *nê-ông* sáng xanh Minh đang chăm chú cúi đầu xuống trang sách. Tóc hăn đen, da hăn trắng, càng trắng dưới ánh đèn *nê-ông*.

Tiến ghé vào tai tôi nói khẽ :

— Thôi chúng ta rút lui để cho cháu nó học.

Khi đã ra xa, Tiến nêu một nhận xét rõ ra là một cựu sinh viên Văn Khoa :

— Cậu có thấy không — nhận xét của anh — nhìn một sinh viên chăm chú đọc sách dưới vũng ánh sáng xanh, bên ngoài bóng tối vây bọc, tôi nghĩ đến ánh đèn của những thư sinh trong Liêu Trai.

Tới cổng Đại Học Xá tôi muốn kéo Tiến về phòng tôi, anh nói (khuôn mặt, ánh mắt của anh dưới ánh đèn khi đó vui như trẻ thơ) :

— Thôi lần này chúng ta hết chuyện rồi, cậu cho tôi về.

Tôi tiễn anh ra ngoài cổng, đường Minh Mạng giờ này vắng tanh, thỉnh thoảng một chiếc tắc-xi có khách vụt qua. Bóng ngôi nhà thờ gần đây được vẽ trâm mặc với gác chuông cao vút ngang với hai hàng cây sao. Tiến vẫy được chiếc xích-lô máy. Tiến nắm chặt tay tôi rồi lên xe. Chiếc xích-lô máy bẽ bẽ, bóng anh xích-lô lực lưỡng ngồi cao lênh khênh che lấp bóng Tiến (mà tôi biết cũng vào hạng lực lưỡng). Chiếc xe rồ máy rồi tiến vun vút dưới hai hàng cây sao đổ bóng xuống con đường vắng lặng lốm đốm ánh điện. Chiếc xe khuất sau đầu đường Ngã Sáu như mang đi một thế hệ cũ với những ước vọng thắc mắc cũ đã



# THẠCH CHƯƠNG

## sự chán chường trong việc phê bình văn nghệ

**N**Ỗ I héo hon của các triết gia trước những vấn đề về tri thức, về bản thể, về nguyên thủy, về cứu cánh của cuộc đời ngày nay đã lên đến một mức độ hầu như không thể chịu đựng được nữa. Ngay đến những lòng tin nho nhỏ, như lòng tin sáng mai mặt trời sẽ mọc, cũng vẫn phi lý như hơn ba trăm năm về trước : đó là ngõ cụt của qui nạp pháp.

Triết học ngày nay đang loanh quanh trong mê lộ của ý-nghĩa-học (sémantique.) Do đó những hoài nghi, những chán chường bắt đầu thấm thía vào những lời phán đoán, những tiền giả định của mọi Siêu hình học, Đạo đức học, và Thẩm mỹ học.

Tôi muốn nói cùng với các anh hôm nay nỗi chán chường ở địa hạt cuối cùng ấy : việc phê bình văn nghệ.

### I

Khi các anh bảo : « Thơ Thanh Tâm Tuyền không hay », thì các anh muốn nói gì ?

Có thể anh muốn nói : « *Thơ không hay bởi tôi không thích* ». Và tiêu chuẩn của lời phê phán của anh không gì hơn là một thái độ thuần chủ quan. Nhưng sự anh thích là một chuyện, sự thơ Thanh Tâm Tuyền hay hay không lại là một chuyện khác. Cứ theo luận lý của anh, thì câu : « *Tôi không thích* » có thể đặt thành phương trình với câu « *thơ không hay* » ; và như vậy mệnh đề phê phán trên của anh có thể đặt lại là : « *Tôi không thích cái tôi không thích* », hay : « *Thơ không hay là thơ không hay* ». Và cả hai đều là những mệnh đề phân tích (propositions analytiques), hay đúng hơn là những mệnh đề trùng phức



một phần nào được giải quyết. Thế hệ đó ra đi để lại đằng sau một thế hệ mới với những ước vọng thác mắc trong một hoàn cảnh mới. Tôi là cái gạch nối — Bầu không khí u uất — Cơn giông — Một trận mưa đổ xuống — Rồi mưa tan trời đẹp — Tôi vẫn có ý nghĩ lạc quan thế để cười vào mặt mọi điều bạc, hèn hạ, ngu xuẩn của đời.

doãn quốc sỹ



(tautologies) : chúng chẳng cho ta một kiến thức nào mới hơn — cái kiểu những « nguyên tắc thuần lý » của triết học cựu truyền : nguyên tắc đồng nhất, mâu thuẫn, triệt tam, vân vân (1). Và như vậy anh đã chẳng muốn nói gì thật đấy ! Hơn nữa lời phê phán của anh không có một hiệu lực nào có thể coi là toàn xưng (universel), bởi vì một người yêu thơ Thanh Tâm Tuyền có thể nói ngược lại với anh, và như thế anh đúng hay người ấy đúng ? Và nếu anh bảo : « *Thơ Thanh Tâm Tuyền không hay đối với tôi, còn hay đối với anh* », thì ít nhất một người trong chúng ta phải « có lý » hơn nhau chứ ; nhưng ai sẽ là trọng tài cho chúng ta ? Ấy là không nói gì đến sự nhiều kẻ vẫn nói : « *Thơ Thanh Tâm Tuyền hay thì hay thực, nhưng tôi không thích* » (2). Cho nên sự anh « không thích » hiển nhiên không thể coi là tiêu chuẩn cho sự « không hay » của thơ Thanh Tâm Tuyền được.

Hay có thể anh muốn nói : « *Thơ không hay bởi chính nó không có một đặc chất nào có tên là đặc chất hay cả* ». Anh sẽ biện luận đại khái : Chữ *hay* (« mỹ ») là một ngữ từ tối hậu (terme ultime) trở cái bản chất đặc biệt của thi phẩm, cũng như chữ *tốt* (« thiện »), một ngữ từ tối hậu trở cái bản chất đặc biệt của một hành vi, một sự kiện (3). Không ai có thể định nghĩa chữ *hay* bằng một chữ nào khác, cũng như không ai có thể định nghĩa chữ *màu xanh* thế nào hơn nữa : *màu xanh* là một từ ngữ tối hậu trở chính cái đặc chất độc nhất đó của sự vật.

Nhưng bằng cách nào anh có thể phê phán như vậy ; nghĩa là bằng cách nào anh có thể cả quyết rằng thơ Thanh Tâm Tuyền có hay không có đặc chất độc nhất đó ? Nếu anh biết được rằng khoảng trời kia xanh, hay tà áo người con gái đỏ, và nếu anh dám quả quyết rằng chính trời màu ấy, áo màu ấy, thì điều kiện cần và đủ là anh, phải kinh nghiệm được những hiện tượng ấy, và anh phải trở cho mọi người (có một điều kiện bình thường về thị giác cổ nhiên) biết như thế. Nói khác đi, sự trời xanh, áo đỏ có thể « phô chứng » (démontré ostensiblement) được. Còn một tác phẩm văn nghệ là một thứ gì vượt ra ngoài giác quan, thì sự nó *hay* hay *dở* không thể phô chứng. Tôi đoán rằng sớm muộn thế nào anh cũng sẽ viện đến một quan năng khác mà anh gọi là « trực giác », và anh nói : « *Tôi trực giác rằng thơ Thanh Tâm Tuyền không hay* ». Nhưng có ai cấm một kẻ khác nói : « *Tôi trực giác rằng thơ Thanh Tâm Tuyền hay* » ? Vậy thì ai đúng ? Có

(1) Tức thì A là A, và không thể vừa là A vừa không — A ; nhưng có gì là đáng bận tâm ? Bởi khi anh định nghĩa A, thì cố nhiên anh chỉ sẽ dùng định nghĩa ấy khi anh nói đến A, chứ anh không dùng định nghĩa của B, hay C, hay không — A.

(2) Hay là kiểu : « *Tôi thích đọc truyện kiếm hiệp, nhưng tôi không cho nó một giá trị nghệ thuật nào cả* » Hoặc : « *thuốc phiện không tốt, nhưng tôi thích* ».

(3) Cf. G. E. Moore trong Principia Ethica.



thể rằng thơ Thanh Tâm Tuyền vừa hay, vừa không hay cùng một lúc?

Cho nên sự có mặt hay không của cái bản chất *hay, đẹp, dở* ấy là một điều u uẩn và phức tạp. Ngay đến màu sắc và hình thái của trực giác ra sao cũng không ai dám cả quyết.

Hay có thể anh muốn nói : « *Đừng đọc thơ Thanh Tâm Tuyền* » ? Nghĩa là câu phê phán của anh có tính cách một lời hiệu triệu (évocation)? Hoặc những chữ như *hay, dở, khá, lồi, được, tạm...* là những ngữ từ ướm dặm những xúc cảm (termes purement émotifs); chúng không có một ý nghĩa nhận thức (sens cognitif) nào. Chúng có giá trị ngang một thán từ, như một tiếng la tim bầm đầy giận dữ, một tiếng hét sặc sỡ khi anh vui, một tiếng thở dài suốt mướt khi anh buồn. Câu phê phán : « *Thơ Thanh Tâm Tuyền không hay* » sẽ, do đó, có thể chỉ ngầm một ý « *dở* » ; và « *hay* », « *hoan hô* ». Như vậy, một người sẽ bảo, tốt hơn hết là đừng bao giờ dùng những ngữ từ ấy trong các sách phê bình ; và việc phê phán một bản nhạc, một bức họa, một bài thơ sẽ chỉ còn là việc *phân tích* (thí dụ : bài thơ loại trữ tình hay anh hùng ca ; bức họa thuộc trường nào, bản nhạc theo thể *sonata* hay *aria*, hòa âm có chủ âm tính hay không v.v...), chứ không chủ ở việc *định giá trị*.

Nhưng có thực là mỗi khi tôi dùng chữ *hay, dở...*, tôi đã chẳng muốn nói gì hơn là dùng thanh điệu để phát ra những tiếng động vô nghĩa như : A ! Ô ! Ồ !... ? Có thực nỗi buồn héo hợt của những nhà thẩm mỹ học đã lên đến độ ấy ?

## 2

Tiêu chuẩn cho việc phê phán nghệ thuật, như ta đã thấy ở trên, không thể dựa trên phần chủ quan : sự anh thích, sự anh trực giác thế này thế khác, sự anh phát biểu một phần nọ, một thỏa mãn, hay một lời tuyên truyền, không cho phép anh cả quyết giá trị của một nghệ phẩm. Phải cần một tiêu chuẩn khách quan chăng ?

Sự phê bình một nghệ phẩm sẽ không chỉ chủ ở phần phân tích, mà còn phải ở sự đặt vấn đề giá trị ? Vấn đề giá trị, như vậy, sẽ được coi là mục đích cuối cùng của phê bình gia hay sao ?

Nhưng một khó khăn ngay ở bước đầu là : tương quan giữa phần phân tích tác phẩm nghệ thuật và phần định đặt giá trị của nó có chiều nào ? Nói khác đi, ta sẽ dùng những chi tiết, sự kiện tìm thấy ở phần phân tích để làm căn bản cho phần đặt giá trị, hay đặt giá trị trước tiên, rồi sau mới tìm những sự kiện cần ở phần phân tích để chứng minh ? Những triết gia thực dụng (pragmatistes) nhận lối sau, và cho rằng quan niệm về giá trị thường thường giữ một vai trò chỉ đạo cho việc tìm hiểu một đối tượng. (Tôi nhớ đến những người bạn tôi qua những



nét mặt buồn, giận, nóng tính, nhu mì, thông minh, ngây ngô... chứ tôi không hình dung ra ngay những chi tiết về khuôn mặt). Nhưng thế nào là *giá trị*? Có thể rằng bẩm sinh mọi người đã có một quan niệm tiên thiên về *đẹp, xấu, ác, lành*, đã có những hệ thống giá trị siêu việt (*valeurs transcendentales*)? Bản tính của giá trị là gì? Nó là một ngữ từ trở đến một đối tượng nhận thức nào, hay cũng lại chỉ nói một thái độ chủ quan, vớt vớt những xúc cảm?

Cho nên có người (4) cho rằng sự phê bình phải được đặt trên một căn bản luận lý hơn là tâm lý, và do đó chiều của tương quan phải là từ *phân tích* sang *đặt giá trị*.

Tương quan luận lý đó lại là một điều phức tạp thứ hai. Nó có hình thái nào? Nghĩa là chuyển động từ phân tích sang định giá trị là một chuyển động luận lý hình thức (chẳng hạn chuyển động diễn dịch, kiểu: từ *Mọi người đều sẽ chết*, sang tới *Vậy Socrate sẽ chết*; hoặc chuyển động qui nạp, kiểu: từ *Trái táo nặng rụng xuống vườn*, sang tới *Vậy vũ trụ động tác theo luật trọng lực*), hay là chuyển động nhân quả, hay là chuyển động biện chứng (mà ý kiến mọi người sẽ là động cơ thúc phát những xung đột giữa chính đề và phản đề?)

Nếu nhận là một chuyển động diễn dịch, ta sẽ có thể biện luận như sau. Sự đặt định giá trị phải được rút ra từ những phẩm chất bất dịch, cố hữu đã được mọi người coi là có giá trị. Chẳng hạn, có người cả quyết đặt một tiền đề đại khái: « Thi ca chỉ được coi là có giá trị khi nó ca ngợi những hòa đồng giữa thiên nhiên và con người, hoặc khi nó ca ngợi cái đẹp của trăng, sao, nỗi sầu của mưa, gió... ». Nhưng định nghĩa một bài thơ hay đâu có giản dị như vậy? Thanh Tâm Tuyền, trong bài *Nỗi buồn trong thơ hôm nay* (5) đã lật đổ tiền đề ấy một cách hùng hồn. Cùng vô lý như bảo: một nghệ phẩm hay khi có một quan niệm của Aristote (về tính cách thống nhất, có hậu của tác phẩm); hoặc của Benedetto Croce (phải là một tác phẩm thuộc tâm hồn, phải ngấm ần một tri thức trực giác); của Clive Bell (phải là đối tượng của một kinh nghiệm cá nhân về cảm xúc, tình tự); của Marx và công ty (phải là tiếng nói của giai cấp thợ thuyền, phải phục vụ con người vô sản...); của nhóm Văn Hóa Ngày Nay (phải có « giá trị » hăng cừ); của Sartre (tản văn là một hành động, nên một tác phẩm phải « nhập thể », phải ở vào từng *situation*); của Malraux (phải phát biểu cái điều kiện phi lý của số phận con người, lòng ham muốn sống bắc cầu qua bên kia sự chết), vân vân...

(4) Xem A. Kaplan: *On the So-called Crisis in Criticism*, (*Journal of Aesthetics and Art Criticism*, VII, 1, Sep. 1948).

(5) *Sáng Tạo* số 31-1959



Những tiền đề trên đây đặt cạnh nhau mâu thuẫn đến độ chúng chỉ muốn hỗ tương phá hủy nhau, thì biết lấy tiền đề nào làm mẫu mực? Bảo rằng tiền đề nào *hay* thì nên theo, thì ta lại phải tìm tiêu chuẩn cho chính sự *hay* vừa nói đó. Bảo rằng tiền đề nào có *lợi thực tiễn* thì nên theo, thì ta lại phải định nghĩa sự có lợi ấy, cũng là tìm tiêu chuẩn cho lợi ích.

Cho nên, nếu trong tôn giáo ta không có một định nghĩa căn bản nào cho danh từ *Thượng đế* (của Cơ Đốc hay Hồi Hồi? Là một bản thể không đủ quyền năng nhưng tối thiện, hay hung dữ nhưng tối minh?), thì trong nghệ thuật ta cũng không thể có một định nghĩa nào làm mẫu mực cho chữ « giá trị nghệ thuật » được (6). Do đó chuyển động diễn dịch cũng chỉ đưa ta đến một ngõ cụt nào nê những ảo tưởng chán chường.

Hay tương quan giữa sự phân tích và sự định đặt giá trị có một chuyển động qui nạp, nghĩa là coi sự đặt định giá trị là một giả thuyết (kiểu giả thuyết trong khoa học), rồi dùng những tài liệu tìm thấy ở phần phân tích nghệ phẩm để chứng nhận hay hủy bỏ giả thuyết?

Thí dụ, tôi ngồi nghe một khúc *fugue* của một nhạc sĩ tôi chưa hề nghe tiếng. Nghe xong một lần, tôi thoáng thấy có cảm tưởng (cố nhiên không phải là chủ quan) là nó « hay ». Muốn kiểm chứng (*vérifier*) lời phê phán này, tôi quay đĩa chăm chú nghe lại lần nữa. Tôi thấy khúc *fugue* có một nhạc đề loại *Andamento* rất « du dương » được một đối âm nâng đỡ rất « khéo »; rồi ở phần khai triển tôi thấy đối âm kép, trước ở quãng 15, bây giờ chuyển sang quãng 12, lại càng « khéo hơn »; tôi thấy những hợp âm bán di « táo bạo », những lối chuyển chủ âm « rất lạ »; cho đến khi nhạc đề quay về với chủ âm mở đầu, tôi nhận thấy một *stretto* « vững » và « có lý ». Phần *coda* « lưu luyến » chấm dứt bản nhạc, tôi gật gù bảo : « Hay » ! Như vậy giả thuyết của tôi đã được kiểm chứng ?

Chưa chắc. Bởi ắt sẽ có kẻ phản đối, bảo : những điều anh vừa nói là những dữ kiện thuần kỹ thuật ; nhưng kỹ thuật dù chính đến mấy, có luận lý đến mấy chưa hẳn đã là tiêu chuẩn cho sự hay của khúc *fugue* — Bach có những bài *fugue* không hề có *stretto*, hoặc đối âm kép, mà mọi người vẫn bảo là *hay*. Vậy giả thuyết của anh chỉ được công nhận khi những giả định về những đặc tính của bản nhạc phải đã được coi là đúng — đúng một cách vô điều kiện, nghĩa là không được phụ thuộc vào sự « hay » của nó. Do đó chuyển động qui nạp cũng lại chỉ loanh quanh dẫn anh vào một mê lộ !

---

(6) Ông Bảo Sơn trong số Xuân Văn Hóa Ngày Nay (số 8, năm 1959) — trong bài Một Nền Văn Hóa V.N. — nói đến nhân, chán, mị như những thực thể mà ta có thể sờ mó được bằng chân tay, như là chúng giản dị và có thực lắm !



Còn chuyển động nhân quả ? Bảo rằng mỗi chi tiết mà ta nhận thức được ở nghệ phẩm nào đó *chính nó đã dẫn khởi cho ta một ý niệm về sự đẹp, sự hay, sự xấu, sự dở chẳng ?* Đọc *King Lear* chẳng hạn, ta sẽ bảo : phân tích tâm lý một kẻ điên tình vi đến như thế thì nghệ thuật quả đã đến chỗ tối cao ; chính sự phân tích ấy đã ngầm ẩn một giá trị không thể chối cãi được. Hoặc khi đọc *Crime et Châtiment*, ta sẽ nói : cuộc xung đột nội tâm đau thương của Raskolnikoff đứng trước bất công xã hội và giá trị thiêng liêng của cuộc đời con người là một bản khoản chung của trí thức — nguyên vấn đề mới mẻ ấy cũng đã biểu dương một « giá trị văn học » hiếm có. Hoặc, một thí dụ khác, bảo : *Séquestrés d'Allona* (7) tầm thường, bởi nó chẳng nói gì mới ngoài những đề tài đã dùng ở *Huis-Clos*, *Mouches*, *Mains Sales* (hay đúng hơn những đề tài rút ra từ bản-thề-học của Sartre) : như vấn đề Thời gian và Con người, cái nhìn của « kẻ khác », sự chạy trốn khỏi tự do vân vân...

Nhưng có phải mọi người đều đồng ý với những lời phê phán trên ? Một kẻ chủ trương sự quan trọng, sự « đáng nói » của một cuộc đời thường nhật — cho dù bình thản, tẻ nhạt đến mấy (8) — có thể không cho là *King Lear* « thành công ». Hoặc những nhà văn Mác-xít có thể sẽ tuyên bố thái độ dằn vặt của Raskolnikoff là một thái độ chưa tiến bộ : cứu cánh sẽ cải hộ cho phương tiện, cuộc đời con người vì thế đáng nên hy sinh. Hoặc muốn biện hộ cho Sartre, tôi sẽ nói : Sự mới hay cũ của một đề tài đâu phải chuyện quan trọng, miễn đề tài ấy có liên quan đến những vấn đề có thực chất của con người ; vả lại những đề tài đó chính là của Sartre, một Sartre triết gia, nên dùng lại chúng, là một cách làm vững thêm triết hệ của mình, lại là điều hay chứ sao ?

Hơn nữa, cái tiêu chuẩn độc nhất theo đó ta biết được sự hay ở một sự kiện (nhân) để ta kết luận về sự hay của cả tác phẩm (quả), hiển nhiên chỉ là ý kiến cá nhân. Mà ý kiến cá nhân, như ta đã thấy, là chuyện chủ quan, không đáng bận tâm chúng ta ; nếu ta muốn tìm một tương quan luận lý và thực chứng (positiviste) cho việc phê phán văn nghệ, ta phải hoàn toàn ly dị nó, không tiếc thương.

Tóm lại đi từ việc phân tích tới việc định đặt giá trị một nghệ phẩm không có lý nào phải trên con đường nhân quả.

Vậy thì tiêu chuẩn khách quan để phê phán văn nghệ cũng lại đưa ta tới những chán chường như tiêu chuẩn chủ quan hay sao ?

Nhưng còn chuyển động biện chứng mà tôi đã hứa thảo luận ?

---

(7) *Vở kịch mới* của Sartre (tháng 11-1948)

(8) Thí dụ *L'Étranger* của nhà văn quá cố A. Camus.



Có nhiều người (9) muốn vớt lại tiêu chuẩn khách quan để đặt vấn đề giá trị, có khuynh hướng muốn rằng tương quan giữa phần phân tích và phần đánh giá có một chuyển động (mà tôi cho là) kiểu chính-phản-tổng hợp đề, và tổng hợp đề vừa nói lại là chính đề cho một chu kỳ thảo luận sau. Sự hay hoặc dở của một tác phẩm nghệ thuật tùy thuộc ở những tiêu chuẩn tìm thấy trong chính tác phẩm đó (10). Nhưng những tiêu chuẩn này không có tính cách tĩnh, bất di dịch, mà trái lại vô cùng phức tạp và tiến hóa qua thời gian và không gian. Cái động cơ chính cho sự di động này — nghĩa là sự một tiêu chuẩn thoát xác thành một tiêu chuẩn mới hợp thời hơn — chính là phần tâm lý, luận lý của con người, cùng là những biến canh kinh tế, xã hội v.v... Tuy nhiên cái tiêu chuẩn cũ (trước khi thoát xác) đó không phải là đã hoàn toàn bị phá hủy, mà vẫn còn chút ít vương vất lại. Qua những chu kỳ thảo luận, ở từng thời kỳ xác định bởi những biến đổi ở con người tổng hợp (tâm và vật) cùng những biến đổi ngoại giới, ta thấy những bộ tiêu chuẩn đã tiến hóa thành đại khái  $a, b, c, d...$  Và khi phê phán giá trị một tác phẩm  $x$ , ta sẽ nói như sau: «  $x$  hay, đẹp, bởi  $x$  có  $a, b, c, d...$  » Do đó, khi các nhà phê bình muốn nói chuyện về một tác phẩm nào đó sẽ thôi không tranh luận hãn về sự hay, dở của nó mà sẽ tranh luận về những tiêu chuẩn: biến đổi  $a$  thành  $a'$ ,  $b$  thành  $b'$ ..., hoặc thêm  $e, f, g...$

Hãy lấy một thí dụ cụ thể. Nếu tôi bảo một bài hát nào đó của Phạm Duy dở, tôi sẽ tự đặt những tiêu chuẩn này trước tiên (và mọi người sẽ họp nhau, ở từng thời kỳ khác nhau, vào thảo luận xem những tiêu chuẩn đó có đáng công nhận không, hay cần phải sửa đổi):

a) nhạc thể: hãn đã dùng thể nào có sẵn rồi (2 hay 3 phần) và dùng có đúng không; hoặc thể nào mới lạ của hãn có cho phép người nghe được phân biệt rõ và nhớ hết không...? (11)

b) hòa âm: có gì mới lạ không, hay chỉ những hợp âm tầm thường mà hàng vạn người từ mấy mươi thế kỷ đã dùng, như kiểu

(9) Nhất là, mới đây, những giáo sư triết và luận lý ở những Đại học đường Anglo-Saxon như Cambridge, Oxford, Harvard, Sydney.

Cf. H. Knight; The Use of « Good » in Aesthetic Judgments (trong Proceedings of the Aristotelian Society 1949); M. Macdonald: Some Distinctive Features of Argument Used in Criticism of the Arts (cũng ở trong Proceedings nói trên); J.A. Passmore: The Dreariness of Aesthetics (Mind, 1948); S. Hampshire: Logic and Appreciation (World Review, 1952).

(10) Cho nên H. Knight, op. cit, đã mệnh danh là « goodness-criteria relation »

(11) Bởi sự thưởng thức nhạc thể tùy thuộc rất nhiều ở kỹ ức của người nghe.



« rê tiên » này : *tonique, dominante, sous-dominante, relatif mineur (majeur), sus-tonique, médiant* ?

c) lời ca : có phải đã được quan niệm đồng thời với nhạc hay chỉ là một thứ thêm thắt vào nhạc để hát ; muốn « nói » gì...?

d) bài hát có thêm chút gì vào nhạc nghiệp của hẳn không, hay chỉ là một câu nói thừa với mục đích vị lợi ? v. v...

Ta có thể nối dài thêm bằng tiêu chuẩn trên đến đâu tùy ý, hay có thể sửa đổi một, hai tiêu chuẩn nào đó đi. Và ta sẽ phê phán bài hát ấy đại khái : « Nó dở *bởi vì* nó lặp lại những nhạc thể có sẵn một cách trơ tráo, *bởi vì* nó không có những hòa âm gì mới lạ... » Tóm lại, nguyên tắc căn bản ở đây là ý kiến của số đông.

Như thế khi tôi và anh tranh luận với nhau về bài hát đó, chúng ta có thể sẽ bất đồng ý kiến với nhau về kỹ thuật nhạc của Phạm-Duy chẳng hạn ; và, thí dụ, khi cả hai cùng nghe bản nhạc, một người nói : « hay », một người nói : « dở », thì sự thực mỗi người trong óc có một tiêu chuẩn khác nhau để phê phán — nghĩa là anh bảo hay vì anh nghĩ lời ca hay, tôi bảo dở vì có lẽ tôi lại nghĩ về hòa âm dở. Do đó, nếu ta tranh luận về chính sự *hay, dở*, thì sự thực ta đã chỉ cãi nhau về danh từ, chứ không cãi nhau hẳn về những tiêu chuẩn làm căn bản ; một thứ cãi nhau ông-nói-gà-bà-nói-vịt ! Nếu theo con đường biện chứng này mà thảo luận, ta sẽ tránh được những loại tranh luận về ngôn ngữ (*disputes linguistiques*), mà giữ lại những tranh luận về sự kiện (*disputes factuelles*).

Ta nghĩ gì về lối thoát này ? Một điều lợi là ta thấy được rõ sự trần truồng, vô nghĩa, sự phụ thuộc của những ngữ từ đánh giá : *hay, dở*... Nhưng có phải như thế là ta đã thoát ra ngoài mê lộ ? Có những câu hỏi như sau : Bao nhiêu tiêu chuẩn mới đủ cho phép ta nói : « x hay, x tồi » ? Bao nhiêu người đồng ý mới cho là tượng trưng ? (Có vấn đề « tượng trưng » ấy trong nghệ thuật được không ?) Những kẻ đồng ý là những người nào : ham chuộng nghệ thuật, có học, có kiến thức về nghệ thuật, biết phục thiện...? Luật số đông có là luật mẫu mực không ? Ta có được phép so sánh giá trị của hai tác phẩm nghệ thuật cùng loại không (chẳng hạn hai bức họa thời ấn tượng, hai bức thời Baroque) ? Sự tác phẩm x có nhiều điều chuẩn hơn tác phẩm y có nghĩa là x khá hơn y không (nghĩa là Raphael có khá hơn Rembrandt) ? Và, cuối cùng, câu hỏi quan trọng hơn cả là : dân là tiêu chuẩn của những tiêu chuẩn đó ? (và ta sẽ hỏi đến mãi vô cực) !

Đó là những câu hỏi cực kỳ quan trọng. Chỉ khi nào trả lời được, ta mới có quyền đặt bất phê phán giá trị. Cho nên tất cả những công trình đặt định giá trị của mọi nhà phê bình xưa nay, đông tây, đều, theo ý tôi, là những công việc vô lợi, dăm màu chủ



quan, hay là có một thứ khách quan hư ngụy, vô nghĩa. Chúng không cho lòng tin về sự đẹp của ta một lý do vững chắc nào. Chúng giống như những loại mệnh đề tuyên truyền của tôn giáo : những thứ mệnh đề ngấm ần những quan niệm tiên thiên, siêu việt — và, do đó, ảo tưởng — của ta về giá trị, thiện, ác, đẹp, xấu. Hoàn toàn phi lý (irrationnel). Đau khổ hơn là, nếu những ngữ từ đánh giá (termes évaluateurs) đó có thể chỉ là những tiếng hiệu triệu, đắm xúc cảm, thì có thực chúng ta đã muôn đời tự lừa dối chúng ta mỗi khi dùng chúng ? (Mà giây phút nào ta không dùng ?)

Thế nào là giá trị ? Thế nào là chân, là thiện, là mỹ ? Đau là một vài lý do cho lòng tin, một lòng tin nho nhỏ của ta ?

Câu hỏi ném lên không trung chỉ sóng gió thẳm thì trả lời. Đó là nỗi chán chường trong việc phê phán văn nghệ ngày hôm nay.

---

thạch chương



# TÔ THÙY YÊN

## niềm bí ẩn

### trong cái chết của một thanh niên

C'est ça le vrai malheur, car tout au monde n'est qu'un énigme.

DOSTOIEVSKY (Frères Karamazov)

**V**Ề cái chết của chàng, một tờ nhật báo số ra ngày 26 tháng 4 rồi, trong mục tin vật đô thành, có tường thuật như sau :

SAIGON. — Đêm qua vào khoảng 1 giờ, một chàng thanh niên sớm chán đời đã nhảy xuống sông cầu Khánh Hội quỳên sinh. Có người trông thấy tri hô lên và một đội nhân viên cứu hỏa được cấp báo lập tức đến nơi. Sau ngót nửa giờ ra công tìm kiếm lục lạo lòng sông, anh em sở cứu hỏa đã mang được kẻ bạc mệnh lên bờ nhưng chàng chỉ còn là cái xác không hồn, mọi hy vọng cứu sống chàng đều tiêu tan.

Theo sự điều tra của nhà đương cuộc thì kẻ xấu số tên là N.V.Kiên, 26 tuổi, trước có làm thư ký kế toán cho một hãng buôn lớn ở đây, đã thất nghiệp từ sáu tháng nay và cũng không có họ hàng thân thích chi cả. Chúng tôi ước đoán rằng có lẽ hoàn cảnh nghèo khó khốn cùng đã đưa đẩy chàng đến đoạn trường kiêu, mượn dòng nước biếc hầu rửa sạch nợ đời phiền lụy.

Đó là nguyên văn bài báo (chứ không phải là văn của tôi, tác giả truyện này). Sở dĩ tôi đã trích y như vậy là vì tôi muốn nhấn mạnh với người đọc câu cuối : *có lẽ hoàn cảnh nghèo khó khốn cùng...* Tôi sẽ giải thích sau vì sao tôi phải nhấn mạnh câu ấy.

Cũng như người đọc đã thấy, cái chết của Kiên chỉ là một cuộc quỳên sinh vô cùng thông thường, thuộc loại quỳên sinh mà một tờ báo nếu có là tờ độc nhất loan tin đi nữa, vẫn không thể làm tăng thêm số độc giả của mình. Cái chết ấy chỉ có cái giá trị cần thiết nhưng rất tầm thường là trám đầy một lỗ trống nhỏ chưa bằng bàn tay trong tờ báo chứ chẳng can dự gì đến tiền đồ của tờ báo cả. Nếu chàng thanh niên ấy không tự tử thì làm gì chẳng có một kẻ nào khác tự tử thay hay một tin nào dài đại khái như thế ?



Nhưng giá có tờ nhật báo nào khám phá được niềm bí ẩn trong cái chết của Kiên, tôi quả quyết trăm phần trăm là sau khi đã đăng đầy đủ chi tiết như tôi sẽ cố gắng tìm tòi gom góp lại sau đây, tờ nhật báo ấy ngay ở số kế tiếp, đã có thể cho chạy thêm dưới cái tên báo của mình hàng chữ kiêu hãnh, khỗ to bề vệ : *cơ quan ngôn luận nhiều độc giả nhất Việt Nam*. Tôi dám đánh cá điều đó vì cái chết của Kiên là một trường hợp tự tử hi hữu, một trường hợp ly kỳ ngoài sức tưởng tượng thông thường. Rất có thể người đọc khắt khe sẽ kết luận một cách dễ dàng rằng Kiên chỉ là một thứ tâm thần giao động thác loạn đến độ cùng cực và cái chết của chàng như cái chết của mọi người điên, không đáng tìm hiểu vì người ta, nếu phải tìm hiểu một người nào khác mình, chỉ cần tìm hiểu những thân phận đồng tính với thân phận mình tức cái thân phận của những tâm thần sáng suốt thôi. Và có lẽ tôi cũng đồng ý với người đọc. Vì không có kẻ chán đời nào mà chẳng bị giao động cũng như không có trường hợp tự tử nào mà đương sự không bị thác loạn tâm thần. Nhưng đó không phải là chủ tâm của tôi khi kể lại truyện này ; cái chủ tâm tìm xem nhân vật của mình có phải là một thứ tâm thần thác loạn, một người điên hay không ? Tôi chỉ muốn, nhân câu truyện của Kiên, gửi gắm đến người đọc cái ý tưởng này của tôi (nếu quả một tác giả có thể ý thức hoàn toàn được tất cả những điều mình đã viết ra ! ) : Đa số chúng ta bao giờ cũng mang sẵn bên trong mà không hay biết một nỗi đau khổ vô danh nào đó. Nó dày vò, lay chuyển chúng ta mãi liệt như một trái tim sợ hãi. Trong khi đó, chúng ta cứ lầm tưởng là tất cả nỗi đau khổ của chúng ta trên đời là do một nỗi đau khổ khác đã đến với chúng ta từ ngoại giới, sừng sững trước ý thức của chúng ta (loại đau khổ này thì nhiều vô số kể). Nỗi đau khổ đến từ ngoại giới ấy thật chỉ là một phần cộng thêm vào nỗi đau khổ vô danh kia nhưng cướp đoạt lấy tiếng nói của nỗi đau khổ vô danh mạo làm của chính nó, đánh lừa chúng ta với niềm tin tưởng hão huyền là có thể thanh toán được nó hẳn hoi nếu gặp dịp may.

Kiên mang trong mình nỗi đau khổ vô danh đó và đồng thời, chàng cũng bị đặt trước một hoàn cảnh đem lại cho chàng một nỗi đau khổ khác đề chàng ngộ nhận rằng nỗi đau khổ vì nghèo khó khốn cùng chính là nỗi đau khổ trọng đại nhất đời chàng. Nhưng dịp may (dịp may ư ?) lại mỉm cười với chàng ; nỗi đau khổ ý thức được ấy im tiếng, chàng giật mình tỉnh dậy ở ngay giữa nỗi đau khổ vô danh tiềm ẩn kia, trước cơ cấu chuyển động của tâm linh mình. Đó là lúc Kiên sáng suốt một lần độc nhất đề rồi điên loạn hoàn toàn. Chàng đã lơ đãng thấy mình quá rõ ràng ; bấy giờ nhắm mắt lại không còn kịp nữa, chàng bị choáng váng lao đầu thật sự xuống dòng sông.

Bình sinh tôi ghét thậm tệ những bài tựa do chính tác giả quyền



sách viết lấy. Bao giờ chúng cũng chứa đựng hoặc kín hoặc hở tính chất một lời thanh minh, chỉ dẫn hay giảng giải. Nhà văn, theo ý tôi, không phải thanh minh gì về mình hết, còn chỉ dẫn giảng giải là nhiệm vụ riêng của nhà phê bình. Thế mà hôm nay tôi lại phạm vào cái lỗi dài dòng mờ ám tôi ghét đó. Tôi đọc lại đoạn vào truyện ở trên của tôi, muốn xóa bỏ đi không tiếc tay nhưng rồi lại đắn đo, cảm thấy mơ hồ rằng sự rào đón đó của tôi có thể cần thiết cho người đọc chút nào trong cuộc theo dõi nhân vật của tôi. Vậy xin người đọc hiểu như thế cho.

• Bây giờ tôi xin tiếp tục câu chuyện, lánh mặt nhường chỗ cho Kiên.



Buổi chiều ngày 23 tháng 4 tức hai hôm trước đêm chàng lla bỏ cũi đời, Kiên quyết định xuống phố. Đã năm hôm nay, chàng nằm rúc trong căn gác chật chội của mình nhìn đời trong cánh cửa thon nhỏ độc nhất mở ra chiếc thang gỗ thô sơ dẫn xuống hẻm khúc khuỷu. Cơm nước thì nhờ thằng Chuộc giúp việc cho dưới nhà, mỗi bữa xách ga-men ra quán ở đầu xóm mua mang về. Trong hai hôm đầu, chàng còn ăn uống qua loa. Về sau, chàng chỉ có thể uống ít sữa trừ bữa. Bà chủ căn gác chàng thuê bảo chàng bị thương hàn. Cô Sương, con gái của bà, ngày nào cũng lên thăm hỏi chàng ít nhất một lần, pha cho chàng một ấm nước hay một ly sữa. Nhưng Kiên tin chắc mình chẳng phải bị ốm, nhất là bị ốm thương hàn dù không hôm nào chàng không lên cơn nóng sốt mê man.

Bắt đầu là một nổi chán chường lỏng chảy, trơn nhớt và nặng chịch dần đè trên tứ chi chàng như một giồng bạch tuộc, một chứng bại liệt. Luôn luôn chàng có cảm tưởng rành rành rằng chiếc giường sắt cá nhân chàng nằm là một chiếc tàu thủy trôi giạt bênh bồng trên những giấc mơ kỳ ảo kinh hoàng trong khi mắt chàng vẫn còn tỉnh thức. Chàng hết nhìn lên trần nhà lại ngó ra ngọn trướng cá ngoài cửa. Nhưng đôi mắt chàng hình như không còn chút liên lạc nào với ý chí của chàng ; ~~chàng~~ vẫn chẳng làm sao thoát ra khỏi tâm tư mình, một khoảng không gian mênh mông trời nước.

Ngày thứ ba, giữa ban ngày, chàng thấy rõ trong trí tưởng chàng đặt chân lên một hòn đảo xinh xắn có những công trình kiến trúc dị kỳ và dân cư không mặt mũi. Họ không hiểu mấy may ngôn ngữ của chàng nhưng biết tất cả những gì chàng muốn. Lúc chàng mới đến nơi, họ reo hò mừng rỡ, giết súc vật thiết đãi chàng, xúm lại giành nhau công kênh chàng đặt lên một chiếc ngai chói rạng vàng son. Xong nghi lễ, họ hướng dẫn chàng đi thăm viếng đảo rồi xô chàng xuống hòng núi lửa sôi nổ âm âm. Chàng rơi xuống, nghe ào ào tiếng



tốc độ của thân thể mình trong không trung và quên đi tất cả. Chàng xây xầm ngã lên trên giấc ngủ đau đớn của người kiệt lực.

Hôm sau tức ngày thứ tư, Kiên lại thấy mình vẫn nằm ngửa trên boong chiếc thuyền tưởng tượng quen thuộc mấy hôm trước, tiếp tục cuộc hành trình vô định giữa buổi hừng đông trời nước đỏ ngòm sắc máu tươi. Và con thuyền cứ trôi, trôi mãi, trôi đến làm chán ngán cả sự kiên tâm dai dẳng nhất của chàng nhưng buổi hừng đông vẫn chẳng hề biến đổi, vẫn một màu máu tươi rực rỡ trong mỗi quang cảnh độc nhất không di động theo tàu. Chàng nhớ rõ lắm, chàng nhớ là đám mây hình chiếc nắm khổng lồ trước mặt chàng vẫn không đến gần chàng, vẫn không to hơn chút nào; nó cứ sừng sững với cái diện tích cũ lúc tàu mới bắt đầu trôi. Tàu cũng không trôi vòng quanh vì chàng vẫn nằm không cựa quậy và chiếc nắm mây quái đản đó vẫn ở ngay trước mặt chàng hoài. Có lẽ thời gian đã ngừng nghỉ, máy tàu chạy đều nhưng con tàu đứng im một chỗ chẳng? Cũng không phải thế. Chàng trông thấy rành rành con nước chảy nhanh lùi ngược lại hướng tàu đi. Chàng còn nghe cả tiếng sóng rẽ mũi tàu phăm phập. Mà trong đất trời còn có vật luân lưu tức còn thời gian. Thế là nghĩa lý gì? Chàng càng lúc càng nóng bừng thêm trong đầu. Chàng chỉ chực hét lên một tiếng thật to cho hả tức. Nhưng miệng chàng cứng ngắc, hai hàm răng dính chặt vào nhau và đầu chàng tiếp tục cháy dữ hơn. Ý thức của chàng tàn lụi lần lần trong khủng khiếp, nỗi khủng khiếp của sự đơn độc không có người nào khác để giải bày. Đến khi một tiếng động nặng nề bùng'bít phát lên từ thái dương bên trái nhưc nhối của chàng, vang dội rền rĩ khắp đầu óc, chàng bất tỉnh bị chôn vùi dưới đồng vụn vỡ tan tành của ý thức. Lúc ấy lối 12 giờ đêm, dưới ngõ chỉ còn những tiếng to nhỏ si sào của những đứa ở gái lên ra khỏi nhà chủ, tụ họp quanh cột điện mà ăn quà, bẹo trai.

Ngày thứ năm tức hôm 23, vào buổi sáng, tự nhiên Kiên chợt thấy mình trở về khu xóm lao động chàng hiện cư ngụ. Lúc chàng trở về, xế trưa nhưng không phải là một buổi trưa bình thường. Trời vẫn nắng to nhưng cảnh vật lại mờ ảo hơi sương. Chàng đi vào ngõ sặc sụa thứ nắng âm huyền hoặc ấy. Nếp sinh hoạt của khu xóm không có gì đổi thay nhưng những người quen biết không ai chào hỏi chàng; có lẽ họ chẳng nhận ra được chàng. Điều lạ lùng là dù đã cố moi khắp trí nhớ, chàng vẫn không biết nơi chàng đang đến đó tên gì, ở đâu, thuộc về quốc gia và chính thể nào nữa. Chàng chận một khuôn mặt thiếu nữ quen quen lại giữa ngõ hỏi cho biết. Khuôn mặt quen quen ấy là Sương, cô con gái bà chủ nhà. Cô ta chăm bẳm quan sát chàng một lúc khá lâu mới trả lời vắn tắt: « Đây là xứ sở mà trước sau gì người ta cũng phải quay về ». Chàng chưa kịp hiểu



gi, cô đã bỏ đi luôn. Chàng tự đứng buồn rầu thụ động bước thẳng về căn nhà gỗ đầu khúc quanh, leo cầu thang bên ngoài lên, mở cửa bước vào căn gác và ngã lưng nghỉ trên chiếc giường chàng hiện nằm dài, bại liệt.

Thế rồi chiều hôm ấy, Kiên nghe khá đỡ trong mình, chẳng rõ nhờ đâu. Đồng thời đột nhiên, dưới tận cùng tâm linh chàng âm lên một tiếng gọi liên hồi kêu gào chàng hãy mau chân đến một cõi xa vời, vô danh nào đó như phải đến một nơi hẹn hò không thể tránh bỏ. Đó là nỗi nhớ nhung mơ màng nhưng da diết, vừa hung bạo vừa dịu dàng một miền chàng chưa có khái niệm nào vững chắc. Chàng phải xuống phố và phải đến đấy.

Chàng ra khỏi giường, mặc bộ quần áo tươm tất nhất của chàng, chăm chuốt chải lại mái tóc — tại sao lại phải tươm tất? chàng tự hỏi trong một thoáng lúc soi gương và không tìm được câu đáp.

Chàng bước ra hiên, khóa cửa lại và rón rén xuống thang. Hình như có điều gì lén lút trong hành vi ra phố đi dạo của chàng. Nhưng sự cẩn thận đó của chàng vô ích. Cô Sương đang đứng ở ngưỡng cửa dưới nhà, hỏi vọng chàng :

— Kia, anh đã mạnh rồi à ?

Bà mẹ nghe tiếng con gái hỏi Kiên cũng tất tả chạy ra nhìn chàng lập lại đại đề câu hỏi của con. Chàng bỗng lúng túng trả lời như một chàng trai lần đầu đi đến nơi hẹn gặp người yêu, bị bà mẹ gạn hỏi :

— Dạ, cháu muốn ra ngoài hít mát một chút.

Chàng chào họ rồi ra đi. Được vài bước, chàng lại vội vã quay về, leo lên hiên gác, móc túi lấy chiếc chìa khóa cửa ném vào trong qua kẽ hở.



Dạo phố hình như là việc làm hằng ngày của giới thất nghiệp và văn nghệ. Kiên quen mặt gần hết những người cùng cảnh ngộ với mình và vài nhà văn nghệ. Kiên phong cho họ cái danh hiệu « những con phượng hoàng bát phố ». Có lẽ họ cũng quen mặt Kiên, một con phượng hoàng khác và là một con phượng hoàng kỳ cựu bậc nhất. Rất nhiều hôm, Kiên đi rong suốt ngày trong đô thành, đói thì ăn bánh mì, khát uống nước mía và mỗi ngời ghế đá, có khi đến mãi khuya khoắt hay gần sáng mới mò về ngõ nhà mình. Nhiều lần, chàng thắc mắc sao mình lại hành hạ thân xác đến như vậy và nhiều lần, chàng quyết định sẽ thôi lang thang ngày ngày ngoài phố nữa. Nhưng không lần nào, sau một đời ngày nằm nhà, Kiên còn dám nhớ đến quyết định của mình nữa mà thực hiện. Chàng lại thay áo quần, xuống phố



và lang thang, coi như đó là một hành động tất nhiên thuộc vào số kiếp của mình.

Kiên đã thất nghiệp từ sáu tháng nay, đúng như tin trên báo. Nhiều lúc, chàng không khỏi ngạc nhiên sao trong suốt sáu tháng trường đằng đẳng ấy mình lại có thể chưa chết đói bỏ thầy đầu đường xó chợ như chàng đã tưởng tượng trước kia. Chàng kiểm điểm lại, nhận thấy mình đã làm quá nhiều nghề trong khi đó chàng vẫn cứ mang tiếng thất nghiệp. Nào kèm trẻ nhà giàu học, nào kê khai khoán sổ sách cho một tiệm cầm đồ ít vốn, nào dịch những tài liệu ngoại quốc về cách thức giữ gìn sắc đẹp bán cho vài tờ tuần san. Nghĩa là chàng nhận làm mọi việc lương thiện mà thiên hạ không ai cho đó là nghề nghiệp hẳn hoi.

Với những nguồn lợi ít ỏi của những việc làm phù du đó, cảnh sống bần chật về tiền bạc nhiều khi quả đã khiến Kiên tủi hổ phát khóc thật nhưng nghĩ phải đi làm ngày tám tiếng, đến đúng giờ về đúng giấc, chàng thấy còn hǎi hừng hơn gấp bội. Từ hồi mới chấp chững ở ngưỡng đời cho đến nay, chưa bao giờ Kiên có thể làm việc gì, sở nào đến nửa năm. Trước sau gì chàng cũng xin thôi hoặc bị đuổi. Chàng thường xuyên thất nghiệp, thường xuyên chạy việc. Chắc mình có mang trong người dòng máu *bohémien*, dòng máu lang thang và bạt mạng — chàng nghĩ vậy.

Nghề cuối cùng của chàng trước khi thất nghiệp, sáu tháng trước đây là chân thư ký kế toán trong một hãng xuất nhập cảng lớn nhất nhì đô thành — điều này nữa, tờ nhật báo quả đã không loan sai. Chàng đã làm ở đấy được gần ba tháng. Bỗng một buổi nọ, chàng đến gõ cửa phòng viên chủ sự, xin thôi. Viên chủ sự vốn là người tốt bụng, gỡ ngay cặp kính trắng xuống, nhường to đôi mắt trần nhìn chàng bằng cái nhìn của một người cha khi nghe con trai mình ngỏ ý muốn rời gia đình ra ở riêng :

— Anh xin thôi thật à ? Hay là anh muốn tăng thêm lương ? Nếu đúng là điều đó thì anh hãy yên trí, tôi sẽ hết lòng giúp anh đề nghị với ông giám đốc.

Ông vẫn không quên lần chàng đến xin việc với vẻ khổ sở của kẻ đắm tàu réo gọi chiếc thuyền cấp cứu đang xa.

Kiên vội đáp một cách khô khan :

— Cảm ơn ông. Nhưng tôi muốn xin thôi thật, ông ạ.

Viên chủ sự chưa thôi :

— Nếu tiện, xin anh cho biết vì lý do gì ?

Chàng ngấm kỹ viên chủ sự một giây rồi nhủ thầm đó không phải là người chàng có thể bộc lộ thành thật những ý nghĩ của chàng mà khỏi dài dòng giải thích lời thôi, nên nói :

— Thưa ông, vì lý do sức khỏe ạ.



Lý do chàng viện đó có thể khiến cả người hoài nghi nhất cũng phải tin. Người chàng gầy mỏng, đôi má thon hóp. Lại thêm mái tóc để dài càng tăng cho chàng vẻ bệnh hoạn.

Đúng ra chàng phải nói như thế này :

— Thưa ông, vì chán thối quen ạ. Tôi không thể đi về đúng giờ mãi, ngồi mãi tám tiếng ngày này sang ngày nọ trong mỗi một căn phòng giữa những bộ mặt quen thuộc đến phát ghét, nhìn mãi những con số vô vị dọc ngang đến bấn loạn, vân vân. Tóm lại, tôi không thể đi làm được nữa.

Thế là chàng thất nghiệp. Buổi chiều cuối tháng ấy, chàng bước ra khỏi sở với trạng thái tâm hồn kỳ lạ chàng đã nhiều lần trải qua. Sau lưng, một cái ách phiền toái vừa cởi bỏ, trong túi, một món tiền đề tiêu khao tự do vừa được thu hồi và trước mắt, một tương lai mịt mù để bạt mạng, chàng mỉm cười như một kẻ xem trời không lớn quá lòng tay.

Những tiệc tùng ăn mừng sự giải phóng của Kiên kéo dài không đến một tuần. Danh từ thất nghiệp đã bắt đầu kêu lên một âm thanh bi thảm mới. Chàng lại bị lôi cuốn vào những sự tầm thường tạp nhạp làm cơ cấu cho cuộc đời và phải quay cuồng theo chúng, nghiền nát tất cả thành thoi tra chuộng của mình. Tuy vậy chàng vẫn không ngừng vùng vẫy để thoát ra và những khi nghĩ ngợi về hoàn cảnh và tâm tính của mình, chàng cũng thường mừng thầm về nỗi trơ trọi độc mã đơn thương của chàng, không có trên lưng một gánh nặng gia đình vợ con than khóc.

Chàng còn nhớ ông Nhãn, một trường hợp thất nghiệp rất thương. Chàng quen ông ta cách đây một năm trong vườn bách thảo. Ông đạp một chiếc xe cũ kỹ như ông, ngày hai buổi đến ngồi trên cái ghế đá cổ hữu khuất sau lùm cây đọc báo, nhìn trời, ngắm những cặp tình nhân đi lượn và đứng dậy ra về đúng lúc tan trường, học trò lũ lượt. Khi đã thàn, ông thổ lộ tất cả cùng Kiên. Ông thổ lộ một mạch từ đầu chí cuối, thổ lộ một cách say mê bàng hoàng như những nhân vật của Dostoievsky. Trước ông giúp việc cho một cơ quan bảo hiểm Tây với tư cách thư ký đánh máy. Thời cuộc thay đổi, hãng phải đóng cửa, ông chủ về nước. Ông Nhãn có tất cả bốn đứa con còn nhỏ cả. Vợ ông, xuất thân từ một gia đình trưởng giả ngày nay đã suy sụp nhưng còn cố giữ kỷ vỏ ngoài, thuộc loại đàn bà đông đảo chỉ biết nghĩ ngợi lương hưởng chức phận của chồng thôi. Ông ở gửi rề ; cả gia đình ông một vợ bốn con sống chung với cha mẹ anh em vợ. Và ông cũng không sắm nổi nhà. Ông thất nghiệp không dám cho gia đình hay. Ngày hai buổi ông phải ra ngồi ghế đá, đi về đúng giờ để nhà đừng sinh nghi. Hãng bảo hiểm ông làm, khi đóng cửa, có phát



cho nhân viên mỗi người ba tháng lương ân huệ. Ba tháng lương ấy, ông chia ba nộp dần cho vợ mỗi cuối tháng và hiện nay cũng đã gần ba tháng rồi ông thất nghiệp.

Không khí khoáng đạt và quang cảnh nhộn nhịp bên ngoài lúc đầu làm Kiên choáng váng nhưng chỉ giây lát sau, chúng giúp chàng lại được ngay sự khỏe khoắn. Đồng thời chúng cũng đánh thức chàng ra khỏi những giấc mơ của năm hôm mê sốt trên giường. Trong một khoảnh khắc vô cùng ngắn ngủi, chàng cảm thấy hình như mình yêu đời, yêu đến độ buồn bã vô vọng, cả linh hồn thể xác tiêu tan. Cũng trong khi ấy, cái đối tượng của quyết định còn mơ hồ lúc chàng ở nhà thành hình đột ngột trong trí não chàng rõ rệt và mãnh liệt chàng không thể nào cưỡng lại. Bây giờ chàng đã ý thức được rồi nơi hẹn hò chàng phải đến; chàng phải đến như chiếc kim bé bỏng đặt gần khối nam châm khổng lồ. Và cũng từ đây, chàng nghe trong người thanh thoi nhẹ nhõm; tâm linh chàng bằng phẳng, nín thính — điều chưa từng xảy đến với đời chàng.

Buổi chiều mùa hạ nhiệt đới không kéo dài hơn bao nhiêu. Những ngọn cây to ven đường đằng xa cháy rực lên rồi trở thành than. Nắng như máu, bầm dần và đen hẳn. Kiên lang thang nhiều bận trên mấy đường phố chính của đô thành. Chàng chẳng còn ý nghĩ nào nữa trong đầu và chàng sung sướng. Chàng tưởng tượng mình đang, như những khi vừa thất nghiệp, nhún vai nói một mình: « Ra sao thì ra! ». Khắp cả bên trong chàng tràn dâng một cảm giác thoải mái mát rượi, cái cảm giác của một kẻ sau khi đã cố sức bầu vùi tuyệt vọng vào ghềnh đá, chống chọi mắt còn với dòng nước hung dữ, cuối cùng kiệt quệ buông tay mặc tình cho nước cuốn, giải thoát lấy mình. Chàng tự tin hoàn toàn; chàng đương ở đúng trên con đường chính dẫn về tự do tuyệt đối.

Chàng thêm sống cho hết trọn sức sống, chàng muốn thu gọn cả đời người vào trong khoảnh khắc của vài giờ còn lại trước hạn kỳ. Chàng dừng chân ở một sạp thuốc lá vệ đường, mua một gói thuốc ngoại quốc thứ chàng ưa chuộng nhất nhưng chẳng mấy dịp được dùng. Lúc trả tiền, chàng mới thấy mình còn khá nhiều tiền — một món tiền có thể giữ chàng khỏi đói ít nhất một tuần, theo mẫu mực tiêu xài tối thiểu của chàng — và chàng nghĩ chẳng biết sẽ dùng nó vào việc gì trong vài tiếng đồng hồ trước mắt. Nhưng sau hơi khói thuốc đầu tiên vô cùng say ngon, điều đó không còn là nỗi bận tâm của chàng nữa. Chàng quên khuấy nó đi cũng như chàng đã quên khuấy đi quyết định tối hậu của chàng.



học khi vừa đậu xong bằng tiểu học, ở nhà xách nước nấu cơm. Ăn uống thiếu thốn là chuyện thường xuyên xảy ra trong gia đình. Có lần chàng thức dậy giữa đêm, bắt gặp em gái đang lén lút ngồi ngoài hiên ăn vụng mấy chiếc bánh ú nó đã giấu kỹ. Lúc ấy chàng vừa giận vừa thương em. Chàng trở vào bật khóc trên gối và trọn mấy ngày sau, chàng không nói năng với nó lấy một lời.

Chàng đứng lên, rời bỏ chiếc ghế đá, đi thẳng về phía cầu Khánh Hội. Những kỷ niệm kia đã làm cho chàng mệt mỏi như thành phố khuya khoắt. Khách thừa lương đã vãn; con đường rộng trần, óng đen chạy dài như một dòng sông giữa hai bờ nhà cửa cao vợi. Và dòng sông thao thức dưới chân chàng, mời mọc chàng như một vòng tay thân yêu giang ra, đón đợi. Kiên nghe lòng mình đứng đưng như không. Chàng cúi nhìn bóng mình run rẩy trên mặt nước lơ mờ ánh điện. Điều thuốc cuối cùng cháy dở trên môi chàng lúc lúc lóc lên ở dưới ấy như một con mắt thần bí. Kiên ti tay lên thành cầu lạnh buốt hơi sương; chàng bỗng rùng mình trong một phản ứng bất ngờ của cơ thể. Nhưng đêm ấy mới là đêm 23 tháng 4, tôi nhắc lại.

Và Kiên đã chưa nhảy ngay xuống sông cầu Khánh Hội. Chẳng phải vì lòng tham sinh úy tử thường tình từng khiến nghĩ ngợi, ngập ngừng một Kirillov trên bước đường thực hiện tự do, trút phế Thượng Đế. Trăm ngàn lần chẳng phải: Kiên vẫn nhảy xuống dòng nước ấy hai ngày sau. Vả lại nuôi được ý định tự tử dằng dai suốt hai hôm liền mới chính thật là hành động xem thường sinh mạng mình. Thông thường, những kẻ tự tử đều kết liễu đời mình trong sự sợ hãi cái chết, giữa một phút thác loạn cao độ trốn tránh xét suy. Ít có người tự tử nào đã nhem nhúm âm ỉ trong lòng cái ý định thê thảm ấy như Kiên. Nhưng đó là chuyện khác.

Đêm 23 ấy, Kiên đã chẳng tự tử ngay chỉ vì trong một phút bất chợt giật mình thức tỉnh nào đó, chàng sức nhớ lại trong túi còn một tấm vé số chưa đến ngày dò. Phải chỉ vì một tấm vé số thôi. Biết được lý do rồi, có lẽ người đọc đang cười Kiên. Tôi, tôi cũng cười không ít. Tuy nhiên, tôi vẫn coi đó là một tâm trạng thông thường, hợp lẽ của những kẻ, sau khi đã thất bại hoàn toàn trong mọi toan tính trọng đại nhất đời mình, lại quay về bầu vịu vào những niềm hy vọng rất nhỏ mọn, thoát nhìn gần như vô nghĩa. Đại đa số những người đắm tàu đã thoát nạn lúc đầu cũng chỉ có thể tìm gặp trên mặt biển trống không, một chiếc phao, một mảnh ván là cùng; chiếc phao mảnh ván ấy chẳng đáng giá là bao, có vẻ không thể giúp người ta giữ được sinh mạng mình mấy lúc nữa. Kiên của chúng ta cũng đã bám chặt vào



một chiếc phao, một mảnh ván tương tự, vào một tấm vải sổ chỉ có được mỗi một phần triệu may mắn : người ta còn ở nán lại cuộc đời nếu còn thấy trước mình một đốm hy vọng dù đó chỉ là một đốm hy vọng li ti, mỏng manh, chẳng soi sáng được gì cho số kiếp ; người ta sống hình như chỉ để nhúm thời hoài hoài những đốm hy vọng tráo trở, lần lượt dấy lên, lần lượt tắt lụi.

Suốt đêm ấy, Kiên phải lang thang ngoài phố ; chiếc chìa khóa căn gác, buổi chiều chàng đã ném vào trong. Tự nhiên, chàng cảm thấy sẽ hết sức ngượng ngùng nếu ngày đêm ấy, chàng quay về đập cửa dưới nhà xin vào bằng cầu thang bên trong, chiếc cầu thang bên trong với nhà bếp, buồng tắm. Ngại làm rộn mẹ con cô Sương chỉ là một phần nhỏ. Điều chàng ngại nhất chính là mặc cảm thất tín của chàng. Kiên làm như họ đã đoán biết chàng đi tự tử vậy. Tại sao lại còn quay về ?— chàng tưởng tượng sẽ nghe thấy trong cái nhìn của họ câu hỏi bầm nhể ấy.

Sáng hôm sau, Kiên cố ý về muộn. Đùng như dự đoán và ước muốn của chàng, Sương đã đi làm, mẹ nàng đã ra chợ, chỉ còn mỗi mình thằng Chuộc ở nhà. Kiên mệt quá, ngã ngay lên giường, đánh một giấc đến xế chiều mới dậy.

Buổi tối, Sương lên thăm chàng. Nàng mặc nguyên bộ bà ba vải trắng đơn sơ. Người nàng mảnh mai, dịu dàng như giọng nói của nàng. Nàng kéo chiếc ghế độc nhất của căn gác, ngồi xuống, ngó mông ra hiên. Từ chiếc ghế bố xếp bắc xéo với chiếc ghế Sương, Kiên ngắm một lúc, nửa khuôn mặt của nàng và thầm nghĩ sao lâu nay chàng lại có thể không hay biết mình đang sống gần một thiếu nữ hiền hậu và duyên dáng. Chàng cảm thấy hồn nhiên vui vẻ. !

— Anh đang bệnh sao không chịu nằm tĩnh dưỡng, còn đi đâu như vậy, làm suốt đêm qua Má cứ thấp thòm lo chẳng biết anh có ngã xỉu ngoài đường không. Anh cứ pằng phứ sức khỏe hoài, trông anh càng ngày càng gầy yếu hơn.— Sương quay lại mở lời có ý vừa săn sóc vừa cật vấn.

Kiên chợt lúng túng, nhìn đi nơi khác hồi lâu rồi đáp lạnh :

— Cảm ơn cô nhưng sức khỏe là điều tôi chẳng muốn quan tâm đến.

Chàng định nói thêm vài lời nữa, vài lời nhẹ nhàng hơn nhưng chẳng hiểu sao lúc ấy, cổ họng chàng trống trơn không còn lấy một chữ nào đợi sẵn. Chàng cúi ngắm hai bàn tay xương xẩu của mình, nghiền nuốt sự yên lặng.

Nhưng Sương đã tiếp tục, lần này giọng càng yếu đuối hơn và thấm ướt nước mắt :

— Anh Kiên, anh đang nghe em nói đấy chứ ? Anh hãy lắng nghe



em nói luôn đây. Dù là con gái đi nữa, em cũng phải nói ra hôm nay và phải nói trước anh, anh ạ. Anh độc ác lắm, anh có biết như thế không? Có lẽ anh không hề biết, anh chỉ vô tình thôi. Nhưng chẳng lý anh làm con trai mà không đọc thấy tình yêu ở một người con gái yêu anh sao? Em thì em biết tất cả những người con trai nào yêu em dù đó có là mối tình thầm kín, che đậy đến đâu đi nữa; em làm con gái chỉ để biết điều đó thôi. Chẳng lý con trai và con gái khác nhau về điều đó sao anh? Phải, em đã yêu anh, yêu anh mà anh thì chẳng thèm đếm xỉa đến. Em tưởng tượng em sẽ sung sướng dường nào nếu được nghe anh nói về anh; anh cứ làm thinh, em buồn khổ lắm. Em muốn gia nhập vào đời sống khép kín của anh, tìm lấy ở đấy ý nghĩa cho đời sống của em từ trước đến giờ còn thiếu thốn nó...

Sương còn nói nhiều, nhiều nữa và chỉ ngừng lại khi đã bật khóc thành tiếng thật. Tiếng khóc ấy của nàng như một trận mưa rào, đến gần nàng lần lần theo tiếng nói. Kiên bước lại đứng bên nàng, lặng lẽ để mặc nàng với nước mắt. Lát sau, Sương ngược khuôn mặt đầm đìa lên ngó chàng bằng cặp mắt người chết đuối. Kiên âu yếm vuốt tóc Sương như đề vỗ về nàng và đè nén rộn ràng xuống, chàng chậm rãi thì thầm:

— Em vẫn chưa đọc thấy được tình yêu ở tất cả những người con trai yêu em đâu, Sương ạ.

Rồi chàng đỡ Sương đứng lên, kéo nàng vào gần chàng, hôn đầm thắm lên trán nàng như người ta hôn một người em gái rồi bảo nhỏ:

— Thôi em xuống nhà đi.

Sương làm thinh, ngoan ngoãn nghe theo lời chàng bước xuống thang gác. Đôi vai nàng run run.

Trong thế giới của đàn ông, người đàn bà lọt vào thường vẫn giữ vai trò một cặp kính trên mặt người đàn ông, biến dạng và biến màu những vấn đề dành riêng cho người đàn ông giải quyết. Kiên không muốn nghĩ gì đến Sương hết nhưng rồi khuôn mặt xinh xắn dịu dàng ấy cứ hiện lên trong trí tưởng chàng. Suốt đêm, Kiên dằng co với ý muốn ấy của mình và nhiều lần chàng bực tức khi nhận thấy không thể bôi xóa Sương được. Phản ứng của chàng trước tình yêu như những hòn sỏi ném xuống mặt hồ chỉ có thể làm rã tan trong một lúc xáo động, hình ảnh Sương trên ấy. Cơn xáo động im đi, mặt nước lành lại và hình ảnh Sương trở về nếp cũ.

Sáng hôm sau — buổi sáng cuối cùng của đời Kiên — chàng dậy sớm nhưng nằm lì trên giường, đợi cho Sương đã đi làm chàng mới xuống dưới nhà rửa mặt. Nước lạnh đập vào xúc giác làm chàng tỉnh minh và yêu đời. Chàng trở lên gác, mặc áo quần, thắt cà vạt. Năng đã



bắt đầu hồng thắm và trong vắt. Chàng bước vào một tiệm phở quen thuộc. Chàng ăn uống rất ngon lành ; người ta chỉ có thể hưởng thụ trọn vẹn cuộc đời trong khi đợi chờ cái chết thôi. Chàng tuyệt nhiên không còn nghĩ ngợi gì nữa đến hành động tối hạn quyết định đời mình. Trong một thoáng, chàng nhận thấy mình đã bị quan vu vơ vô can cứ, bị quan một cách không đầu — *gratuitement*. Và lại chẳng có nỗi đau khổ nào trên đời mà không thể điều trị bằng kiên tâm được. Chàng bỗng bật cười chính mình ; tại sao lại có thể chờ đợi ở một tấm vé số mua trong một phút vui tay không cần hy vọng, một giải pháp dứt khoát cho đời mình ? Cũng có thể nó sẽ trúng, mang lại cho chàng một món tiền khả dĩ chấm dứt được tình trạng sinh sống thiếu trước hụt sau, ba đồng ba cọc nhưng có ai khờ khạo ngu ngơ đến đặt đánh cả đời mình vào một ván bài mình đã trông thấy trước rành rành kết quả thảm thê ? Chiều nay người ta sẽ xổ số, khai mở ván bài. Chẳng lẽ chàng hoặc sẽ ở lại hoặc sẽ lia bỏ cuộc đời tùy theo kết quả của ván bài ấy, một ván bài mà trong đó chàng thử thời vận chỉ có mười ba đồng nhỏ mọn hay sao ? Ai lại chẳng biết một ván bài chỉ đầy đủ thẩm quyền quyết định cả một cuộc đời khi nào ở ván bài ấy, người ta đã dồn đánh trọn đời mình thôi. Đàng này Kiên chỉ bỏ vào đó có mười ba đồng vốn liếng chàng có thể đốt hủy không tiếc rẻ mấy kia mà.

Về nhà, chàng ôn lại tất cả những động cơ đã đưa đẩy chàng đến toan tính quyền sinh hòm nợ, và bằng hoàng khám phá rằng tấm vé số — niềm hy vọng đã cứu sống chàng — chẳng hề dính líu mấy may đến toan tính ấy. Chàng đã lằm mằm nỗi đau khổ của mình. Được hay không một triệu đồng (ví dụ như vậy), nỗi đau khổ ấy vẫn là nó, không biến đổi, vẫn là nỗi đau khổ ăn nấp lên lút sau ý thức của chàng. Phải, chàng đã lạc đường trong cuộc truy tìm nó. Giờ đây chàng phải quay trở lại và bắt đầu một lần nữa.

Buổi trưa, chàng ra phố ăn cơm rồi lang thang ngoài nắng gắt cho hết buổi trưa. Chàng muốn lánh mặt Sương. Chàng muốn đương đầu một mình với quyết định của chàng. Sự có mặt của Sương và tình yêu có thể là một bức rào lường lự trên con đường khắc nghiệt, vinh quang dẫn về định mệnh, một con đường người ta chỉ đi hết được với tâm hồn và thân thể cô đơn.

Nhưng chiều hôm đó, Sương không đi làm. Khi Kiên đẩy cửa vào, chàng thấy nàng đã ngồi sẵn trên chiếc ghế tối qua đợi chàng. Và lẽ giản dị là tuy muốn lánh mặt Sương, Kiên cũng không ngăn nỗi lòng mừng rỡ khi gặp nàng. Chàng nhỏ nhẹ hỏi một câu bằng quơ :

— Chiều nay em không đi làm sao ?

Nàng cũng không biết đáp gì hơn : Em nghỉ.

Sau đó, cả hai cùng cảm thấy như không còn điều nào để nói



vội nhau thêm. Kiên vẫn ngồi ở chiếc ghế bố xếp, ngó ra ngọn trướng cá ngoài hiên. Lúc Kiên móc túi lấy thuốc lá rút một điếu đưa lên môi sắp sửa đánh lửa hút, Sương đành lấy bao diêm, bảo chàng vội tắt cả đức tính làm dáng của một người con gái :

— Đề em đốt cho anh.

Kiên ngậm những ngón tay hồng nõn của nàng loay hoay với que diêm và sung sướng. Chàng nói trong ngậm khói đầu :

— Anh tin em sẽ là một người vợ hiền.

Sương bật cười :

— Có chắc không anh ?

Kiên không trả lời, ung dung hút thuốc. Lát sau, Sương đòi :

— Anh hãy kể chuyện cho em nghe.

— Chuyện gì ?

— Chuyện gì cũng được.

K. ngậm nghĩ một hồi, nói :

— Chuyện khôi hài nhé.

— Anh kể đi.

Chàng kể, mặt tỉnh bơ :

— Có một người bị bệnh nặng sắp đến giờ làm chung. Vị cố đạo đến rửa tội, hỏi hân có tiếc nuối điều gì không. Người hấp hối đáp thản nhiên : « Tôi chết chẳng hề tiếc đời tôi. » Hân ngừng một giây rồi tiếp tục : « Có tiếc, tôi chỉ tiếc cuộc đời thôi. »

Sương không cười. Kiên ngẩng lên, hỏi :

— Em không thấy nó khôi hài à ?

Sương lắc đầu :

— Không phải thế. Sao anh lại kể chuyện chết chóc như vậy.

— Anh không đề ý điều đó. Anh chỉ muốn kể chuyện khôi hài cho em nghe thôi. Và đó là một chuyện khôi hài.— Kiên nói thật ; trong thâm tâm, chàng cũng không hiểu sao mình lại nghĩ ngay đến chuyện đó ?

Chợt có tiếng mẹ Sương gọi nàng, bảo có khách. Sương cúi hân phớt trán Kiên và bước xuống.

Đến xế chiều, thằng Chuộc nhô đầu lên ở thang gác, tay cầm tờ nhật báo, hỏi Kiên :

— Báo ngày mai có xổ số đây, thầy coi không ?



*Đoạn trích trong thư Kiên gửi cho Sương :*

« Là con gái, chắc em chỉ biết có mỗi tình yêu. Anh nói thêm đó là thứ tình yêu trong văn chương hai thế kỷ 18 và 19 của những tác giả đi đến đâu cũng kéo lê trái tim ứa lệ của mình theo như người ta dắt chó đi chơi, của những Bernardin de St Pierre, Chateaubriand,



Lamartine, Musset, chẳng hạn. Trong thư tình yêu ấy chỉ có mỗi tình yêu gồm những đam mê, ghen tức, sầu bi, vui sướng, hy vọng và chán chường của chính nó. Đó là một thế giới kín mít chỉ chứa đựng hai người yêu nhau cho đến khi đã bỏ nhau rồi, họ vẫn còn ở mãi trong thế giới ấy mà khóc than, nguyện rửa, nguyện cầu, đòi chết. Thú thật với em, đó không phải là thế giới thích hợp cho tình yêu của anh, tình yêu của một gã con trai (\*). Giấc mộng cao viễn của nhiều người có lẽ là lánh mình được trong một thế giới như thế — người ta gọi những kẻ lánh mình ấy là *les sages* — tránh chạm gặp chính bộ mặt mình, bộ mặt khác của cuộc đời, không còn thắc mắc về những bí ẩn vĩnh cửu mà người ta, nếu chấp nhận thân phận mình, bắt buộc phải ưu tư đến. Anh thắng thần cho *les sages* ấy là những kẻ hèn nhát, mặc nhiên sống một đời gỗ đá vô tri. Còn anh, anh muốn mở to đôi mắt suốt đời mặc những gai góc ác hiểm của một thân phận đắm vào, gây nên những vết thương trầm trọng nan y cho trí não. Anh muốn nắm bắt trọn vẹn rành rành hình thể của lẽ sống dù rằng nó chỉ là một chất lỏng mang cái hình thể tạm bợ của hoàn cảnh triền miên biến dạng, cũng kệ. Và anh đã chết cho sự can đảm ấy của đời người.

Trở lại tình yêu. Có lẽ em chưa biết được điều này của tình yêu — em còn nhỏ tuổi, mới yêu anh là lần đầu. Trong tâm hồn bất cứ người mới lớn nào—nhất là người con gái—cũng đã thành hình sẵn một mối tình chưa có người yêu. Người ta sống một thời không hạn định với mối tình tưởng tượng ấy, với một người yêu trừu tượng gồm bằng những ý niệm lý tưởng về người yêu người ta ao ước sẽ được gặp ngoài đời. Rồi sự tình cờ sẽ dẫn đến cho người ta người yêu ấy, một người con gái hoặc một người con trai nào đó thể hiện đại khái được những ý niệm người ta hằng ấp ủ trong lòng từ trước. Thế là người ta tưởng lầm mình đã yêu, yêu với hết tình yêu của một cuộc đời. Đến khi người yêu ấy biến đi, người ta mới vỡ lẽ; người ta vẫn còn có thể yêu ít nhất một người khác nữa. Tình yêu chỉ xứng nghĩa tình yêu khi nào chính người yêu đã thay đổi được những ý niệm lý tưởng trong người ta về người yêu, Sương ạ. Em không yêu anh đâu, em đang sống với mối tình ~~tưởng tượng~~ tưởng tượng anh nói đó và anh chỉ thủ đóng vai trò của vở kịch đã viết sẵn trong em thôi. Sự thật là vậy đó em. Anh chết đi rồi, em sẽ nghiệm thấy là đúng, em sẽ quên anh, em sẽ yêu một người con trai khác viết một vở kịch hoàn toàn mới khác cho em sống. Nói như vậy, chẳng phải anh muốn lau rửa sạch hai bàn tay sau mối tình của hai chúng ta để yên ổn đi về cõi chết đâu. Anh vẫn không yên ổn dù đã nói lên điều ấy. Anh ăn hận đã xuất hiện trước mối tình của em, can dự vào nó. Em hãy hết lòng tha thứ cho anh,

---

(\*) Ở đây, có hai chữ « ngày nay » Kiên đã xóa bỏ, viết lại rồi cũng xóa bỏ.



chớ đau khổ làm gì vì cái chết của anh, hãy coi anh là vô nghĩa ngay từ bây giờ, em nhé.

Trọn đời anh (chữ *trọn* này sao mà kiêu hãnh lạ lùng ở miệng một thanh niên), trọn đời anh, anh chưa hề nói với ai, ngoại trừ em, một lời ngán ngùi nào có vẻ tình cảm. Anh có mẹ nhưng không có tình mẫu tử anh có em nhưng không có tình ruột rà, anh sắp sửa chấm dứt đời mình, vẫn chưa tìm thấy được lý do. Người con nào cũng thương yêu mẹ, người anh nào cũng thương yêu em. Ngày họ nhắm mắt, anh đã khóc rất nhiều; những giọt lệ ấy là tất cả tình thương yêu dồn nén mà suốt quãng đời chung sống, anh đã không thể (và cũng không muốn) biểu lộ với họ. Anh đã mang giữ khư khư trong anh sự cô đơn trơ trọi từ những ngày vừa hiểu biết, anh coi nó là một kho tàng vô giá của đời anh, và có lẽ vì là một kho tàng, nó đã biến thành một ác họa cho anh. Cuộc đời trở mặt thù nghịch anh, lăm le giành tước nó. Anh cũng đã lo sợ em và tình yêu, bây giờ anh có thể nói thật ra, dấu diếm làm gì nữa, phải không em?

Anh đã chết vì duyên cớ nào? về câu hỏi dĩ nhiên này của em, anh thú thật chẳng biết giải đáp như thế nào cho ổn thỏa. Sương a. Anh chết vì một duyên cớ anh không làm sao thấu hiểu, vì nỗi đau khổ vô danh trọng đại nhất đời người, em chỉ có thể biết bấy nhiêu đó như anh thôi. Có khi anh vu vơ cho đó là tiếng gọi của định mệnh (cha anh đã chết đuối) nhưng rồi anh lại tức khắc phủ nhận ý nghĩ ấy. Anh không hề tin có thật sự bất tử của linh hồn cũng như anh không hề tin có Thượng Đế thật. Nhất định đời sống chỉ gồm bằng những người còn sống, trông thấy mặt thôi. Nhưng dù không hề tin, quả quyết không hề tin, anh vẫn không tránh khỏi phải thắc mắc nhiều về những vấn đề ấy; bất cứ kẻ vô thần nào cũng đều chứa dấu trong lòng nỗi thắc mắc không thôi về Thượng Đế — anh dám chắc như vậy. Bằng cớ: không có kẻ vô thần nào không hãi hùng trước thân phận con người. Chỉ vì cũng như anh, họ thiếu thốn cái giải đáp cho niềm bí ẩn ấy. Thượng Đế là giải đáp — dù chỉ là một giải đáp lười biếng, hèn nhất — của thân phận con người. Ít có người tu sĩ nào tự tử như anh, tự tử vì kinh hoàng trước thân phận mình, Sương a.

Cuối cùng, anh xin gửi kèm theo thư này tấm vé số vừa trúng độc đắc cho em. Em hãy sử dụng nó tùy thích nếu như em nhận thấy nó có thể giúp đỡ em tìm ra lẽ sống. Nó — anh muốn nói tấm vé số ấy — đã đánh lừa anh một lần rồi. Sự thật, nó đã chẳng mang lại được cho tâm hồn anh chút yên tĩnh nào anh hằng ao ước. Ngoài sau cuộc đời, không còn tâm hồn và cũng không còn xáo trộn, chắc anh sẽ nằm im giữa đất; đó là tất cả nguyện vọng đời anh. »

tô thùỳ yên



# LÊ HUY OANH

## giòng sông

**Q**UA một bãi hoang đầy cỏ dại đến bờ sông. Nắng dịu như không nắng. Buổi chiều mùa mưa nằm dài hai bên giòng nước. Tuấn đi với Hoài, bàn tay chàng cầm lấy bàn tay kẻ đồng hành. Những ngón gầy guộc luồn vào nhau. Người đàn ông im lặng và người đàn bà cũng im lặng. Một âm sắc mơ hồ gợn bên tai. Đây là tiếng gió nhẹ quyện vào ngàn cỏ hay chỉ là hơi thở... Xuống khỏi một mấc đất, Tuấn đỡ tay qua vóc lưng ẻo lả bên cạnh. Người yêu của chàng vẫn không nói gì và mặt nàng đượm những nét bình yên, trầm mặc, của một buổi chiều hoang vắng. Đôi mắt hướng vào xa xôi. Vẻ huyền bí lạnh lẽo của hai tròng mắt khiến chàng hơi rùng mình. Chỉ thoáng một chút thôi.

Tuấn nhìn qua giòng sông. Giải nước rộng khiến cho cảnh vật bên kia phai nhòa đi. Chỉ thấy một giải cây xanh, một giải đất nâu xám và những miếng trời thấp thoáng. Giữa cảnh bát ngát mịt mù, đối tượng của thị quan đột nhiên mở rộng cả ba chiều. Thêm một lần, Tuấn hơi ngạc nhiên về đôi mắt chàng vì thấy chúng bé nhỏ tội nghiệp mà có thể bao quát nổi cả một quăng không gian rộng đến thế. Tuấn lại nhìn đôi mắt người yêu; và nàng cũng nhìn chàng mỉm cười. Tuấn nhớ đến một thi sĩ đã ví mắt người đẹp với giòng sông: *Mắt em là một giòng sông...* Tuấn sung sướng nhưng không chỉ nghĩ đến một giòng sông vì hai mắt Hoài ghi nhận hai giòng sông giống nhau. Ta nghĩ đúng hay nhà thơ ấy nghĩ đúng, Tuấn tự hỏi lần thần như vậy. Tuy nhiên chàng chịu thua, vì hai giòng sông của chàng cũng vẫn chỉ là một. Cao hứng, chàng khẽ ngâm câu thơ kỳ dị này. Người đàn bà nhìn chàng âu yếm hơn nhưng nàng vẫn cười và chỉ cười.

Tuấn lại nhớ đến một thành ngữ đã ví đôi mắt là cửa sổ của linh hồn. Chàng soi mới nhìn vào hai khung cửa đó nhưng không thấy rõ



hồn nàng. Chỉ thấy hình ảnh cây cỏ, nước mây và hình ảnh chàng. Chẳng như hồn Hoài chính là những hình ảnh ấy. Nhưng Tuấn khẽ lắc đầu. Cử động này phát ra một cách miễn cưỡng, thật miễn cưỡng. Người con gái bây giờ mới lên tiếng. Những âm thanh buột ra từ cổ họng nghe nhỏ nhẹ gần như lẫn với hơi thở :

— Tại sao anh ngó em rồi lắc đầu ?

Tuấn vụt cười lớn, không trả lời. Thiếu nữ mở to mắt. Mặt nàng trở nên nghiêm trang vì nụ cười đã tắt trên môi. Nàng hỏi lại :

— Tại sao thế ?

Tuấn bối rối không biết trả lời thế nào. Nguyên có tuy không phức tạp lắm nhưng khó nói. Tuấn hay ngượng ngùng khi có người tra hỏi cảm nghĩ và cử chỉ của mình, dầu người đó là Hoài. Trong lúc thảng thốt, một sức tự động của cơ năng tâm lý khiến Tuấn buông ra lời giải thích vu vơ :

— Vì mắt em đẹp quá.

— Nhưng tại sao anh lắc đầu ?

Tuấn chợt nghĩ tới một câu văn-vẽ :

— Anh là con nai nhỏ bé sa bẫy trong mắt em. Có lẽ không bao giờ con vật đó thoát khỏi bẫy nên anh thương hại nó.

Sau câu trả lời, Tuấn thở mạnh hơn vì vừa thoát cơn bối-rối. Đối với chàng, câu giải-thích này không có giá-trị gì lắm. Nó đối trá, sai lạc tuy Tuấn tự biết nó thật đẹp-đẽ. Nhưng Hoài hình như không thể biết hoặc không cần biết là câu trả lời sai với sự thực. Giọng nàng vẫn nghiêm-trang :

— Tại sao anh thương hại nó ?

Tuấn nhận ra một điều hơi khác thường. Người đàn bà nói với chàng bốn lần. Bốn lời nói là bốn câu hỏi. Trong mỗi câu hỏi có một tiếng đôi lại sao ? Óc Tuấn chợt bề-bộn những tiếng đó. Câu chuyện giữa chàng với nàng lúc này đang trong tình-trạng giả dối một cách đơn phương. Sự liên-lạc của ý-tưởng chưa dứt, nên nó chưa thoát khỏi tình trạng giả dối. Tuấn lại trả lời rằng :

— Anh thương con nai ấy vì anh muốn thương nó. Sự thực đâu nó cần đến lòng thương của anh. Nó mắc bẫy nhưng không biết hoặc biết mà vẫn thích thú vì được vào bẫy. Mắt em là cái bẫy thần-tiên...

Hoài không hỏi nữa, ngả đầu vào vai tình lang. Hai người đứng lại. Tuấn gơ tay vuốt nhẹ mớ tóc mượt như tơ. Chàng lại nhìn bờ sông bên kia. Giòng cảm nghĩ tuôn ra như nước sông chảy đi. Tại sao hoạt-động-trường của ý-tưởng lại mênh-mông và rắc-rối đến thế ? Tuấn hơi bực mình vì cái trạng-thái ngông-nghênh của liên-tưởng và trí tưởng-tượng. Từ đôi mắt đến hình ảnh một cái bẫy thần-tiên, sự kiện này thật kỳ-quặc. Nó vô-lý mà giả đáng hữu lý, sai lạc mà đẹp đẽ, vô ích mà hầu như cần thiết. Cái hữu-lý, đẹp đẽ và cần thiết ấy được thể-hiện rõ



ràng trong nụ cười thỏa-mãn của Hoài. Tuấn không hối hận gì về sự đối trá của mình.

Hai kẻ yêu nhau lại đi men theo bờ sông. Giữa cảnh thanh vắng, buổi chiều bên giòng nước chảy xuôi mỗi lúc một thêm tiêu-sái. Gió mạnh hơn lệp làm bay tà áo Hoài. Đám cỏ xơ-xác dưới chân hai người khẽ run-rẩy. Từng đợt rong xanh đậm lập-lờ gần bờ. Dăm cây ô-môi gần đấy lá-lay ngọn lá cao vút vượt ve nền trời trắng. Bên kia sông cảnh vật không hề thay đổi. Vẫn chỉ có màu cây quỳen lấy màu đất. Một thân dừa lẻ-loi ngã mình xuống mặt nước. Nó đã đứng đấy từ bao giờ và hình như muốn chờ đợi một cái gì sẽ từ đáy sông chuỗi lên chẳng. Cái dáng dấp cô-độc ấy có một sắc-thái bất-bình kín-đáo.

Hoài vẫn đi bên Tuấn. Họ không cầm tay nữa. Thân thể hai người rời xa nhau hơn. Bước chân đi quen-thuộc, tự-nhiên vì họ đã đi với nhau nhiều lần. Ngàn vạn bước đi đã hòa nhịp trên những ngã đường khác nhau. Sát bờ sông, đất dưới chân trở nên thấm màu và yếu-ớt. Tuấn để tầm mắt chạy dọc theo làn nước. Ở khúc rẽ xa xa thấp-thoáng một cánh buồm trắng đục. Tuấn giơ tay chỉ cánh buồm, bảo Hoài :

— Đằng kia có một con thuyền.

Hoài ngừng đầu cao hơn, giọng nàng vẫn êm nhẹ :

— Em thấy nó trước anh. Em ưa màu trắng nên thích những cánh buồm trắng. Đố anh biết nó nói gì? Nó đọc lại cho em nghe hai câu thơ của Valéry : *Ce toit tranquille, où marchent des colombes, — Entre les pins palpite, entre les tombes...*

Tuấn nhìn Hoài cảm thông. Chàng nói :

— Chỉ tiếc là ở gần đây không có một nghĩa địa. Nhưng anh chợt nghĩ ra một điều hơi lạ : chừng bấy, tám năm trước đây, anh đã có lần đứng một mình ở bãi than Quảng Yên trong một buổi chiều quanh quẽ đề ngấm giòng sông Bạch Đằng. Hôm ấy anh cũng đã rung động vì một cánh buồm trắng lẻ loi. Hôm nay đây đứng bên giòng sông này với em, anh thấy lại cánh buồm trắng với niềm cảm xúc xa xưa ấy. Bấy, tám năm qua nhưng hai cánh buồm vẫn chỉ là một. Ngày hôm nay vẫn là ngày hôm ấy. Cuộc sống của muôn loài hình như không có thời gian. Danh từ thời gian phải chăng chỉ là ký hiệu của một ý niệm vô lý và rỗng tuếch...

Hoài cãi lại thật dịu dàng :

— Em không nghĩ giống anh ; em vẫn quan niệm được thời gian. Chắc anh hiểu tại sao em ưa đọc sách của Proust hay của Virginia Woolf. Em muốn theo họ đi ngược lại giòng thời gian hầu tìm lại chuỗi ngày cũ. Cách đây bấy, tám năm em chỉ là một cô gái mới lớn, tóc buông lơỉ xuống vai và vẫn còn hay khóc lóc giận dỗi dễ vùi vĩnh thầy me em. Bây giờ em khác trước nhiều và em có anh bên cạnh. Ngày ấy em đâu có anh. Thời gian khiến em già hơn nhưng nó mang anh tới cho



em để đền bù lại...

Ngừng một lát, Hoài lại nói tiếp nhưng bằng một giọng đùa cợt :  
— Anh tiếc là gần đây không có một ngôi nghĩa địa cho hai câu thơ của Valéry hả ? Có đấy chứ ! Một khoảng tâm hồn em là một nghĩa địa. Nơi này đã chôn vùi biết bao kỷ niệm vui buồn, bao hình ảnh của những năm qua, nhất là thời thơ ấu...

Hoài không nói nữa. Đột nhiên nàng thẹn thùng vì thấy lời nói của mình thiếu tự nhiên đến kiểu cách. Tuấn với tay ôm lấy nàng. Cử chỉ này thay cho lời nói vì Tuấn chỉ lặng lẽ cười. Chàng nhìn vào mặt người yêu và thấy bộ mặt đó hơi ngửa về sau. Gã thanh niên khẽ xoay người, luồn hai tay vào mái tóc cô thiếu nữ rồi hôn vào đôi môi có phủ lớp son mỏng. Thân thể nàng mềm đi và thế đứng mất cả thăng bằng. Cái hôn không dài nhưng đủ ma lực tạo nên một sức giao cảm say sưa. Rút hai bàn tay khỏi mái tóc, Tuấn lại quay nhìn giòng sông, và còn nghe thấy sự ~~đi~~ đi ~~chuyển~~ chuyển trong thân thể. Tuấn nhận ra là chàng đã hôn Hoài nhiều lần. Nhưng tới một ngàn lẻ một cái hôn rồi, mà sao chàng vẫn thấy say sưa. Vẫn con người ấy, vẫn đôi môi ấy, nhưng mỗi lần chàng hôn nàng, Hoài hình như biến thành con người mới.

Rồi phút xao động cũng qua đi, hai người lại lặng lẽ nhìn cảnh vật. Cánh buồm trắng đã tới trước mặt. Bác lái đứng ở đầu thuyền. Bác mặc quần dài đen, mình để trần. Khuôn mặt nâu hướng về hai kẻ thành thị. Bác nghĩ gì về Tuấn và Hoài ? Làm sao mà biết được. Tuấn nhìn con thuyền lênh bênh trôi trên mặt sông. Thuyền đi, nước cũng đi. Thuyền chắc sẽ trở lại nhưng giòng nước hôm nay không biết có trở lại nữa không. Có lẽ chúng cũng sẽ trở về nhưng không nguyên vẹn. Một phần sẽ hòa với biển cả để rồi sẽ tỉnh cờ tái ngộ với bờ sông từng chút một. Chảy đi rồi chảy về, giòng luân lưu của con sông một ngày một khác nhau nhưng cảnh sông tưởng như chỉ đổi thay rất chậm chạp. Sự di chuyển của giòng nước này có thể phức tạp đến thế hay sao ?

Tuấn và Hoài đi tới một gốc cây lạ. Thân cây to lớn mọc gần bờ và ngã choãi về phía bãi. Tuấn rút mù-xoa trải xuống một mô rể để Hoài ngồi bên. Chàng ngồi bên nàng, trên chiếc chiếc khăn tay nàng vừa trải đáp lại. Tuấn dựa mình vào thân cây, vòng tay qua lưng Hoài. Hoài hơi xoay lưng tựa vào sườn Tuấn, đầu ngã xuống vai người tình. Một luồng rạo rức chạy mau trong cơ thể Tuấn. Có lẽ Hoài cũng rạo rức như vậy nên má nàng hồng hào, da thịt nóng hơn và hơi thở mạnh hơn. Tuấn dùng bàn tay vuốt nhẹ vào mái tóc mềm mại và chiếc cằm mịn màng của Hoài. Nàng khẽ cắn vào mấy ngón tay Tuấn...

Tuấn thì thầm gọi :

— Hoài ơi !



Tiếng gọi hết sức nhỏ nhưng Hoài vẫn nghe rõ. Nàng ới một tiếng bằng hơi thở, ngửa mặt nhìn lên mặt Tuấn. Tuấn lại gọi :

— Hoài ới !

Lần này người con gái không ới nữa, nàng thì thầm trả lời bằng một thứ câu hỏi :

— Cái gì ?

— Anh yêu em.

Hoài đáp lại bằng đôi cặp mắt sáng long lanh của nàng.

Tuấn nhắc lại lời vừa thốt :

— Anh yêu em.

Hoài khẽ mở rộng đôi môi, chun mũi lại, rồi ghé răng cắn vào tai Tuấn. Mấy hạt răng trắng bóng khẽ nhả vào chỗ thịt mềm nhất. Nàng thở vào tai tình lang :

— Biết rồi, biết rồi, nhưng anh đừng nói nhiều quá thế làm em sợ...

— Em sợ gì ?

— Sợ rằng một ngày kia anh sẽ ghét em, sẽ bỏ em để đi với người khác.

Tuấn im lặng, khẽ bấu môi và lắc đầu. Hoài gần như nói hộ Tuấn giọng nàng nửa đùa, nửa thật :

— Anh đừng hòng đi với cô khác. Anh sẽ vĩnh-viễn trọn vẹn là của em. Anh yêu người khác em sẽ giết anh.

Khi gần hết câu, Hoài giả bộ cắn chặt răng, cau đôi mày rồi xoè bàn tay khẽ chọc thẳng mấy ngón tay vào ngực Tuấn. Tuấn nhếch mép cười. Hoài ngồi thẳng lên :

— Các cụ chúng ta vẫn thường dùng câu quen hơi bèn tiếng. Từ khi yêu anh, em mới biết rõ cái giá trị của câu ấy. Những lúc xa anh, em thường vẫn thấy uể oải, bồn chồn vì thiếu hơi người và thiếu tiếng nói của anh. Anh là sự sống của em...

— Và em cũng là nguồn sống của anh. Chúng ta cần có nhau. Thiếu em không biết rồi cuộc đời anh ra sao...

Tuấn định nói nữa nhưng lại thôi, vì anh tưởng như đã tìm thấy ngay lời giải đáp cho nỗi thắc mắc này. Anh ngồi nhích ra cho khỏi mối. Một miếng thuốc Cotab được dặt vào môi anh. Cây diêm xoè lửa. Khói trắng bay lên và tan ngay trong gió.

Trước khi gặp Hoài, Tuấn đã yêu nhiều thiếu nữ khác. Anh vốn đa tình. Từ 17 tuổi đã bắt đầu lảo đảo trong trường yêu đương và trường thi cử. Hẹn hò với gái nhiều quá thì đâu còn thì giờ để học hành; mà lười học thì tất nhiên hay hỏng thi. Để đạt mục tiêu về khoa cử, Tuấn đã phải học lâu hơn những bạn hữu khác mấy năm. Lỡ mất mấy năm nhưng lại đạt nhiều kinh nghiệm về cuộc đời, nhất là trong địa hạt ái tình. Thuở thanh xuân của Tuấn thật sôi nổi. Năm đang theo lớp đệ tam, Tuấn bị đuổi khỏi trường công vì anh "bướng bỉnh, hay



trốn học và nhất là đã ngỗ ngáo ném thư tình cho một cô trong lớp. Chẳng những không thèm đáp lại tiếng lòng của gã thiếu niên si tình ấy, giai nhân đã đem bức thư trình với ông hiệu trưởng. Ông hiệu trưởng bèn họp một vài nhân vật có thẩm quyền lại để định lại thái độ đối với tên học trò hư hỏng. Kết cuộc, họ loại trừ Tuấn khỏi trường. Không được học trường công thì học trường tư. Nhưng trường tư cũng không dung cho tên đảng tử này. Lý do vì Tuấn luôn luôn thiếu tiền trả học phí. Mỗi tháng, ông bố làm công chức ở Quảng-Yên gửi về Hà-nội cho con trai đủ tiền ăn học. Ông con chỉ trả tiền ăn chứ ít khi trả tiền học. Thằng bé mới lớn phải chi phí quá nhiều vào việc yêu đương. Gã lao đao vì đàn bà. Yêu nhiều thì tốn kém nhiều. Kể nào đã từng yêu tất phải công nhận điều đó.

Người ta bảo mỗi tình đầu là mỗi tình say đắm nhất. Tuấn không tin thế vì đến mỗi tình thứ mấy, Tuấn mới biết mùi vị nồng nàn của ái tình. Ngày ấy, Tuấn gặp Trâm. Hai đứa yêu nhau. Tuấn hai mươi bốn tuổi còn Trâm mới mười chín. Nàng là học sinh lớp đệ tứ còn chàng theo học lớp dự bị ban văn khoa đại học. Tuấn yêu Trâm một cách điên cuồng. Có một buổi trưa Tuấn hẹn ba giờ chiều mai đi chơi với Trâm. Và suốt hai mươi bảy tiếng đồng hồ, Tuấn quên cả giờ ngủ để chờ giờ hẹn. Gã sinh viên thức trắng đêm, liên miên hút thuốc lá. Chiều hôm sau, khi vào ngồi trong rạp Ciné với Trâm, Tuấn thấy thân thể rã rời vì mệt mỏi. Vào khoảng giữa phim, Tuấn ngả đầu xuống vai Trâm mà ngủ.

Chưa được một năm thì mối tình giữa Tuấn và Trâm tan vỡ. Không phải vì Tuấn bỏ Trâm mà vì Trâm bỏ Tuấn. Cô bé vừa trẻ, vừa đẹp, tính nết đang độ lông bông hay thay đổi. Cái chuyện chán người cũ âu cũng là chuyện thường. Chỉ có Tuấn là buồn. Gã đau khổ ra mặt, tưởng như mối hận lòng này chẳng bao giờ nguôi được. Nhưng chỉ ít lâu sau nỗi đau khổ của Tuấn cũng dịu hẳn đi. Thiếu đôi mắt này lại có đôi mắt khác. Mắt đôi môi này lại tìm được đôi môi nồng đượm hơn. Đến khi gặp Hoài, Tuấn quên Trâm. Bên cạnh Hoài, hình ảnh Trâm cũng như những hình ảnh của Hương, của Yến, của Thanh, của Băng, của Nga... khi xưa chỉ còn là những cái bóng mờ, rất mờ, thấp thoáng khi ẩn khi hiện. Ấy là không kể đến một số hình ảnh đã lặn mất tăm...

Tuấn bỗng nhiên cười thầm: Đạo trước khi ngồi bên Trâm, chàng cũng đã từng bảo Trâm rằng: « Này em, nếu thiếu em đời anh chắc chắn sẽ không còn nghĩa lý gì ». Và Trâm cũng đã từng bảo Tuấn: « Anh ơi, thiếu anh em sẽ chết ». Thì ra, trong lúc âu-yếm nhau, người ta thường nóng đầu nên hay bạo miệng.

Nhưng Tuấn bỗng đắm đắm ngó Hoài. Chàng thấy Hoài khác với tất cả những người đàn bà đã qua đời chàng. Dưới những cặp mắt khách quan, Hoài không đẹp dễ gì lắm. Nàng cao và mảnh khảnh. Trừ



làn da mịn màng với đôi mắt vừa huyền ảo vừa say đắm, bộ mặt Hoài không có gì mỹ miều. Tuấn yêu Hoài vì tâm hồn nàng đa cảm tốt độ. Đó là một thiếu nữ nhiều đam mê và dám yêu với tất cả cõi lòng. Khi yêu nàng không hề do dự, không hề mặc cả. Hoài khôn khéo, tế nhị nhưng liều lĩnh. Nàng không thể dè sẻn về tình cảm nên lòng yêu của người đàn bà này đồ mạnh như thác nước ; ở lòng thác, nước xoáy thành những hố sâu. Để bảo vệ tình yêu, nàng đã làm những chuyện rất ít người đàn bà dám làm. Đôi lúc Tuấn sợ hãi khi mừng tượng về tâm hồn Hoài vì chàng bị ngợp dưới một bầu trời lồng gió, cao và xa đến vô cùng... Hoài với Trâm khác nhau hẳn. Trâm biểu dương cho cái đẹp vô hồn của một pho tượng tuyệt mỹ bằng cẩm thạch. Hoài biểu dương cho cái mệnh mỏng của sự rung động. Những âm ba rung cảm ấy lan rộng bát ngát. Không biết có nên đưa trường hợp Trâm cũng như các thiếu nữ khác đã từng nằm trong tay Tuấn ra làm loại suy cho trường hợp Hoài không? Có thể là không?

Giọng Hoài nũng nịu bên tai Tuấn :

— Anh nghĩ gì thế ?

— Anh nghĩ về em.

— Nghĩ gì về em ?

Tuấn lại bối rối. Hoài có thói quen hay đặt câu hỏi. Nàng nhắc lại :

— Nghĩ gì về em ?

— Anh tự hỏi tại sao anh yêu em và tại sao em yêu anh.

— Như vậy anh nghĩ cả về hai đứa chứ đâu chỉ nghĩ đến riêng em. Thế tại sao anh yêu em ?

Tuấn không trả lời nữa, khẽ tát yêu vào má Hoài, nhắc lại câu đề một cuốn phim Pháp chiếu ở Saigon cách đây ít lâu : Sois belle et tais-tois !...

Buổi chiều bên sông hạ nền trời xuống thấp. Giọng nước loang loáng trôi. Dăm ba cánh buồm lướt nhẹ trong dáng điệu kiên nhẫn, bình thản. Gió thổi mạnh hơn phả vào khí giới cái gầy gầy lạnh lạnh của cảnh sắc cô tịch. Những cánh chim trời vội vã bay, vạch các đường vô hình vào không gian. Thỉnh thoảng có con ném lại vài tiếng kêu tuy yếu ớt nhưng vẫn đượm một vẻ giận dữ, khắc khoải. Lũ chim này đang bay về tổ. Ngày ngày, chúng đi rồi về. Từng lớp cánh mỏng manh run rẩy ở lưng chừng trời. Có con bay xuôi giòng sông, có con bay ngược lại, có con lao qua hai bờ đất. Lối bay chẳng chịt các ngã vì loài có cánh ấy xây tổ khắp bốn phương. Sự sống của chúng hiện hình trong cái đã xẽ dịch loang quanh, chẳng khác gì sự sinh hoạt của giống người.

Từ một phía chân trời, vài đợt mây xám nhô ra, mang hơi nước tới. Khí lạnh sẽ khiến cho mưa rơi xuống. Vừa lúc trưa trời nắng



nhưng bây giờ sắp mưa. Từ nắng đến mưa không có gì ngăn cách cả.

Hoài tháo giầy, đứng lên khỏi gốc cây rồi chạy ra sát mé sông. Ở gần bờ vài cánh hoa ô-môi rập-rờn trên làn nước đục ngầu. Hoài bảo Tuấn :

— Có mấy cánh hoa đẹp bị rớt xuống nước. Em lội xuống vớt chúng lên nhé.

Tuấn vẫn ngồi hút thuốc lá dưới gốc cây. Giọng chàng thoảng nét e-ngại :

— Cần thận đấy kẻo ướt hết. Thường có nhiều chỗ nước sâu ngay gần bờ.

Hoài vén quần khỏi mắt cá chân, khẽ đưa bàn chân xuống nước dò xét rồi từ từ lần ra, đón trước lối di chuyển của những cánh ô-môi. Hai ống quần dần nhích cao hơn ; một ống lên quá đầu gối. Tuấn ngồi im-lìm dưới gốc cây, ép mạnh đôi môi vào điếu thuốc lá. Khói đục cuồn-cuộn tuôn ra từ hai ống mũi.

Nước ngập đến lưng-chùng bắp chân Hoài. Chất lỏng đục ngầu xao động quanh lớp da trắng xanh. Toàn thân run run, Hoài cúi xuống vờn một bàn tay theo một cánh ô-môi nhưng bắt trượt nó. Nàng đứng thẳng người lên, khẽ nheo cặp mắt chờ những cánh hoa sau. Một phía sườn của thân hình nàng hướng về chỗ Tuấn ngồi. Sau lớp áo trắng, ngực nàng nhô ra làm nổi bật một hình vòng cung trên nền cây xanh mờ ảo bên kia bờ sông. Hơi thở Tuấn nhẹ hẫ đi. Điếu thuốc lá cháy quá nửa khẽ run-run trong mấy ngón tay lơ đãng trở ngang. Gã đàn ông bàng hoàng trước một vẻ đẹp khiêu gợi bất ngờ như vậy. Lần lượt, gã đắm đắm nhìn đôi ống chân trần trụi và bộ ngực phập phồng của kẻ đứng trước mặt. Người Hoài chừng đang tỏa ra một làn khói rất mỏng manh, rất mơ-hồ. Hiện-tượng ma quái này khiến Tuấn rùng mình và thú-tính đột nhiên thức tỉnh rên la trong người gã. Thoảng trông mấy giây đồng-hồ, gã muốn chạy xuống sông bế cô con gái kia lên bờ và lột bỏ lớp áo quần vương vãi bọc ngoài thân thể nàng...

Nhưng Tuấn trấn tĩnh ngay được. Chàng thở thật mạnh, quay mặt đi, móc điếu thuốc lá khác. Không hiểu vì gió thổi hay vì những ngón tay run mà lửa diêm xoè tới hai lần điếu thuốc vẫn chưa cháy.

Thần kinh Tuấn dần trở lại tình trạng bình thường, Tuấn cười khẽ, thông thả vuốt một ngón tay vào sống mũi mình. Chàng đã từng nhiều lần nằm bên đàn bà để nghe cái đẻ mê từ da thịt họ chuyển sang da thịt mình. Những trường hợp đó xảy ra rất tự nhiên, tự nhiên đến gần như không có gì đáng chỉ trích. Khoảng mười hai, mười ba tuổi, Tuấn được chứng kiến cảnh ái ân của một cặp tây đầm bên gác hàng xóm. Ông Tây sống cô độc một mình nhưng thỉnh thoảng lại có bà đầm đến thăm. Lúc bấy giờ đêm đã khuya khoắt, nhà Tuấn có một sân



thượng cao và cặp đảo kép ngoại quốc không hiểu sao hôm đó khinh xuất cứ đề đèn điện sáng choang mà không thêm đóng cửa sổ. Từ vụ ấy, thằng Tuấn luôn luôn thắc mắc về những hình ảnh, những cử động kỳ cục, quái dị kia. Nó đang độ ngây thơ, hiền lành nên vẫn mơ hồ nghĩ rằng đó là tội lỗi, là những chuyện dơ dáy, xấu xa. Mặc cảm này ám ảnh nó suốt ba bốn năm trời. Mỗi tình đầu tiên của nó sạch sẽ, thanh cao lắm. Hai đứa chỉ nhớ nhau, gặp nhau, nhìn nhau và trò chuyện xuông, thế thôi. Tuấn không hề dám động vào người con bé sợ nó giận hay khinh Tuấn. Mãi về sau này, khi hai đứa sắp phải xa nhau vì hoàn cảnh gia đình, Tuấn mới dám cầm lấy tay, đỡ lấy lưng hoặc đôi ba lần hôn nhẹ vào má nhân tình.

Hôm đầu tiên theo ông anh rẽ đi Khâm-Thiên, khi được năm chung chẵn với một đảo hát, Tuấn run quá, người nóng bừng như lên cơn sốt. Ắt giảng hồ phải phì cười vì những cử chỉ lúng túng ngượng ngập của ông quan viên nhãi con. Nhưng từ sau đêm hành lạc tập sự này, mặc cảm tội lỗi của Tuấn bị nứt rạn rồi dần tan rã. Ngày nay, khi có dịp thuận tiện, Tuấn đương nhiên làm lại những tác động mà ông tây hàng xóm đã làm. Đây chỉ là nhu cầu tự nhiên. Tự cổ chí kim, tự đông sang tây, hầu hết loài người đều cần thỏa mãn nhu cầu đó. Từ đời ông Adam cho đến đời Tuấn, giống đực và giống cái vẫn tồn tại trên cõi đời này và vẫn bám chặt lấy nhau như kim loại bám vào đá nam-châm.

Nhưng dầu sao đi nữa, Tuấn thường phải dẫn thủ-tính của chàng lại vì chàng muốn chiều theo ý Hoài. Hoài không muốn có những cử chỉ đột ngột, số-sang vì nhân-sinh-quan của nàng dầu sao cũng không thể giống với nhân-sinh-quan của Tuấn. Người con gái ấy vẫn còn bị ràng buộc bởi một thứ luân-lý công-thức. Những khi đi với Tuấn mà gặp một người quen, Hoài vẫn bẽn lẽn ngượng-ngập thế nào. Dĩ nhiên có những trường hợp, Hoài thẹn thò cả với Tuấn. Vả chăng, Hoài muốn dành một cái gì đặc-biệt cho đêm tân hôn. Yêu Hoài, Tuấn muốn gò quan-niệm sống của mình cho ăn khớp với quan-niệm sống của Hoài. Đó là một sự hy-sinh êm ái, đẹp để biết bao.

Thật tình Tuấn định sống mãi bên Hoài vì chàng bắt đầu chán-nản trước cuộc sống lỏng-bông với những mối tình tạm bợ. Qua bao nhiêu đợt sóng trùng dương, khi tới một bến nước đầy cảnh sắc lạ lùng, gã thủy-thủ đột-nhiên muốn ở lại đất liền mãi mãi. Ở đây vẫn được hưởng gió mặn nồng, vẫn nhìn thấy biển khơi, nhưng lối sống hản có sự thay đổi. Tuấn vui lòng với sự thay đổi đó. Chắc hẳn cuộc đời sẽ bình yên hơn, sẽ đỡ mệt mỏi hơn. Tuấn đã thấy cần được nghỉ ngơi.

Rồi một ngày kia, gã thủy thủ có lại đi theo tiếng gọi của sóng nước hay không. Điều đó không thể biết trước được. Nó tùy thuộc vào



sức quyến rũ và mãnh lực ràng buộc của đất liền. Tuy nhiên hiện nay, gã mơ hồ nghĩ rằng sẽ chẳng bao giờ gã có thể rời bỏ cái bến nước tuyệt diệu này được.

Hoài đã vớt được mười cánh hoa. Nàng chạy lại ngồi bên Tuấn như cũ, thông thả xếp hoa vào ví tay. Tuy biết trước câu trả lời, Tuấn vẫn hỏi :

— Em lấy những cánh hoa ấy làm gì ?

— Em sẽ ép chúng vào sách rồi thỉnh thoảng rút chúng ra xem để nhớ đến cuộc đi chơi hôm nay.

Trời bắt đầu tối khi những đám mây đen kéo đến gần đỉnh trời. Gió chiều lạnh hơn và cảnh vật bên kia mờ hẳn đi. Giòng sông vẫn cuộn cuộn trôi. Mặt nước xám lại, mất hẳn vẻ bóng bẩy. Xa xa mấy cánh bướm mờ ảo lặn dần trong màu chiều. Và màu chiều được tạo ra do sự hôn phối giữa bóng tối và ánh sáng.

Rời bờ ven sông, Tuấn và Hoài dắt tay nhau bước qua bãi cỏ hoang. Cách đây mấy giờ họ đã từ thành phố đi ra bờ sông ; lúc này họ lại từ bờ sông trở về thành phố. Tuấn đọc khẽ bên tai Hoài một câu thơ chàng vốn ưa thích : *Cỏ mòn thơm mãi dấu chân em...*

Gần đến chỗ để xe Vespa, Hoài chợt đứng dừng lại nũng nịu :

— Chỗ này đất gồ ghề khó đi qua, anh bế em đến xe.

Tuấn bế Hoài lên. Hoài vòng tay qua cổ chàng. Hai đôi môi tìm nhau trong khi Tuấn vẫn chập chững bước. Đột nhiên, Tuấn cần nhẹ vào vai Hoài. Bị nhột, cả thân thể người con gái giãy giụa trong hai cánh tay người yêu... Đến bên xe Hoài đòi xuống và Tuấn nhẹ nhàng đặt nàng ngồi lên yên sau. Chàng thông thả đeo đôi găng lái xe vào tay trong khi nàng chải lại mái tóc. Chiếc Vespa rồ máy, chạy trên một quãng đường đất nhỏ rồi lên đường cái. Hoài ôm chặt lấy Tuấn, ép má vào lưng chàng. Xe lao vút giữa hai cánh đồng lúa thẫm đen. Ánh đèn pha xuyên cắt vào đêm tối rồi liếm nhanh xuống mặt nhựa.

lê huy oanh



# MAI THẢO

## sau tám tháng im lặng

**N**Ỗ I đau đớn ghê ghớm nhất đến với Phiến từ khi cái *khoảng trống* đó dần ra và tâm hồn chàng không còn đo lường được một chiều sâu nào một sức động nào. Nó ngủ. Nó chết. Nó cứng lạnh như một tảng kim khí. Nó đặc lại như một khối băng. Tâm hồn chàng, cái bức tường kín đặc ấy, không còn ánh lên một khe hở cho được biết ở bên kia lọt vào, dù chỉ là một lượng nhỏ bé li ti như một sự ngờ vực, một ảo tưởng, một sợi tóc, cái khối sống mà ý thức Phiến không bao giờ ngừng khẳng định là một sự kiện rục rờ, diễn tả ý tưởng một cách khác, chỉ tại lòng chàng nghĩa địa chử cuộc sống thì bản thể nó là mặt trời mãi mãi và vĩnh viễn bông hoa. Cái khoảng trống đó dần ra, cũng chẳng hề xuất lên từ một trạng thái siêu hình nào, chẳng hề là một biểu hiện phức tạp rối rắm đến từ chỗ không thể phân tích, không thể minh chứng của tiềm thức, con người Phiến mặc dầu những vùng cựa, những đêm không ngủ, những thao thức chìm đắm trong suy tưởng, vẫn là một thứ tâm hồn giản đơn khởi ngay từ chỗ giản đơn khẳng định cuộc đời là một trạng thái thường xuyên rục rờ. Nhưng cái hội vui ấy, Phiến có cảm giác túi hồ như không dự phần được nữa. Chàng đứng lại. Chàng thờ ơ. Chàng ở ngoài. Chàng ở đâu đó. Chàng, cái con người mà lẽ phải là sự tham dự, sự gia nhập vô điều kiện, chàng đứng chênh vênh một đường viền và cái cảm tưởng cô độc trên đường viền này cũng đã cắt nghĩa rằng Phiến đã đặt ranh giới rồi đó, giữa cuộc sống toàn thể với bản thân. Nhập hai cái — chàng và cuộc sống làm một — thành một hòa đồng, như cái tâm trạng yên ổn xưa kia, làm gì có con đường viền đen thẫm nào nữa, nó vô lý, nó nguy kịch, vì Phiến vạch nó trên cái vô giới hạn và đóng khung cái vô giới hạn bằng một nét hữu hình hữu hạn. Nhưng Phiến không tự lừa dối được. Đúng có một cái gì đã



buông ra, đã rời bỏ, đã rụng xuống lá tả. Hạt muối không tan được vào lòng biển. Giọt nước không thấm được vào thớ đất. Mạch máu không đập theo nhịp đập vĩ đại, nó đập một mình. Nhịp trái tim đi cũng là cái nhịp đồng đưa cơ khí của chiếc quả lắc đồng hồ, nó chỉ chỉ định được giờ, phút, giây nó không chỉ định được mưa, nắng, sương, mù, mây, nó không đo lường được lửa, hơi, hương, sắc đời sống. Trong cái tâm trạng cứng lạnh của cảm xúc đó, ý thức ngời sáng như một thứ lương tâm trong suốt, kêu cứu, gào thét, báo nguy, lay gọi Phiến, nhưng mà ý thức là ngọn lửa nhỏ giữa khoảng đen sâu vô cùng. Nhiều đêm Phiến bàng hoàng thức giậy. Mồ hôi chàng vã ra như tắm. Chàng cô đơn như kẻ cuối cùng sống sót trên trái đất. Chàng mở lớn đôi mắt tuyệt vọng đến tội nghiệp, chàng nhìn chàng trong cái thế giới không động nó làm thức tỉnh cùng một lúc tất cả nỗi xao động bên trong và chàng tự nói : « Ta không nhận được gì ở cuộc sống nữa ». Và chàng đo lường để mà hoảng kinh lên rằng cái lượng sống mỗi ngày một cạn mãi đi. Tâm hồn chàng, chàng đã nhìn thấy cái đáy cạn khô, và chàng lo sợ. Phiến tự hỏi : tại sao ? bởi đâu ? và thần trí chàng sau những câu hỏi đó thật hoang mang cùng cực. Cuộc sống — phải nói là tất cả, một cách trừu tượng — vì thế nào là cuộc sống chàng cũng không rõ nữa, chàng ở mù sương — chỉ đến với chàng bằng những hình thể tĩnh vật, đứng im hay chuyển động, ở xa hay ở gần, giữa chúng và chàng vẫn không thấy cháy lên ánh lửa cọ sát của một sự bắt gặp nào. Khoảng cách biệt mở rộng. Rồi mọi sự vật mất chiều sâu cứ như thu nhỏ mãi lại, lùi đi xa hơn. Rồi mọi sự vật biến thành những tảng đá cứng mà những ngón tay tuyệt vọng bám víu, cào cấu đến tóe máu cũng không rạch được một đường nào, một khe hở để biết cái gì chứa đựng ở dưới ở trong. Sự vận dụng trí não điên cuồng nhiều khi có như làm một hành động cầm búa lớn đánh những cái thật mạnh cho long lở những đường gân, cho xáo trộn những phiến óc, đánh một lượt cả vào cái hệ thống thần kinh tê liệt. Nhưng chính ở trung tâm nhà phân phát điện lực ấy chỉ còn là một cái lò nguội lạnh và thành phố tâm hồn của chàng, một lượt, điện đường, điện nhà, cùng tắt ngấm và chàng rơi chìm vào khoảng tối đen vĩ đại. Phiến nhìn thấy nhiều sự chặn đứng. Những sự chặn đứng vô hình mà rõ rệt đến thành hình ảnh có thực, tưởng như động mình, quờ tay cũng sờ mó thấy chúng. Thoạt đầu là hình ảnh một cái lưới. Nó úp xuống đầu xuống cổ, thắt chặt lấy cuống họng. Những mắt lưới thì như tết bằng gai bằng lửa chúng cào xiết da thịt làm chảy máu làm nhói buốt. Và Phiến đau một niềm đau vật chất. Cái lưới trùm lên như đôi cánh lớn của một loài chim dữ làm Phiến tối tăm mắt mũi, xây sầm mặt mày. Phản động lại, chàng cố vùng ra, nhưng từng mắt từng mắt búa vảy, mỗi mắt có đeo thêm một mũi kim đâm suốt qua, một hòn chì níu chặt lấy, và cái



lưới ngày lại ngày trùng trùng điệp điệp. Ý thức Phiến gào thét lên là chàng không ngoi lên thì chàng sẽ chết đuối. Mà Phiến đang chết đuối thật. Chân, đầu gối, bụng, lồng ngực. Tới cổ rồi. Cái lưới. Nó chôn sống và chàng chết đứng đó. Càng vùng vẫy càng thấy lún ngập mãi xuống, không vùng vẫy để mặc thì một thứ bụi phấn đã từ đầu lả tả phủ xuống dần dần những lớp êm nhẹ nhưng lại chết người, rồi thì là cảm giác của một thứ đồ vật bị bỏ quên ở đáy một nhà chứa hàng, ở góc một bảo tàng viện, cái cảm giác bụi bặm và thời gian phủ kín chỉ có một mối đùn lên từng đồng và lơ lửng giăng xuống tầng tầng. Cái lưới úp chụp như một bầu trời nhật thực, tạo một ý niệm nghìn lần đau đớn hơn những ngày đẹp trời, có nắng gió, trời xanh cao, mây trắng và thiên nhiên mềm mòng bao la, Phiến so sánh nội tâm và ngoại cảnh ở một chênh lệch tương phản cùng độ. Chưa hết. Còn là hình ảnh của cái lưng. Sự ngoảnh mặt. Sự án ngữ. Như một trái núi dựng lên ngút mắt chàng không ngó thấy không gian và mất luôn cái ý niệm chân trời. Cái lưng thì rộng phẳng như một tấm phản, một bãi cát sông đêm xóa nhòa hết mọi dấu vết, một tờ bia bọc kín che khuất hết mọi hàng chữ rục rờ của cái trang đời không ngó thấy nữa.

Chàng tự bảo : nhìn kỹ lại xem, và chàng nhìn thành phố. Dưới mọi khía cạnh. Ở mọi hình thái sinh hoạt. Qua từng nét kiến trúc. Qua từng thay đổi từng biến chuyển hàng ngày. Phiến nhìn thành phố thật kỳ khu tỉ mỉ, như lọc chiếu và phóng lớn qua một ống kính hiển vi. Và chàng thất bại. Chàng chẳng thấy gì. Lọc qua những tờ lá xanh nõn, lọc qua những lớp sương, những màn mưa những đợt nắng, lọc qua những tấm kính cửa hàng cửa tiệm trong veo, những cửa sắt đan hình mắt cáo, vẫn vậy. Ngó từ một đỉnh nhà chọc trời ngó xuống qua cái chong mát của thượng tầng, ngó từ dưới ngó lên từ một gầm cầu một chân tường, một phố truông, xoay nghiêng, xoay dọc, lấy thẳng, lấy chéo thế nào, vẫn vậy. Nhìn từ đầu một vệt ánh sáng tỏa ra, nhìn từ cuối một tầng bóng tối đọng lại, vẫn vậy. Hàng nghìn khung cửa, thân cây, cột điện, ống khói, đỉnh thu lôi, mái nhà, ngọn cây nhà máy chỉ tạo vừa thành một cảm giác kỷ hà học với những góc nhọn những đường vòng, ô vuông, ô tròn, những hình chữ nhật hình thang, những đường chữ chi. Tất cả vẫn vậy. Phiến như một người quay phim cố thu vào ống kính một sự sống, lúc rửa bằng nhựa, sự sống không có chỉ có một bối cảnh vô linh hồn hiện lên. Rồi theo một chiều hướng duy nhất, tất cả như thu nhỏ mãi lại. Phiến sống một cảm giác bề non bộ, sự vật bị tước đoạt mọi kích thước đáng thực của chúng, vụn vặt bé nhỏ một cách thảm thương. Phiến cũng hóa thân. Chàng biến thành một con kiến. Thành phố chàng ở là cái miệng chén. Chàng ngược lên vom trời bit bùng nghẹt thở, chàng nhìn lên những đỉnh



cây không còn cao vút, những vì sao hết lấp lánh cũng tầm thường như những ngọn điện đường, và nhìn những con đường chàng nghĩ thầm : Những con kiến buồn rầu bỏ những vòng chân buồn rầu trong lòng miệng chén. Chàng nghĩ tới chàng tới mọi người, tưởng như tất cả đã biến hình. Những con cá chết. Dềnh lên, dưới ánh sáng. Từ một vực đêm từ một vực ngày, những con cá chết dềnh lên. Ngọn triều ngày đêm đánh dạt vào bãi những con cá chết. Chúng nằm đó. Cái vây, cái vây bất động. Những con mắt gỗ. Một sự chương phình úa héo của những thực phẩm buổi chợ chiều ngoại ô dàn trên cái quầy hàng của sự sống đã vãn xế. Không có ai mua, những con cá chết tự mua và tự mang đi. Khoảng cách biệt khơi rộng. Những bộ mặt cuộc sống thì đơn lẻ sa đọa, cô độc đứng đó như những hòn đảo cúi đầu. Phiến lại tự đặt một nghi vấn : Mắt chàng nhìn không tinh tai chàng nghe không thấu suốt, cả một hệ thống cảm xúc đã hết bén nhạy? Và phản ứng lại, chàng dương căng hết mọi cánh cửa cảm xúc để hứng đỡ nội giới vào mình. Chàng ngó đăm đăm như muốn lột trần sự vật. Chàng mở lớn mắt, chàng đóng tai, hếch mũi, chàng nghe ngóng từng sờ mó, từng đụng chạm nhỏ. Chàng chờ rình từng hình ảnh, chụp bắt từng âm thanh. Và nghe ngóng tất cả sự thành tựu của những cái đó trong mình. Nhưng không thấy gì, tinh không thấy gì. Cuộc sống chàng nhai thật kỹ từng miếng nhưng miếng nào cũng nhạt thếch. Miếng cơm trong miệng người ốm không mùi vị nhai mãi rồi cũng nhả thành bã mà thôi. Thái độ không gia nhập được vào giòng sống biến thành thái độ do thám nó. Chàng ghi chép từng cử chỉ, từng biến động nhỏ nhoi vô nghĩa, nhập tâm bất cứ sự kiện gì thoáng qua. Kết quả của mỗi lần tổng kết : con số không lớn. Cái lắng đầu óc tưởng chừng đầy nguyên liệu nó chỉ có những xác chết nằm đầy trong nó là cái nghĩa địa. Phiến tìm đến những chỗ đông người những nơi chàng tưởng cuộc sống sôi hăng nóng bỏng, lặn vào đó. Chàng kiếm tìm những vị trí dễ quan sát linh hội nhất, đứng sẵn đó. Nhưng mà những điều chàng nhận vào rồi thì lại chảy qua, người chàng như một phiến thủy tinh không giữ được những đường ánh sáng ở lại. Bấy nhiêu vận dụng cảm xúc giác quan, cái tai cái mắt, làm Phiến mệt phờ người nhưng chưa chịu nản chí. Chàng bướng bỉnh nói : Ta muốn đi vào cuộc sống và phải bắt gặp nó bằng được. Ở đâu, chỗ nào chưa biết, nhưng phải bắt gặp nó bằng được. Và chàng lao đầu vào. Chàng lao đầu vào khoảng không. Chiều chiều chàng đến những quán rượu có nhiều không khí nhất của thành phố đêm. Đêm chàng đến những địa điểm chói lòa ánh sáng, tụ họp đông đảo nhiều khuôn mặt và đắm mình vào đó, trả thật đắt tiền bạc và thời gian sự cháy bùng những cảm xúc cần thiết. Nhưng cảm xúc làm sao mua được. Khoảng cách biệt. Kẻ vô tay chỉ nghe nổi buồn mình thành tiếng động. Vòng



hoa nhài nó đeo trên cổ khảm liệm nó. Những khuôn mặt linh động uyển chuyển của người ca sĩ hát trên kia, chính chàng tạc nó thành tượng. Tiếng đàn xuất từ nhạc khí lúc đến với tai chàng chỉ là những tiếng động khô cứng. Không khí vui đông ồn ào xung quanh, người, bàn ghế, những vòng hoa, âm nhạc, những hàng điện xanh đỏ nhảy múa, chỉ như một thứ đèn kéo quân mà ý thức chàng là cái trục đầy muốn cho dừng đứng lại lúc nào cũng được. Đâu đâu cũng thấy cái lý do chính của nỗi buồn lớn: khoảng cách biệt giữa chàng với chung quang và lòng chàng thì như đã có sẵn cái cuộc mang theo đến đâu khoảng cách lại đào ngay ở đó. Phiến trở thành một kẻ lạ mặt với tất cả. Tất cả lạ mặt với chàng.

Và Phiến cúi đầu xuống và buồn rầu bỏ đi. Chàng sống trong tòa nhà tâm hồn trống vắng, tâm hồn chàng đứng dừng. Nhớ một lần, chàng gặp một người gái điếm ở một gốc cây tối vào một trong những đêm lui thủi cô đơn lúc chàng đi bộ một mình về khách sạn. Người con gái rủ chàng đi và Phiến gật đầu đi theo. Chàng bước vào một căn buồng tối có mùi ẩm mốc của xó góc bốc lên và những tiếng muỗi rậm rạp. Chàng nhìn thấy trên cái giường độc nhất của căn buồng tiều tụy, một đứa nhỏ và một bà cụ già. Bà cụ thấy chàng vào đứng giậy lần ra phía sau nhà. Đứa nhỏ thức giấc quờ quạng và ngã sấp xuống đất. Nó thét lên khủng khiếp. Chàng chưa kịp hiểu tại sao nó ngã dễ dàng như vậy thì người gái điếm nói như cắt nghĩa: « con em, nó mù. » Chàng nói « thế ư » nhưng không chạy lại đỡ đứa nhỏ giậy. Lát sau chàng ở ngoài đường, tâm hồn vẫn đứng dừng như cũ không hề ánh lên một chua xót nhân đạo về cảnh ngộ người gái điếm với đứa con mù. Chàng quên ngay được chuyện đó. Một lát sau chàng đã thản nhiên ngồi uống rượu một mình ở một tiệm đông đặc những lính thủy ngoại quốc. Nhưng đêm đó, về đến khách sạn, nhìn mình trong gương tự nhiên Phiến ứa nước mắt. Chàng đưa những ngón tay lên khuôn mặt bừng bừng hơi rượu, và chàng ngó mình kỳ lạ. Khoảng cách mở xuống chiều sâu thăm thẳm đêm đó có tiếng động mất hút như một thầy người ngã xuống, ngã xuống. Chàng nằm vật xuống giường và thiếp đi. Sáng hôm sau thức dậy mặt chàng đầy máu. Cả một bên trán đâm xuống thành giường lúc chàng bất tỉnh ngã xuống. Trong giấc ngủ chập chờn hỗn loạn những hình bóng què quặt kinh dị, Phiến mơ thấy người chà-và-gác cửa khách sạn. Chàng mơ thấy chàng lạnh lùng đi vào, hất ngã ngồi, cái gậy nhô lên sần sùi như cái gậy của con bò rừng. Rồi khách sạn biến thành đấu trường. Tiếng reo hò man rợ, máu máu đỏ khé. Bề người hò hét điên cuồng gọi tên chàng và chàng đâm một nhát bằng bàn tay suốt qua gáy người chà-và, lúc rút tay ra, máu không có, nhưng vết đâm suốt gáy như một khoảng trống còn đó. Chàng đi lên và những bậc thang thì chửi thề đuổi theo. Sau đó chàng mơ thấy



mẹ. Khuôn mặt hiền hậu của người, căn gác thừa nhỏ trống lạnh như căn buồng đầu cánh một tòa lâu đài cổ, và chàng như một thứ cây hoang với tuổi ấu thơ cô độc và biển chỉ là một ngôi mộ lớn than khóc không nguôi từ ngày chàng sơ sinh. Lúc tỉnh dậy, nghĩ lại giấc mơ chàng mới biết đó là sự thực. Nhà chàng gần biển. Chàng lớn lên trong lời ru huyền bí của sóng. Chàng ngủ một mình trên căn gác thờ từ thừa nhỏ. Chàng vẫn thường thức giấc vào nửa đêm nghe tiếng sóng xa xa đổ về và khóc. Mẹ chàng những lúc thấy tiếng khóc tấp tức rồi nức nở dần lại cầm ngọn đèn hoa kỳ từ buồng bên chạy sang. Người ngồi xuống, đặt tay lên trán chàng và hỏi : sao thế con. Cho đến lúc chàng ngủ thiếp đi dưới bàn tay mẹ và trong mơ hồ chàng còn nhìn thấy ở đôi mắt dịu hiền cúi xuống một thoáng ngạc nhiên buồn rầu.

Khoảng cách biệt giữa chàng và đời sống, phân tích tìm kiếm, phản ứng bằng đủ mọi cách để lấp đầy nó, bao nhiêu cố gắng bắ những cái cầu không thành, buộc những sợi giây vô ích thường làm Phiến trở lại với âm ảnh của vũng biển tuổi nhỏ và tự hỏi giữa khoảng cách hiện tại với vũng biển quá khứ kia có một liên quan nào không. Phiến không biết nữa. Chàng chỉ là một kẻ ham sống, chàng chỉ muốn ôm muốn nhận cuộc sống vào mình mà không được và chẳng biết vì sao. Khối đời rục rở trước mắt, sau lưng, chàng có cảm tưởng như bao nhiêu lần nhảy vào, ngón chân ngón tay bám víu cào cào đến chảy máu, cái khối sống rục rở ấy vẫn tuột đi. Thành phố thì có hàng triệu kẻ lạ mặt và chàng thì là sự lạ mặt của hàng triệu của cái lạ mặt kia. Quán cà phê buổi sáng, tiệm cơm buổi trưa, một mình lang thang dưới những bóng cây, trong công viên, ngoài bến tàu, có bạn hữu bên cạnh, trở về khách sạn, xuống đường, *trong người một niềm ham sống mãnh liệt*, Phiến vẫn vấp phải cái khoảng trống ấy. Con kiến buồn rầu bò những vòng chân buồn rầu. Cái phao người đập dinh. Cái lưới úp xuống. Cái miệng chén. Cái lưng. Con cá chết, vực đêm vực ngày cùng đánh dạt về. Đường viên chành vênh. Sự ở ngoài. Những cánh cửa đóng vào một hội vui. Mùa xuân mùa hạ mùa thu mùa đông. *Đề rồi lặn trong mùa xuân*. Tâm hồn Phiến vẫn giản đơn. Ý thức chàng sáng suốt nhận thấy điều đó. Vậy thì khoảng cách ấy ở đâu và Phiến không bao giờ ngừng tự hỏi.

Tôi về rừng đã được tám ngày. Tuần lễ trước xuống thành phố giải quyết một vài công việc còn ừ đọng vì chuyến bỏ đi đột ngột, mua một ít sách cho tôi, mấy thứ đồ dùng cần thiết cho Nhãn, sau đó ghé lại thăm Phiến và cho anh một nhánh lan rừng, một cái khung gấm



mười con bướm, lúc trở về Nhấn đang mê tỉnh giữa trận sốt rét của mùa mưa. Tôi đưa Nhấn lên đây đã ba năm. Trước kia Nhấn cũng là một trong số những người con gái đứng dưới những gốc cây tối của thành phố mà Phiến đã gặp và thuật lại cho tôi nghe, có khác là khác ở chỗ Nhấn không có đứa con mù. Nhưng bây giờ Nhấn đã là vợ tôi và tôi muốn làm cái gốc cây che chở Nhấn cho đến suốt đời Nhấn. Tôi lo ngại, cơn sốt khá kịch liệt và cơ thể Nhấn bị hành hạ bao năm bởi cái nghề khổ nạn thì mỏng mảnh yếu đuối. Nhưng Nhấn đã đỡ từ buổi sáng hôm qua. Nửa đêm cơn sốt bớt dần, Nhấn tỉnh lại, tôi pha cho nàng một cốc sữa lớn. Sau đó Nhấn ngủ được một giấc dài đầu gối lên tay tôi. Hôm nay Nhấn đã ngồi dậy được. Nhấn hỏi chuyện mấy hôm tôi ở Saigon, tôi kể cho Nhấn nghe những việc chính trong đó có sự gặp lại Phiến. Nhấn hỏi: Anh Phiến vẫn đi với anh hỏi anh đến tìm em ấy ư? Tôi gật đầu. — Bây giờ anh ấy ra sao? Tôi bảo Nhấn: Anh ấy cũng đang đau như em ấy, làm Nhấn tròn mắt: Chết, ở thành phố cũng có sốt rét rùng rợn sao? Tôi mỉm cười: Anh Phiến đau bệnh khác em không biết được, em ngủ đi, hôm nay em không đi rừng với anh được. Tôi xuống nhà dưới gọi thằng nhỏ người Thượng lên, đề phòng Nhấn có cần thiết điều gì đoạn tôi lấy thang lấy lưới vào rừng. Sau mấy ngày mưa dông đã, nắng mới đổ chan hòa từ cửa rừng vào, những khóm lá còn như nặng trĩu từng khối nước tụ đọng. Bước qua những vũng nước óng ánh mặt trời, tôi tìm vào khoảng rừng đã định trở lại từ lần trước. Hai bên lối đi, những thân cây đứng thẳng, khoảng rừng thưa hiện ra, tôi nhớ được từng gốc, gốc nào có lan trên đỉnh, gốc nào có lan ở đầu cành, loại lan nào, gốc nào khó lấy, gốc nào dễ lấy.

Nhưng rồi tôi quyết định hoãn việc hái lan đến ngày khác và đi thẳng vào ngọn suối ở cuối đáy khu rừng thưa. Mấy tiệm buôn lớn giữa thành phố đặt tôi làm cần những khung bướm để gửi đi ngoại quốc, cái khung cuối cùng đã cho Phiến, tôi định dành cả ngày hôm nay và ngày mai cho việc bắt bướm trước đã. Hôm nay nắng, hai bên bờ suối hoa nở rộ, bướm ở các khu rừng chung quanh chắc phải kéo nhau về hút mật hoa ở con suối này nhiều. Con suối, tôi khám phá thấy nó từ tháng trước, lần có Nhấn cùng đi, bây giờ trở lại nó vẫn nằm yên đó. Lòng nước trong vắt với những hòn sỏi trắng tinh trên lòng đá màu rêu thẫm, róc rách một nhịp chảy hiền từ giữa cánh rừng nắng yên lặng. Bờ bên kia, bờ bên này, hoa đủ loại đua nhau nở giữa những bụi cỏ non. Nhưng tôi đến hơi sớm. Nắng mới lên và những đàn bướm còn đang dập dình đầu đó trên đường đến suối. Tôi đặt cái thang vào một thân cây, treo cái lưới có cán dài lên một đầu ngọn và tôi ngồi xuống thăm cổ. Tôi đợi. Mấy năm ở rừng gây cho tôi cái tính kiên nhẫn cần thiết cho việc treo cây hái từng nhánh lan mọc hiếm ở một đầu cành chơi với, chờ rình một con bướm quý có màu



sắc và hình thù lạ bay hàng giờ trên một khoảng cây cho tới lúc nó mỗi cánh hạ xuống vừa tầm lưới chụp. Nhìn bóng mình đổ xuống thăm cỏ với bóng chiếc mũ to vành đôi trên đầu có thể chống đỡ được một trận mưa rừng thật lớn tôi nghĩ trở lại thành phố dưới kia, buổi chiều mưa phùn tôi đầu trần đi với Phiến đến một tiệm nước.

Quán nước sắp đến giờ đóng cửa. Những người bồi bàn kín đáo rút lui cả vào quầy rượu trả lại yên lặng cho chúng tôi. Phiến ngồi ngả người trên ghế, đôi mắt mệt mỏi buồn rầu nhìn lên những khung cửa sổ vừa lên đèn của một khách sạn nhiều tầng bên kia đường và Phiến đã nói cho tôi nghe về khoảng cách biệt, cái hố sâu thăm ngăn chia anh với khối đời rục rở, khoảng cách biệt mà Phiến vùng vẫy dẫy rụa, đã tìm đủ mọi cách rồi mà không tài nào lấp được. Phiến nói ít, tôi đoán nhiều. Phiến không nói tôi cũng đoán được. Nhưng tôi chỉ yên lặng ngồi nghe anh lúc đó, và sau đó, trong suốt thời gian anh rủ tôi cùng đi với anh vào cái mà Phiến gọi là cuộc viếng thăm toàn thể và thường lệ các quán nước các phòng trà các tiệm nhẩy thành phố. Một thứ tournée de grand duc. Việc đó Phiến làm với hai mục đích. Một, tạo một buổi tối xứng đáng cho người bạn ở rừng xa chưa từng gặp lại cái không khí thành phố ban đêm. Hai, trái ngược hẳn mục đích trước, Phiến muốn chứng minh cho tôi thấy rõ cái không khí nghìn ngày diễn lại của những chốn vui chơi này. Phiến muốn cho tôi xem những con cá chết của anh, những cái phao người, những con kiến buồn rầu bỏ những vòng chân buồn rầu, cặp mắt anh ngó thấy lúc mệt mỏi lúc thờ ơ bên kia khoảng cách biệt của anh cùng với cố gắng bướng bỉnh tuyệt vọng của Phiến muốn san bằng khoảng cách biệt ấy để bắt gặp lại đời sống mà không được. Tôi đi theo Phiến. Ở đâu tôi cũng mỉm cười bảo Phiến : « vui đấy chứ » (mà vui thật) khiến Phiến lại hiểu theo một nghĩa thích thú của kẻ mới ở rừng về và mỗi lần tôi tỏ vẻ thích thú, anh ngó tôi bằng cặp mắt trong đó ánh lên niềm thèm muốn lẫn một tha thứ không nói ra.

Tôi không chỉ định hẳn bằng danh từ nhưng tôi đã thấy rõ : Phiến đang trải qua một cuộc khủng hoảng tinh thần. Trong thời gian khủng hoảng này tâm hồn anh không tìm được sự ổn thỏa nữa với chung quanh và với chính bản thân anh. Không ai tự hào khám phá được những sự thật phức biệt, những vò xé đớn đau, những bí ẩn kẻ khác, không ai thấu hiểu toàn vẹn đời sống kẻ khác — kẻ cả những người làm tiêu sử, nhưng tôi hiểu Phiến. Thời kỳ khủng hoảng tinh thần Phiến đang trải qua như một trận bão khốc liệt nó quật đập, nó xoay vật anh trong những cái xoáy cái hút, nó ném anh như một quả bóng từ trạng thái bệnh này đến trạng thái bệnh khác, nó tạo cho Phiến những cảm giác cái lưới trùng điệp và bức tường kín đặc mà bao nhiêu cố gắng phá vỡ chỉ là những hành động bất lực vô ích, trạng thái tinh thần



khủng hoảng đó tôi đã trải qua. Tôi đã sống, không hoàn toàn hẳn, nhưng có những nét chính tương tự như tâm trạng Phiến. Cho nên tôi hiểu. Sự hiểu của kẻ đã đi qua cầu đoạn trường, cùng lụy một cảnh ngộ. Không biết Phiến đã tới đó chưa, nhưng tôi đã từng gần lắm với tự hủy. Một phát đạn, một liều thuốc độc. Nghĩ lại, so sánh, cuộc khủng hoảng tinh thần của tôi ngày trước còn trầm trọng hơn của Phiến bây giờ. Vì nó chia làm hai thời kỳ. Thời kỳ đầu, đại khái cũng như tâm trạng hiện hữu của Phiến. Cũng con cá chết vực sống đánh dạt về. Cũng cái lưới đề úp xuống đầu xuống cổ đến nghẹt thở và sự hỗn loạn giao động chìm nổi như một cái phao. Cũng khoảng trống tối đen giữa cá nhân và đời sống không bao giờ lấp kín. Tôi sống trong một tâm trạng bệnh như vậy đến khi gặp Nhấn và cuộc khủng hoảng cũng chấm dứt thời kỳ thứ nhất. Không phải quanh co dấu diếm, Nhấn và tôi bây giờ không lẫn tránh và thản nhiên nhận lấy quá khứ của nhau, trước khi chúng tôi gặp nhau, Nhấn làm nghề mài dâm. Không có gì lên án cũng không có gì bào chữa chuyện đó. Đó là một sự thật tâm thường không xung đột với thứ luân lý quyền biến của tôi, nó không có chỗ cho con người đạo đức trong tôi lên tiếng. Nhấn bán thân thể rẻ mạt, mỗi lần có năm mươi đồng. Nghĩ mà tội nghiệp. Tôi gặp Nhấn thu hình dưới gốc cây như một con mèo hoang khốn nạn giữa một đêm chán nản mệt nhọc cùng độ — tôi nằm chính đây cuộc khủng hoảng — và theo Nhấn về nhà. Trái với Phiến tôi ở lại, ở lại hẳn. Sự chung sống với Nhấn không khởi đi từ một cử chỉ nhân đạo một ý niệm anh hùng, tôi biết chắc chắn như vậy. Cũng không do tình yêu. Với Nhấn, tôi không hề làm một cử chỉ cứu rỗi cao đẹp, cũng chẳng bao giờ nghĩ tới điều đó. Tôi chỉ là con cá chết của Phiến, cuộc sống đánh giạt vào bờ và gặp ở Nhấn một con cá chết khác mà sự tàn hủy tâm hồn và thể xác ghê gớm đến nỗi cái cử chỉ giơ tay cầu cứu của tôi lại là một cử chỉ cúi xuống vớt Nhấn lên. Không ở giữa thời kỳ khủng hoảng tinh thần, sáng suốt, đắn đo hơn, có lẽ sau lần đụng chạm thứ nhất tôi đã bỏ đi. Nhưng tôi đang là một con bệnh nặng và tôi chịu được một con bệnh nặng khác. Cái không khí bệnh. Chỉ có thế.

Nhấn về ở với tôi và sự màu nhiệm đã xảy ra. Nó xảy ra ở Nhấn. Trong lúc tôi vùng vẫy thoát khỏi một tâm trạng hoang mang mới mẻ mà không được, Nhấn đã khởi cuộc chiến đấu trở lại đời người, cuộc chiến đấu khởi đi từ một thực trạng đời trụy nhất : cuộc sống súc vật của người gái điếm thực thụ. Con cá chết động dần từng cái vẩy từng cái vẩy, phá vỡ từng bức tường từng mắt lưới, lấp dần từng tấc đất vực thẳm ngày nào ngã xuống, và bò lên. Tâm hồn Nhấn như những mảnh vỡ vụn, Nhấn chấp dần từng mảnh một. Nàng muốn làm người. Muốn thế nàng phải thành một người khác. Điều đó Nhấn đã làm được. Cuộc hành trình trở lại dưới mặt trời của Nhấn, tôi chứng



kiến bằng tất cả kinh ngạc của tôi, không ngờ rằng mình còn có thể tìm thấy, qua chứng minh, thế nào là sự màu nhiệm của đời sống. Những đêm không ngủ Nhấn thường nắm lấy tay tôi, ngược mắt: Anh chia tay cho em thì thế nào em cũng leo lên được. Tôi ôm lấy Nhấn, tôi muốn nói: « Chính em đã chia tay cho anh, em là sự thắng bằng anh lấy lại được cho anh ». Từ đó tôi sống với Nhấn những ngày bình yên ở một căn nhà nhỏ trong trung tâm khu Bàn cờ. Nhấn chặt đứt dần những ám ảnh quá khứ và tạo cho Nhấn một quá khứ mới. Tôi ngồi dậy, nhìn cuộc sống thấy thư thái vững chãi hơn. Tôi sửa soạn trở lại làm việc. Tôi muốn làm bất cứ việc gì. Trong niềm xao động mới như một cánh bướm phát phối trong nắng, tôi tưởng cuộc khủng hoảng tinh thần của mình đã chấm dứt.

Nó chỉ là bắt đầu cho thời kỳ thứ hai, dưới một hình thái khác — mà thôi. Ở thời kỳ thứ nhất, đối tượng khủng hoảng là nỗi xao động nội giới. Thời kỳ thứ hai, đối tượng thay đổi, nó chính là cái xã hội loài ngoài với những giằng buộc liên lạc đã có, trật tự và tương quan yên ổn được chấp nhận giữa cá nhân tôi và mọi người từ trước đến nay. Cuộc khủng hoảng tinh thần bản thân chấm dứt, phần lớn nhờ sự có mặt của Nhấn giữa đời sống, lại cũng do chính sự có mặt của Nhấn mà để ra cuộc khủng hoảng giữa tôi và cái xã hội tôi sống.

Tôi không biết rằng người ta có thể chấp thuận cho tôi tìm lại sự ổn thỏa của mình bằng bất cứ một phương tiện nào, kể cả đường lối tự hủy (chắc người ta sẽ mua hoa, đăng báo, rỏ những giọt lệ sốt thương) nhưng người ta không thể tha thứ cho tôi việc chung sống với một gái điếm. Tám tháng nghỉ việc, một buổi sớm tôi mặc quần áo xuống đường. Tôi tìm đến một viên giám đốc xuất nhập cảng, hắn là bạn chơi bởi một thửa và ngỏ ý xin việc. Nhưng thành phố tuy lớn mà tin tức có cánh. Hắn đã biết tôi ở với Nhấn. Thấy mặt hắn hỏi ngay: Buông rồi chứ. Tôi hỏi lại: buông cái gì. Hắn phá lên cười: Buông chứ còn buông cái gì nữa. Và đập vào vai tôi: Tưởng cậu đùa giai mãi. Tôi ngạc nhiên chưa hiểu. Hắn ngăn người: Thế vẫn còn à? Hắn không thêm gọi đến cả tên Nhấn. Sau đó hắn tự cho cái quyền xâm phạm vào đời sống kẻ khác bằng cách giăng giây tôi một bài học luân lý. Điều khiến tôi ngạc nhiên nhất là bài học luân lý sơ đẳng kia lại có thể xuất ra không một chút ngưng thẹn ở một thứ người truy lạc bê tha như hắn. Kẻ tội nhân lên mặt quan tòa, hắn nắm tay tôi ân cần: Cậu phải giữ nhân cách chứ! Tôi nhìn thẳng vào mặt hắn và hỏi: Nhân cách là thế nào? và tôi bỏ đi. Tôi đến nhà một người bạn khác. Người này học cùng một lớp với tôi từ thửa nhỏ. Hắn kéo với tôi ra một tiệm nước ở đầu đường không dám tiếp ở nhà, và tôi tha thứ cho hắn vì biết hắn có vợ. Chắc hắn lo xa đến một lần nào tôi có thể đưa Nhấn lại chơi và người đàn bà trưởng giả, kênh kiệu, khinh người là vợ hắn sẽ phải vì lịch sự chào mời một



con điểm. Tôi tránh cho hẳn trường hợp khó xử. Tôi gõ cửa hết nhà nọ đến nhà kia, lang thang dưới mưa nắng bụi bặm của thành phố mấy tuần lễ liền. Bạn hữu vắng xa, những cái bắt tay lạnh nhạt, những sự lánh mặt cố ý, những cánh cửa đóng sập lại. Người ta coi tôi như một thằng hủi. Mới đầu tôi chỉ cười ngạo nghễ. Nhưng về sau thủ thực tôi không cười được nữa. Khoảng cách biệt dựng lên giữa tôi và mọi người đã đến cái độ làm tôi mở to mắt và cảm thấy khó chịu. Một lần ăn sinh nhật đưa con đầu lòng một người bạn cũ, trước hẳn chịu ơn tôi nhiều, vợ thằng bạn đã giật thằng bé ở tay tôi khi tôi bế lấy nó. Tới cái nước thiên hạ đã muốn đẩy tôi thành kẻ thù cả với những đứa nhỏ thì thái độ họ đối với tôi đã quyết liệt lắm. Một sự thật rõ như ban ngày : Họ đẩy tôi vào cái nước cùng, vào chân tường, bắt tôi ưng chịu điều kiện quyết liệt nếu muốn trở lại sống giữa họ. Bỏ Nhẫn ? Trên những kè đá nhìn xuống lòng sông sâu đen, trong những công viên ngủ yên dưới những chùm lá tối, dưới những đêm sao lủi thủi một mình giữa thành phố ngoảnh mặt làm thinh, buổi chiều mệt mỏi trở về cái ngõ sâu hút ngọt ngát những cuộc sống lầm than, tôi đã tự đặt bao nhiêu lần câu hỏi đó. Và trả lời : không. Đến nhà nhìn thấy khuôn mặt dịu dàng của Nhẫn còn như phảng phất niềm đau quá khứ, con mắt buồn rầu như thăm hỏi như đoán thấy sự hắt hủi sự đầy đoạ tôi chịu đựng ở chỗ ở dưới kia, tôi lại tự trả lời và tiếng « không » càng quyết liệt. Không thần thánh hóa sự trở chiều dưng cảm của Nhẫn, tôi vốn tin từ nguyên thủy ở phần trong sạch tâm hồn chỉ có thể bị cảnh ngộ hoàn cảnh che dấu mà không bao giờ mất, của người, kể cả những cuộc sống sa đoạ, kể cả những kẻ đã làm tội ác, sự thoát khỏi cơn khủng hoảng thường trực — đời sống người gái điểm là một khủng hoảng thường trực — ở Nhẫn không thể tạo trong tôi gì khác là một niềm cảm phục chân thực. Ở Nhẫn tôi học tập được nhiều điều. Tôi tập sống. Điều chói lọi nhất là cái ý thức đánh phá tan tành những khoảng tối để ra tới mặt trời. Nghĩ đến lần nào tôi lại muốn thắp lên một ngọn bạch lạp.

Đêm, tôi ôm Nhẫn thật chặt nhìn nàng ngủ thơ ngây trong cánh tay, nghĩ đến đời sống thù địch, thấy dâng lên trong hồn mình một niềm kiêu hãnh mới, nhen dần một ý thức mới nó là vũ khí chống đối với đời sống tù ngục trong một mô luân lý đạo đức không vượt thoát nữa. Tôi thấy vấn đề sống còn lúc đó là phải tạo cho mình một thái độ. Một thái độ tự do độc lập trước những chi phối điều đứng của đời sống.

Đầu mùa xuân năm sau tôi bán căn nhà nhỏ ở Bàn Cờ. Không một lời báo trước, một từ biệt bạn hữu, tôi đưa Nhẫn lên rừng, tạo khoảng cách giữa đời sống của người để đi vào thiên nhiên. Một người



miền thượng giầy cho tôi cách hái lan, bắt bướm. Lan đóng giá gỗ quý bướm ướp khô lồng trong khung gấm, gửi về bán cho những triển lãm và hội chợ quốc tế, đủ tiền cho cuộc sống giản đơn của chúng tôi ở miền núi rừng. Sau thời kỳ khủng hoảng, tôi tìm được sự ổn định với chính mình, với tâm hồn mình và điều đó theo tôi mới thật quan trọng. Tôi nghĩ tới Phiến. Anh đang đứng trước khoảng cách biệt do khủng hoảng tinh thần tạo nên và đang vùng vẫy đón đau trong những hành động điên cuồng tuyệt vọng để lấp bằng khoảng cách biệt, trở lại đời sống. Tôi muốn gửi cho Phiến vài lời chân thành. Không phải là những đáp số thỏa đáng — trạng thái tinh thần khác biệt ở từng cá nhân — nhưng là những kinh nghiệm bản thân rút tĩa từ cái mù sương của tâm hồn bây giờ ngó lại. Ý hướng con người nhập thể là hành động thường trực san phẳng những khoảng cách giữa hần với đời sống, nhưng tôi nghĩ : nhiều khi hần phải hành động ngược lại. Tạo những khoảng cách biệt với đời sống những lúc mà đời sống thấp kém chật hẹp hơn ý thức cá nhân, những lúc toàn thể, bằng dư luận đám đông, bằng những mô luận lý đạo đức không tượng trưng cho một thứ lương tâm tối cao đo lường được ý thức cá nhân đã vượt thoát khỏi chúng. Cuộc sống toàn thể không tạo khoảng cách biệt với nó, cá nhân cũng phải tạo khoảng cách biệt và không xao xuyến sợ hãi vì sự cách biệt này. Ở trường hợp này, cuộc sống toàn thể sẽ huy động mọi cách đánh gục hần xuống bởi lối sống, ý thức hần đã là một thử thách một đối kháng với cả một trật tự hiện hữu. Và cá nhân cưỡng chống lại, muốn tồn tại, phải tìm bằng được một thể quân bình hòa đối với chính mình. Cho nên khoảng cách biệt tạo ra không phải là một đứt rời đoạn tuyệt đời sống, mà có những lúc nó thật hết sức cần yếu. Tôi tưởng thái độ độc lập với đời sống đó là biểu tỏ cao quý nhất của ý thức yêu mê và kính trọng đời sống đúng mực. Đời sống thực ra cũng chỉ chấp nhận những loại người đó. Những con người ý thức dám phá vỡ cái lưới trùng điệp bức tường kín đặc khi sự chật hẹp tầm thường chung quanh không dung chứa nổi sự vượt thoát của mình. Trật tự toàn thể có khác gì nếp sống cá nhân. Cũng có những suy nhược, những sa đoạ, những thời kỳ khủng hoảng như đời sống cá nhân. Và đời sống nào cũng không có chỗ đứng cho những kẻ nô lệ mù tối, những cái phao người không nhìn thấy thực chất biến đổi của đời sống để định một thái độ sống thỏa đáng với mình.

Suốt thời kỳ khủng hoảng của Phiến, những phản ứng của Phiến có như là những cố gắng giải thích với chung quanh. Phiến làm. Sống đâu phải là giải thích với kẻ khác. Tôi tưởng điều cần thiết là Phiến có giải thích được với chính Phiến hay không. Một lầm lỗi nữa ở Phiến là: ngã vào trạng thái khủng hoảng anh đã điên cuồng cưỡng chống lại tức khắc, mà đáng lý ra, Phiến phải dũng cảm chịu đựng nó như chịu đựng một trận



bão khủng khiếp thổi qua. Điều Phiến phải làm là tìm một thế quân bình, một ổn thỏa nào với chính mình trong cái trạng thái bất thường, trong trận bão khủng khiếp. Tôi yêu những người như Phiến. Những con người luôn luôn có mặt trên con đường kiếm tìm sự thật. Tôi không yêu những con người bình yên đã thấy, hoặc tưởng rằng đã tìm thấy sự thật. Tôi không yêu tôi bằng yêu Phiến. Sự mến yêu này khiến tôi đã theo dõi từng biến động của đời Phiến những thời kỳ ở xa anh. Về thành phố, tôi đã tìm gặp anh và bây giờ tôi muốn gửi xuống dưới đó cho anh không phải một nhánh lan một khung bướm nữa, mà ít nhiều kinh nghiệm nhỏ tôi tưởng cần thiết cho bạn.

Nghĩ ngợi triền miên không biết bao lâu, ngẩng đầu lên, những cánh bướm to nhỏ sắc sỡ đủ mọi hình dáng màu sắc đã lượn bay chấp chờn trên mặt suối tự bao giờ. Tôi nhìn những con bướm, ngọn suối, cười với chính mình. Biết đâu trong lúc tôi đang suy nghĩ ở góc rừng vắng này về tâm trạng bệnh của bạn, Phiến đã tìm thấy yên ổn cho tâm hồn giao động của anh và thành phố dưới kia, biển người ào ạt vui, những cuộc sống đại dương, và Phiến thì đã tìm được một ổn thỏa với bản thân. Cảm xúc anh bén nhảy trở lại, tầm mắt thì đã đi từ những con cá chết, những con kiến, đến những kích thước và vóc dáng thực của người. Tự nhiên một thoáng ngờ vực nổi lên. Tôi sống yên ổn đã ba năm nay. Tôi sống yên ổn quá. Sự yên ổn này cũng có thể là triệu chứng báo trước một cuộc khủng hoảng tinh thần sắp tới. Biết đâu được. Tôi lắc đầu mỉm cười với cái lý luận luẩn quẩn của mình và đứng dậy cầm vợt đi xuất bờ suối. Thấy động, đàn bướm bay ập sang bờ bên kia. Ngọn suối trong vạt lúc này là khoảng cách biệt cần yếu cho đời sống tự do của chúng. Tôi nghĩ thế và lại mỉm cười một lần nữa.

mai thảo



# TRẦN THANH HIỆP

## để chúng ta được thấy mặt nhau

**H**AI tấm cửa sắt găm lên những tiếng lớn rồi mở rộng. Bước vào sân khám đường Tuấn có cảm tưởng như bước vào dĩ vãng của mình. Đây là lần thứ ba Tuấn lại vào nhà tù, nơi chàng thù ghét. Thử tiếng găm của cửa sắt, lần đầu Tuấn được nghe cách đây mười mấy năm. Người ta đã nhân danh xã hội để bắt Tuấn. Trên sàn một chiếc xe hơi, Tuấn nằm như một con vật, mắt bịt tay trói miệng nhét đầy dẻ. Tuấn nghe thấy cửa sắt găm rồi xe ngừng và người ta dắt Tuấn đi như một người mù lần từng bậc thang cho đến khi Tuấn dừng bước thì những trái đấm như búa bổ vào mặt vào ngực vào bụng Tuấn.

Lần thứ hai, cũng vẫn nhà giam này. Tuấn trở lại, cũng đi trên một chiếc xe hơi nhưng lần này mắt Tuấn mở to nhìn cho rõ để bắn sả vào nhà giam ấy những tràng đạn liên tiếp rồi mở toang cửa sắt, giải thoát bất cứ một phạm nhân nào chàng gặp.

Nhưng lần này, lần thứ ba, Tuấn bình thần hơn. Nhà tù đã mở cửa đón Tuấn như một người có quyền được vào. Dãy tường cao đen xám, tòa nhà khổng lồ không một bóng người đối với Tuấn không còn những đe dọa ghê gớm của một nhà giam. Sự nhỏ bé của một con người sẽ biến mất và có thể thử thách tất cả khi con người ấy mang trong mình những quyền lực của tự do. Với tư cách một người luật sư, Tuấn vào khám đường gặp một người can tội mưu sát mà Tuấn sẽ bào chữa trước tòa.

Một con đường nhỏ đưa Tuấn tới trước một cửa sắt thứ hai không phải là hai tấm sắt mà gồm những song sắt. Bên trong ấy là đầu mối các ngã đi về những phòng giam. Người giám thị mời Tuấn ngồi đợi trong một phòng khách chia đôi, một nửa làm phòng văn. Mấy tờ báo nhật nhéo bày trên bàn, Tuấn đã đọc hết. Tuấn đứng dậy lững thững đi vào một hành lang đọc những tờ thông cáo về hoạt động y tế, hoạt động thể thao. Rồi Tuấn dừng bước trước một cửa sắt nữa, cửa



này chỉ có một cánh, mở ra một lối đi vào một căn phòng rộng lớn được ngăn đôi bằng hai tấm lưới sắt cách nhau một khoảng, song song và thẳng góc với trần nhà. Đó là nơi các phạm nhân được gặp mặt thân nhân đến thăm hỏi và tiếp tế. Họ đứng cách nhau rất gần nhưng họ đứng ở hai thế giới. Ở mỗi bên, sau tấm lưới sắt, từng giây phút người ta vội vã sống. Những khuôn mặt áp vào lưới sắt thiếu não như không còn là khuôn mặt người. Vải trẻ nhỏ được bồng lên bám vào lưới sắt ngơ ngác trong khi người lớn không ngớt trao đổi cho nhau những câu nói. Họ chỉ muốn thì thầm để vừa đủ nghe riêng tuy rằng sự thật cũng chẳng ai còn đủ thời giờ nghe chuyện người khác. Nhưng tất cả những thì thầm ấy đã hợp thành một tiếng nói lớn Tuấn nghe như tiếng kêu thét của sự sống. Một hồi chuông réo lên trấn áp mọi tiếng động trong phòng, kéo dài những âm thanh nhọn hoắt xói vào tai cho đến khi tiếng người tắt hẳn chỉ còn tiếng chân đi mỗi lúc một xa dần chết hẳn khi cánh cửa sắt đóng mạnh. Rồi im lặng hoàn toàn, một thứ im lặng của khoảng phi-chiến-địa. Phía bên kia là nhà tù, phía bên này là đời sống. Tuấn cảm thấy rõ đang ở trên một thứ biên giới và bỗng trở nên cô đơn giữa cuộc đời vì chút ít tự do của mình.

Một nhân viên của khám đường tới báo cho Tuấn người Tuấn tìm gặp đã được mang ra khỏi phòng giam. Tuấn được nhân viên này hướng dẫn tới phòng luật-sư. Một chiếc bàn gỗ lớn hình chữ nhật kê giữa phòng với hai chiếc ghế dài. Ngồi đợi, Tuấn ôn lại những sự kiện Tuấn đã đọc trong hồ sơ trước khi vào thăm. Trường hợp này không có gì uẩn khúc vì đã có sự nhận tội, Tuấn có thể không cần gặp người mà Tuấn sẽ bào chữa. Nhưng Tuấn hy vọng biết đầu trong câu chuyện sắp tới may ra lại có thể tìm thấy thêm những sự kiện mới thuận lợi cho việc biện hộ. Vả lại nguyện vọng của phạm nhân muốn được bào chữa như thế nào bao giờ cũng là một điểm người luật-sư không thể không biết đến. Một lý do nữa khiến Tuấn còn muốn gặp phạm nhân vì người này là một nhà văn. Tuấn cho rằng trong mỗi vụ giết người phải có một điều gì đặc biệt ở người phạm tội vì sự quyết định giết một người đâu có phải là một việc dễ dàng. Tìm được điểm đặc biệt ấy là nắm được đầu mối giải thích mọi hành động của người phạm tội.

Người giám thị đưa phạm nhân vào phòng rồi trở ra. Phạm nhân khẽ nghiêng đầu chào Tuấn trước khi ngồi. Tuấn nhận thấy người đối thoại của mình không có vẻ gì hung dữ. Mặc dù mái tóc hớt ngắn và đôi lông mày hơi xéch, vì mặt chỉ mang nặng dấu vết của suy tư, hơn là của tình cảm mãnh liệt. Đôi bàn tay người này chấp lại để trên bàn càng làm tăng thêm vẻ nghiêm chỉnh. Tuấn không thể ngắm phạm nhân lâu hơn mà không bắt đầu câu chuyện :

— Ông là ông Hoàng-văn-Hậu ?

— Chính tôi, phạm nhân đáp.

Việc khó khăn của Tuấn sắp bắt đầu bởi vì Tuấn muốn tìm biết



loại sự thật mà có thể người ta muốn chôn sâu trong lòng. Gạn hỏi cũng vô ích, phải làm sao cho việc nói ra có tính cách tự nhiên. Đó là chưa kể những phạm nhân dụng tâm lừa dối luật sư, chỉ cho biết một phần sự thật, những gì có thể bất lợi thì không nói. Trong những trường hợp ấy, người luật sư thường phải nhờ đến kinh nghiệm, đến linh tính mà nhận định và như vậy vẫn phải phát một sự hồ nghi. Nên cần phải sửa soạn một không khí đàm thoại ngay thẳng :

— Tôi được chỉ định đề bào chữa cho ông, tuy nhiên ông vẫn có quyền khước từ sự chỉ định này.

Tuấn không chờ đợi một câu trả lời quá đặc biệt :

— Tôi không thấy vấn đề chấp nhận hay khước từ được đặt ra với tôi và tôi tưởng phần quyết định ấy có thể dành cho luật sư.

Tuấn vẫn bình tĩnh :

— Chắc ông không quên rằng ông đã nhận tội.

Và tội ấy tôi nhắc lại theo đúng hồ sơ : đêm 30 tết vừa qua, lợi dụng tiếng pháo nổ, ông đã mưu sát một người bạn ông bằng súng lục. Dấu tay ông có in trên súng, vết giày ông cũng in trên nền nhà. Nhờ những vết tích đó người ta mới tìm được ông là thủ phạm. Trong nhà nạn nhân, ngoài một tập thư tình còn để trên giường, không còn tiền bạc gì. Người ta phỏng đoán nguyên nhân vụ mưu sát này nếu không là tiền thì là tình.

— Tiền ở chúng tôi thì bao giờ tìm cũng không thấy chứ riêng gì lúc chết, Tuấn bị ngắt lời một cách lạnh nhạt. Mà tại sao cứ phải cho rằng giết người chỉ có thể vì tiền hay vì tình.

— Tôi cần nói nốt những điều thiết yếu. Mặc dầu ông đã nhận tội nhưng ông vẫn có quyền thay đổi lời khai. Tôi không khuyên ông làm việc đó vì là quyền của ông. Và tôi cũng không cần biết rằng những điều ghi trong hồ sơ đối với ông đúng hay sai nhưng chắc chắn rằng ông sẽ được xét xử theo hồ sơ đó. Tội mưu sát sẽ bị hình phạt nào chắc ông đã rõ. Tôi đến đây là để ông cho biết nên hay không nên tin hồ sơ này.

Phạm nhân như nói với chính mình :

— Tôi thấy tôi không có bốn phạm phải bảo cho xã hội biết việc xã hội truy tố tôi đúng hay lầm. Chính xã hội tự mình phải tìm thấy điều đó. Và cách tìm thấy không thể giản dị như việc chỉ căn cứ vào việc tôi nhận hay không nhận tội. Bởi vì xã hội cần phải chịu trách nhiệm về việc đã bắt giam tôi và biết đâu một ngày kia có thể về việc đưa tôi lên máy chém. Vậy xã hội không có quyền làm hay nghi ngờ rằng mình không lầm mà có bốn phạm phải đúng. Đó là những điều tối quan hệ bó buộc xã hội phải lo âu, chứ không phải tôi. Ít nhất cũng cần phải có một cá nhân mang lại cho xã hội sự thử thách ấy để xem xã hội sẽ vượt qua bằng cách nào. Trước một vấn đề như vậy, tôi tự hỏi người luật sư nên có một sự can thiệp như thế nào ?

— Phạm nhân và luật sư tuy hai nhưng là một. Người luật sư phải



cộng thông được với tâm trạng phạm nhân và đồng thời phải cho phạm nhân vay mượn tâm hồn mình. Trong trường hợp không có được sự đồng nhất hóa giữa phạm nhân và luật sư, thì luật sư có thể hành động như một chuyên viên về luật-học.

Đối với ông, người luật sư không thể có được một sự can thiệp nào cả vì không lợi ích gì, nếu không có hại. Ông muốn giữ một thái độ thụ động để thử thách xã hội. Sự tham dự của luật sư không thể gia tăng sự thụ động của ông vì đã là tối đa mà cũng không thể là một sự hợp-thức-hóa sự xét xử của xã-hội, cho rằng xã hội đã tôn trọng quyền bào chữa đã nghe tiếng nói của quyền bào chữa, vì như vậy là đồng lõa với xã hội.

Giọng nói của phạm nhân cương quyết thêm :

— Việc cá nhân đương đầu với xã-hội chắc chắn là nguy hiểm, nhưng chúng ta cần có những thí nghiệm táo bạo, và một khi đã thí nghiệm thời phải sống hết mình với thí nghiệm đó. Sự dứt khoát này đã là một kết quả trước khi thí nghiệm mang lại một kết quả thực sự.

Tuấn thấy đã có thể kết thúc câu chuyện :

— Thảm kịch của mỗi chúng ta là cá nhân vừa do xã hội nuôi dưỡng lại vừa có thể bị xã hội tiêu diệt. Tôi khâm phục sự dũng cảm của ông nhưng tôi không tán thành một sự thử thách có tính chất thụ động. Tôi tin ở hiệu quả những thử thách chủ động.

Nên, tôn trọng tâm trạng của ông, tôi muốn đứng ở ngoài. Lúc nào ông thấy cần phải xét lại thái độ của ông thì ông có thể nghĩ đến tôi. Trong khi chờ đợi ông hãy coi như là tôi đã tự ý khước từ sự biện hộ cho ông.



Sau mấy tiếng gõ cửa, một người đàn bà xuất hiện, tiến đến trước bàn giấy Tuấn. Sự có mặt của nàng làm cho phòng làm việc của Tuấn bỗng trở nên chật hẹp. Nàng nhìn Tuấn, bối rối có lẽ vì nàng và Tuấn chưa hề quen biết nhau.

Giọng nói của nàng ăm ắp :

— Thưa luật sư tôi được biết luật sư sẽ biện hộ cho anh Hậu tôi, nên tôi tìm đến luật sư...

Mấy tiếng sau tiếng nàng nhỏ quá, Tuấn chỉ còn thấy môi nàng mấp máy. Tuấn chỉ chiếc ghế, mời nàng ngồi :

— Cô là thân nhân của ông Hậu? Cách đây mấy ngày, tôi có đi thăm ông Hậu.

Tuấn định nói cho nàng biết Tuấn sẽ không biện hộ cho ông Hậu nữa nhưng sợ nói như vậy có nghĩa là xua đuổi nàng nên Tuấn muốn chờ cho nàng nói rõ ý định vì sao nàng đến tìm Tuấn :

— Chắc cô biết rõ về việc của ông Hậu.



Nàng lắc đầu :

— Thưa luật sư tôi không hay biết gì về việc của anh Hậu tôi ngoài tin anh bị bắt giữ.

— Cô đối với ông Hậu là thế nào, chắc cô mới đi xa về ?

— Tôi ở nội trú tại một trường nữ học và lại mãi sửa soạn thi nên ít ra ngoài. Mới đây không nhận được tin của anh Hậu tôi, tôi ra trường hỏi thăm thì mới biết anh đã bị bắt giữ. Chúng tôi là hai anh em, từ ngày cha mẹ tôi mất đi, anh Hậu tôi đã thay cha mẹ tôi nuôi tôi.

Giọng nàng trở nên cảm động, nàng sắp khóc :

— Hôm qua tôi đã xin giấy vào khám đường gặp mặt anh Hậu tôi nhưng anh chẳng chịu nói gì cho tôi biết, đuổi tôi về và cấm không cho tôi vào thăm. Tôi không bao giờ tin rằng anh tôi có thể giết người. Xin luật sư minh oan cho anh tôi, tôi chắc chắn rằng anh tôi vô tội. Nếu anh tôi bị tù tội hay mệnh hệ nào thì tôi cũng thể sống nổi.

Câu nói lẫn với tiếng khóc nức nở.

— Tôi cũng muốn tin rằng anh cô vô tội nhưng lòng tin của tôi hay của cô không đủ để che chở cho ông Hậu, mà cần phải có lòng tin của những người xét xử ông Hậu. Cô có bằng cứ nào để bênh vực cho anh cô không ?

— Tôi tưởng không có bằng cứ nào chắc chắn về sự trong trắng của một tâm hồn bằng một lòng tin. Tôi tin ở sự ngay thẳng của anh tôi như tin ở sự ngay thẳng của cha mẹ tôi và của chính tôi. Gia đình tôi không thể làm được những việc bất nghĩa. Nếu không có bằng cứ đành chịu bỏ tay sao. Luật sư không thể chỉ bảo cho tôi cách nào khác để bênh vực cho anh Hậu tôi.

— Lúc này tôi thật chưa thấy cách nào khác. Tôi không hứa trước với cô điều gì. Tôi sẽ gặp ông Hậu một lần nữa và sau đó tôi sẽ có thể trả lời cô một cách chắc chắn.

Nàng đứng dậy cúi đầu chào Tuấn, cầu khẩn :

— Xin luật sư tha lỗi cho tôi đã làm phiền luật sư. Lúc này tôi không còn biết trông mong vào ai chỉ biết nói với luật sư rằng luật sư đang cầm trong tay vận mạng của hai người.

Tuấn đứng dậy tiễn nàng :

— Cô hãy làm tất cả mọi việc cô tin tưởng có thể minh oan cho anh cô. Và công việc làm ấy không cần theo luật lệ nào. Riêng tôi, tôi chắc chắn một người có được một người em gái như cô thì không thể là kẻ giết người.

Cặp mắt ngấn lệ của nàng thoáng lên một tia vui, nàng cúi đầu đi chậm chạp.



Tôi và Hiền là hai người bạn cùng học với nhau từ Tiểu học cho tới Đại học. Năm ngày trước những biến chuyển đột ngột của thời cuộc,



tôi và Hiền rời bỏ trường trong lúc Hiền đang theo học y khoa và tôi luật khoa. Chúng tôi lần tới biên giới, gia nhập một đoàn quân cách mạng. Người ta có thể bảo rằng lúc đó chúng tôi lãng mạn, muốn phiêu lưu, chính chúng tôi cũng không rõ có phải như vậy không. Nhưng thú thật chúng tôi không thể chịu đựng được cái trống rỗng của đời sống sinh viên lúc đó ngày ngày tới trường Đại Học sẵn bắt mánh bằng. Đời sống lẽ ra phải có ý nghĩa nào xứng đáng hơn. Nên chúng tôi quyết định lựa chọn một sự thay đổi, một sự thay đổi tưởng sẽ cho phép chúng tôi đạt điều sở nguyện. Nhưng rồi cũng là một chuỗi dài những thí nghiệm liên tiếp. Tù đầy, đau ốm, chán chường, vô nghĩa. Những sự tin tưởng lúc khởi đầu dần dần sụp đổ. Chúng tôi bỏ cnộc phiêu lưu, trở về cuộc sống thường, mỗi người kiếm một nghề làm ăn sinh sống. Nhưng làm thế nào để gia nhập trở lại cái xã hội mà mình đã kết tội muốn thay đổi. Chúng tôi sống bên lề xã hội những ngày tháng dài đằng đẳng, nhiều lúc thấy kinh sợ cho sự trống rỗng của đời sống tủi nhục cho việc mình phải bám lấy đời sống một cách khốn nạn, để rồi chẳng hứa hẹn một thỏa mãn nào.

Một hôm tôi nhận được một bức thư của Hiền gửi cho tôi, chúng tôi mới chia tay nhau được mấy tháng. Một đoạn trong thư ấy tôi còn nhớ rõ :

*Tôi chán lắm rồi. Giả có một thứ thuốc nào có thể làm tê liệt được tinh thần tôi sẽ không ngần ngại dùng đến. Nhưng sống như vậy để làm gì ?*

*Tất cả đã xua đuổi linh hồn tôi ra khỏi đời sống. Tại sao ta không thể như ai khác ?*

*Không thể được. Đời sống của mình không thể chấp nhận những gì mình ghê tởm. Tôi không thể đứng cùng trong một không gian với những người tôi ghê tởm. Tôi không thể coi họ như một tôi thứ hai, tôi cũng không thể thần phục họ để họ lừa dối mình, hành khất một ít ngày sống.*

*Nhưng tôi (chúng ta, phải không Hậu ?) chẳng có gì để thực hiện sự khước từ ấy. Và tôi (chúng ta, phải hơn) cũng chẳng thể cầu khẩn ai, chẳng thể nhờ ai phân xử. Khi đã không chia sẻ đời sống với người khác, khi đã không đủ sức chiếm lấy đời sống, tôi chỉ còn có cách khước từ đời sống vô nghĩa của tôi để thực hiện sự tự do tuyệt đối của tôi, để bảo vệ giá trị của tôi. Tôi trả lại cho họ, những người gian lận lời thù ghét, tất cả như bản của họ.*

*Tôi cần gặp Hậu đêm 30 tết này. Để làm gì ? Việc làm gì của chúng ta bây giờ cũng không có gì đáng kể nữa. Để chúng ta còn được thấy mặt nhau.*

Và đêm 30 tết, tôi về đúng lúc Hiền đang hấp hối. Hiền đã tự tử. Tôi không nhớ rõ tính mệnh của Hiền lúc đó có nguy kịch lắm hay không và nếu tôi đưa Hiền vào bệnh viện cấp cứu không biết Hiền có thoát chết hay không. Nhưng tôi thấy tôi không có quyền giữ Hiền ở



lại với cuộc đời. Và lại Hiền đã yêu cầu tôi kết liễu những phút hấp hối đau đớn ấy. Tôi bắn vào thái dương Hiền một phát súng.

Và tôi bỏ đi, không muốn nghĩ tới bất cứ một điều gì nữa. Rồi ít lâu sau tôi bị bắt...

Người tù đã nói cho Tuấn nghe sự thật khi Tuấn trở lại thăm một lần thứ hai. Và để nhờ Tuấn nói cho người em gái mình biết rằng người anh cô ta không giết người.

Người em gái của Hậu trở lại văn phòng Tuấn tay cầm bức thư Tuấn gửi mời nàng lên để nói cho nàng biết sự vô tội của anh nàng.

Nhưng điều mới lạ lại chính do nàng mang đến cho Tuấn :

— Anh tôi đã bị bắn chết giữa đêm hôm kia, khi anh tôi định vượt ngục, xác treo trên hàng giầy thép gai.

trần thanh hiệp



# NGUYỄN SỸ TẾ

## giữa hai giấc ngủ

*Sự có mặt của em cần thiết như những sớm mai*

*— Nếu đời không có những sớm mai*

*Anh trở dậy*

*Đọc thơ Nguyễn Du*

*Những câu lục bát buồn đưng đưng cuối đường của một ngày*

*Chợt anh muốn viết tặng em*

*Không thể được*

*Em là con tin của một thế giới...*

T. T. T.

TÔI không hiểu lý do sâu xa nào đã đột nhiên quyết định tôi viết những trang này. Tôi đã giữ trọn vẹn im lặng bốn năm trời nay, kể từ ngày tôi trở lại quê hương. Tôi khan hiếm đề tài đến thế ư? Không có lẽ. Tôi nghĩ rằng về tôi, cũng thừa chuyện để nói năng. Xưa kia tôi sôi nổi biết bao nhiêu! Tôi không lúc nào ngừng suy nghĩ và viết lách. Những tập bản thảo thơ, tùy bút, truyện, luận án còn bề bộn trong một góc va-ly của tôi. Đã bốn năm nay chúng vẫn giữ nguyên vị. Tôi ngại ngần không dám đọc lại cả chính tôi. Hay là tôi đã *không* đổi thay và sợ lại nhìn cái mặt cũ của mình? Hay là tôi đã *đổi thay* theo một hướng đi lên hay đi xuống nào đó? Nhưng mà trước hết tôi muốn biết thế nào là đi lên và thế nào là đi xuống. Tôi sợ ngay cái vấn đề tiên quyết đó. Với thời gian tôi thấy người tôi phai loãng và phiêu diêu vô cùng không thể kết chặt vào một cái gì dầu là một ước muốn xấu xa. Tôi vừa muốn tìm kiếm lại vừa muốn lần tránh một cái gì của tôi.



Thực ra việc viết đối với tôi không phải là một biến cố. Chứng cứ là tôi vẫn viết. Có điều bốn năm nay tôi viết vì nghề nghiệp nhiều hơn, nghĩa là với chán nản, máy móc rất nhiều và chỉ với những hứng thú đột nhiên, nho nhỏ : tôi giúp việc cho một cơ quan quốc tế khảo sát văn hóa các nước bên đây Thái Bình Dương. Những pho sách dày nặng. Vài đồng nghiệp làm lì không muốn quen nhau. Trang bản thảo chuyển dịch chậm chạp. Những ngày sống đều đặn, cách biệt khỏi thế giới bên ngoài, trên một căn lầu cao, vùng yên tĩnh. Nghĩ lại những ngày chuyển dịch đầy sáo động cũ, tôi đã ngạc nhiên cho cái thái độ ung dung của tôi sống trong cảnh định cư hiền lành, tù túng, tự an ủi rằng tôi sẽ chỉ gặp lụy phiền nếu khác đi. Tôi như ở trong trạng thái bất động cả về tinh thần lẫn thể xác. Tôi chỉ nghĩ sâu được đến nửa chừng và trong nghề nghiệp của tôi, tôi thường đã chỉ viết với sự hồi tưởng lại những điều tôi đã suy nghĩ được khi tôi còn ở nước ngoài. Như thế có nghĩa là tư tưởng của tôi đã dừng tiến chẳng ? Tôi cũng không muốn tìm hiểu nữa.



Từ cửa sổ phòng khách sạn, tôi nghe tiếng Thoa ú ớ nói mè. Quay lại, tôi còn kịp thấy nàng lật mình, nằm ngay ngắn lại trên chiếc nệm rộng. Tôi nhẹ nhàng lại bèn chân giường, Thoa đã ngủ tiếp. Bộ ngực tròn đầy, chân thật của nàng nhip nhang lên xuống dưới làn chăn trắng mỏng. Với làn tóc rối bời trên trán, vài nếp nhăn dưới khoé mắt và đôi môi lợt lạt qua một đêm ngủ, Thoa vẫn đẹp dưới con mắt tôi bởi tôi đã quá quen với nhan sắc của nàng. Thường khi tôi chỉ ngấm nhìn Thoa như ngấm nhìn một tác phẩm nghệ thuật, một nhân vật sân khấu hay một đối tượng nghiên cứu. Lúc này là một. Nghĩa là Thoa rất gần mà vẫn rất xa tôi. Phải thú thật rằng đôi lúc cũng có những ước muốn thể xác đến với tôi nhưng rồi không đủ cường độ để thành ước muốn thực sự tác động. Tôi đã ở trong trạng thái bất động, tôi lại còn rơi vào trạng thái bất lực cả trong ước muốn nữa sao ? Trong trường hợp tôi, phải nói cái trước là hậu quả của cái sau. Cho nên tôi không ngạc nhiên thấy mình cũng rùng rùng trước sức sống của Thoa gần kề trong gang tấc. Cho đến giây phút này, đêm đầu tiên của Thoa và của tôi vẫn chưa đem lại một sự thay đổi nào giữa chúng tôi.

Tại sao tôi đã không giữ nguyên trạng vốn cũng có cái thú riêng của nó ? Điều đó đã thành một cái thói quen, từ bốn năm nay, trên cái hành trình hằng nhật hầu như cố định của tôi. Chiều chiều, ở chỗ làm việc ra, tôi đi giao một chặng đường bờ sông nhìn mây nước và những đợt khói tàu ra khơi. Tôi đến tiệm ăn sáng, dùng bữa qua loa rồi đi lững thững lại quán cà-phê của Thoa trên con đường về khách sạn. Bao



giờ tôi cũng đến Thoa trước lúc trời tối. Tôi muốn có một chỗ ngồi yên tĩnh để ngắm nhìn cái chết của một ngày. Tôi chọn cái bàn ở phía trong cùng quán, khuất sau một mép tủ và một chậu cây. Lâu dần, chiếc bàn thành chỗ dành riêng cho tôi, và tôi cũng trở thành một thứ người thuộc vào cái xã-hội thân-mật nhất của Thoa. Ở trong cái góc quán này, tôi được che dấu khỏi mọi con mắt tò mò mà vẫn được tự do ngắm nhìn ra ngoài. Khởi đầu, qua những mái ngói và những lùm cây bên kia hè phố, tôi nhận được những mảnh vòm trời xa thăm thẳm. Thế rồi nhấn quan thu hẹp lại, tôi ghi cái hình nghiêng nửa người của Thoa vươn lên trên cái quầy hàng với bộ ngực tròn chắc, ngấn cổ cao, cái cằm thon, vành môi trái tim, sống mũi dọc dừa, con mắt sâu, cái trán rộng và mớ tóc buông lơi. Hình ảnh đó đen đậm lại, chỉ còn giữ được nét viền và như treo ở nền trời đang chuyển từ màu hồng sang màu lam. Giây khắc, tôi đạt tới mức sống trừu tượng toàn bằng tri năng qua ảnh tượng, một mức sống thuần thực, không, một mức sống bằng giác quan bên trong... Người tôi khử vật-tính lần lần, tôi như trống rỗng đi... Tôi độ chót, tôi bị hút và bị chuyển bởi hai sức lực : linh hồn tôi lên cao theo đường thẳng đứng và tư-tưởng tôi phóng ra xa theo chiều nằm ngang, cả hai với vận tốc quay cuồng. Trong chớp mắt tôi, một hình ảnh người vừa siêu thăng ở phía chân trời xa. Tôi kêu lên một tiếng thẳm : « Không, anh không đành tâm bỏ ra về một mình để em ở lại bơ vơ trong bệnh hoạn ». Lan chỉ thuận tình nhìn tôi không nói năng. Hồi lâu tôi còn nói giọng khẩn cầu : « Anh van em đó. Chúng ta đừng xa nhau. Anh sợ sự cô độc lắm. Chúng ta đã khổ nhiều. Mười năm trời rồi còn gì, chúng ta bị gạt ra ngoài mọi ràng buộc bắt đầu bằng ràng buộc gia đình và quê hương. Anh chỉ còn có em. Hãy giữ anh ở lại. Chúng ta vẫn còn có thể sung sướng khi thiếu điều mơ ước đó. Vô lý quá ! Chúng ta nhận sự thử thách này làm gì ? » Lan vẫn chỉ nhìn tôi. Tôi hơi thấy mình trơ trẽn mà nhận định trong giây phút rằng mình đã lại bắt lực trong cả ước muốn và việc chúng tôi làm chỉ là một ước lệ với chính chúng tôi. Trong mưa tuyết, Lan và tôi dắt tay nhau quanh co đi dưới những hàng hiên cũ kỹ tiến về phía một nhà ga nhỏ. Tôi nhìn thấy trong mây đôi mắt thăm thẳm buồn và nụ cười héo hắt của Lan.

Lần thứ hai, tôi nghe tiếng Thoa ú ớ nói mê và giở mình. Tôi vẫn bất động ở bên cửa sổ, lơ đãng nhìn ra ngoài trời. Những chiếc lá vàng bay lá tả đập vào chấn song hay lặn trên những mái nhà. Tôi không có ý niệm nào về giờ khắc lúc này bởi ánh sáng cũng không sắc màu, không mùi vị và rộng không như người tôi. Không, đời chẳng phải là một sự tiến lên ánh sáng như ai nói, bởi làm gì có ánh sáng. Linh hồn và tình cảm không phải chỉ có luôn luôn cùn nhụt với tuổi sống.



Đây chỉ là một chuỗi hình hoại, sống chết nối đuôi nhau. Trí óc tôi chuyển vận từ Lan tới Thoa và ngược lại. Không, tôi phải sống với điều kiện của cuộc đời của tôi, dù là trong một quán rượu. Tôi không thể chỉ ngồi trong góc quán ngắm nhìn cô bán hàng.

— Thưa ông cà phê của ông ạ. — Câu nói đó bao giờ vẫn cứ làm tôi giật mình định thần lại. Thoa đã ở bên tôi lúc nào không biết. Ánh đèn trong quán đã bật lên và cái thế giới kỳ dị những ảnh tượng áp ủ lúc hoàng hôn cũng vừa bay biến. Như thường lệ, Thoa chuyển từ chiếc khay con ra bàn tôi một tách cà phê, một ly nhỏ đầy rượu rum. Thói quen tôi mắc phải từ khi còn bên Lan, trong những tiệm tồi tàn miền ngoại ô của một thành phố rất lớn và rất lạnh lẽo đối với chúng tôi. Tôi biết đó là một cử-chỉ sẵn sóc đặc biệt của Thoa, bởi nàng là chủ quán và tôi chưa thấy nàng bung đồ uống cho một ai trong khách hàng. Tôi nhận sự tiếp đãi không thắc mắc. Tôi nhìn Thoa và Thoa làm ra chăm chú nhìn xuống tách cà phê. Cái ngực tròn đầy của nàng ngang tầm mắt tôi. Tôi hỏi Thoa: « Cô vẫn mạnh chứ? — Cám ơn ông — Hôm nay hình như trời trở lạnh thì phải — Trời hơi mưa và có gió từng cơn như mùa thu ở miền Bắc ấy — Tôi cũng nhớ mùa thu miền Bắc, nhưng mà trời lạnh thì lo cho người yếu phổi lắm cô nhỉ — Nhưng mà em thấy ông... » Tôi không trả lời Thoa. Nàng đã trở lại quầy hàng. Tôi ngồi uống cà phê từng hớp nhỏ, cách xa nhau. Câu chuyện giữa chúng tôi không mấy khi đi xa hơn thế, nhưng tình thân giữa chúng tôi thì hầu như mặc - nhiên đã có. Trong hơi rượu bốc lên ấm áp trong đầu, tôi tự hỏi mãi rằng sao tôi đã không lấy Thoa làm vợ, không thì ít nhất cũng yêu nàng. Một lần nữa, tôi sợ tôi đã ước lệ với chính mình. Tôi biết Thoa đã khổ nhiều và nàng đã già đi trước tuổi. Việt lai hai đời Pháp. Mẹ mất sớm. Lấy chồng quân đội viễn chinh. Di cư. Chồng chết. Định đi xa lại thôi. Mở quán rượu. Lúc nào cũng sẵn sàng ưng thuận tôi. Không phải là một ước lệ. Giữa tôi và Thoa có một cái gì ngăn cách: Lan. Tôi không hề tâm sự với Thoa về Lan bao giờ, nhưng tôi tin rằng với năng khiếu bén nhạy của một người đàn bà đang yêu đương Thoa vẫn linh cảm thấy điều đó. Mỗi chiều vào quán Thoa, qua chỗ nàng ngồi tôi vẫn hỏi: Tôi có thư tín gì không cô? Thoa lặng lẽ lắc đầu như chia sẻ nỗi thất vọng của kẻ đợi chờ. Thoa sung sướng khi có một tờ báo hay phong thư trao tôi. Và khi lại đem cà phê cho tôi, nàng không quên hỏi tôi một cách lo lắng: Không có chuyện gì xảy ra chứ ông. Tôi cũng trả lời vu vơ: Cám ơn cô. Thực ra thì tôi cũng lo lắng chẳng kém gì Thoa lo lắng đến cái độ không buồn lo lắng nữa khi thấy rõ cả cái bất lực của mình.

Tôi không hiểu rằng Lan đang chết dần ở bệnh viện nơi xa hay tôi đang chết dần ở quê hương. Những lá thư ngoại quốc nặng mang hơi thở của tử thần và như từ một thế giới khác đến với tôi. Tôi thấy tôi xa tôi vô cùng. Tôi đã nghĩ gì, tôi đã làm gì, tôi đã ước muốn điều



gi ? Thôi rồi tôi đã đề lợt tôi không lấy lại được nữa ! Thôi rồi tôi đã lạc lối trong quá khứ của tôi ! Tôi đã tự hẹn không bao giờ viết về tôi nữa để tôi được thực sự sống những chặng đường đời tôi, sợ rằng viết chỉ để lại những chứng tích nghèo nàn nếu không là lừa dối về sau. Lịch sử để mà sống không phải để mà viết. Vậy thì những trang tôi viết này chỉ là một hành động của sự sống. Vì thực sự thì tôi viết vì ai và cho ai ? Tôi không có gì phải lai cáo với ai hết. Tôi thanh minh với một người không còn nữa ư ? Có lẽ tôi đang làm một sự thanh toán với chính tôi.

Chuông nhà thờ thành phố đồ từng hồi đục đã vang động cả phòng tôi và như đọng lại ở vòm cây bên cửa. Tôi thấy trong liếng chuông vui buồn pha trộn. Cũng như bao lần xưa kia, với tâm trạng ấy, Lan và tôi đi song song bên nhau lần theo tiếng chuông đến giáo đường, trong ánh sáng mùa xuân tha hương nhắc nhở yêu đương và xây dựng. Tôi bỗng nhớ ra : hôm nay là Lễ Phục Sinh 60, lần thứ nhất đối với tôi ở quê hương kể từ ngày về. Đêm qua, giữa hai vũ khúc — những vũ khúc đầu tiên của chúng tôi — và trong hơi rượu mạnh, Thoa có dẫn tôi đánh thức nàng sáng nay để cùng làm một nghi lễ. Nàng đã khóc trên vai tôi và hình như chúng tôi có say khi diu nhau về khách sạn.

Chúng tôi đã làm gì hôm qua ? Hãy để cho tôi ôn lại một quá khứ gần kề chắc là còn phong phú. Quán rượu của Thoa có nhộn nhịp hơn mọi chiều như trước một ngày trọng đại. Tôi đi rất chậm chậm từ bờ sông về loay hoay với ý nghĩ : Người ta phải chờ bao nhiêu thời gian để chết ? Và cái chết đã chấm dứt được mọi chuyện chưa ? Hình ảnh của Lan là hai dòng nước mắt sáng chảy giữa mớ tóc đen dài giữa một đêm mây lơ lửng trước mắt tôi. Thoa đón tiếp tôi bằng nụ cười và không đợi tôi hỏi câu thường lệ, nàng vội vã trao tôi một tờ báo và một phong thư. Tôi về chỗ ngồi có vội vã hơn mọi lần. Nhưng rồi đến đó tôi cũng chỉ lại ngồi im, giữ phong thư trong túi, đưa mắt nhìn ra khoảng trời quen thuộc của tôi. Hình ảnh của Thoa là một pho tượng đầy sức sống gọi cầu. Nghĩ đến việc mở phong thư, tôi ngại ngần. Tôi sợ sự đổi thay nhưng đồng thời cũng lại sợ cả sự không đổi thay. Và tôi chờ đợi, không rõ là chờ đợi mình hay chờ đợi người khác.

Khi Thoa đưa tách cà phê đến cho tôi thì lá thư đã mở ngổ trên bàn. Tôi vẫn nhìn trời xa thẳm và qua vòm cây trước cửa đang có giữ hình những ngôi sao mờ thoi thóp trong đêm vũ trụ. Tiếng Thoa hỏi : « Không có chuyện gì xảy ra chứ ông ? ». Tôi không nhìn nàng trả lời : « Chuyện xong rồi cô à ! » Một phút im lặng náo nức. Sau đó, lần đầu tiên, Thoa ngồi xuống ghế đối diện tôi, đợi chờ. Tôi nhìn thẳng vào mắt nàng không biết bao lâu. Nàng trả lại cái nhìn của tôi, đợi chờ.



Hình ảnh của một Lan mất hết sinh khí nhập vào khuôn mặt đầy đặn của Thoa. Nàng nói một câu vu vơ : « Thế là thế nào ? » Tôi trả lời nhiều nghĩa : « Không đau đớn ! » Một lúc sau, không chuyển tiếp, tôi hỏi Thoa : « Em có thể đi với anh đêm nay được không ? » Trên đôi gò má ửng hồng đầy đặn của Thoa long lanh hai dòng nước mắt chảy sáng giữa mớ tóc dài u-tối. Tôi đứng dậy trước, và trong một phút còn cảm thấy tất cả cái dơ dáy đại hình của tôi trong câu nói.

Cái dơ dáy đại hình của tôi trong câu nói, tôi lại vừa cảm thấy phút giây trước đây trong sự bất động của người tôi. Tiếng chuông nhà thờ vẫn đồ hồi. Tôi lắng nghe. Âm thanh ấy bỗng khuấy động cả hồn tôi. Tôi tự hỏi : « Tôi bất lực trong ước muốn hay là tôi đã đặt điều kiện quá nhiều với chính mình ? Tôi vẫn còn có thể chết, nhưng mà liệu cái chết của tôi có giải quyết được gì ? » Tôi cầu xin một trận gió nổi lên để cho tôi cố gắng mà sống. Kìa những trận gió mạnh nổi dậy ở ngoài trời. Tôi viết trong sự hình giảo của thể xác. Cảnh cây trước cửa sổ đập vào mái nhà khách sạn tôi. Những cánh lá đập nát rụng băng xuống đường. Tôi ngửi thấy mùi hăng của nhựa lá. Từng thớ người tôi rung chuyển theo một nhịp tôi chưa từng thấy. Tôi chỉ sống bằng cảm giác, toàn thể mọi cảm giác hòa đồng hay hỗn hợp. Thoa vẫn nằm kia tròn đầy sức sống. Không, phải nói nhiều sức sống hơn mọi khi. Lần đầu tiên tôi nhận thấy Thoa không phải chỉ là một sắc đẹp khỏe mạnh, hiền hòa. Thoa còn là một người đàn bà gợi sự thèm thuồng của đàn ông. Cái gì ngủ trong tôi nhiều năm nay. Tôi tiếc hận đã để trôi xuôi mất nhiều ngày tháng. Lan ơi, em cần phải sống, tôi cần phải sống. Với một ước muốn thể xác đột khởi trong người, tôi chạy lại Thoa đã thấy trước mình say mê đắm đuối trong trận cuồng phong của sự tái sinh.

nguyễn sỹ tế



# ĐÓN ĐỌC THẺ KÝ HAI MƯƠI

tập I

phát hành tháng 7-1960

tập san khảo luận sáng tác phê bình

với sự cộng tác của :

BÌNH NGUYỄN LỘC, BÙU CẨM, CUNG TRẮM TƯỜNG, DƯƠNG  
NGHIÊM MẠU, DOÃN QUỐC SỸ, DUY THANH, ĐÌNH HÙNG,  
HÀ THỨC CẦN, HOÀNG GIA LINH, KIÊM MINH, LY HOÀNG  
PHONG, MAI THẢO, NGUYỄN ĐĂNG THỰC, NGUYỄN ĐÌNH HÒA  
NGUYỄN NAM CHÂU, NGUYỄN SA, NGUYỄN SỸ TÊ, NGUYỄN  
VĂN TRUNG, PHẠM DUY, TRƯƠNG BẢO LÂM, TRẦN KÍNH  
HÒA, THANH LĂNG, TRẦN LÊ NGUYỄN, TRẦN THANH HIỆP,  
THANH TÂM TUYẾN, THAO TRƯỜNG, THÁI TUẦN, TÔ THUY  
YÊN, VŨ HOÀNG CHƯƠNG, VĨNH LỘC, VÕ PHIÊN ...

do NGUYỄN KHẮC HOẠCH chủ trương biên tập

**nhà xuất bản Nguyễn-dình Vượng**

38, Phạm Ngũ Lão Saigon — Điện thoại : 315

**gìn vàng giữ ngọc**

của DOÃN QUỐC SỸ

**kỳ hoa tử**

của Nguyễn MẠNH-CÔNG

**tân xuân tùy bút**

của LÊ VĂN SIÊU

**BẠN ĐỌC CHÚ Ý**

Tòa soạn Sáng Tạo tiếp khách : Buổi sáng, thứ hai,  
thứ tư, thứ sáu, từ 9 đến 12 giờ.

Bài không đăng không trả lại bản thảo

Xin ghi rõ địa chỉ, tên tuổi để tiện liên lạc, giao dịch.

K.Đ. số 289/U.B.K.D. ngày 29-6-1960



# SÁNG TẠO

diễn đàn văn học nghệ thuật hôm nay

---

## NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT

Tôi đặt vấn đề nhân vật trong tiểu thuyết trong một vấn đề khác rộng lớn hơn : « vấn đề giá trị của nghệ thuật ». Nếu có nhiều quan niệm về giá trị của nghệ thuật thì phải lựa chọn thời tôi sẽ lựa chọn quan niệm theo đó « nghệ thuật là tất cả sự nghiệp của con người để biểu hiện sự lớn lao của mình ». **TRẦN THANH HIẾP**

Những nhân vật của giòng thứ hai kéo dài cho tới bây giờ — tôi tôn Dostoievsky là một tiểu thuyết gia đại tài nhất của nhân loại — hiện lên làm xáo trộn đời sống và khi chúng mất đi đời sống không trở lại nếp cũ được. Đó là những nhân vật quý quai nhưng chính là những bộ dạng chân thật mà con người vẫn quay mặt không dám nhìn tới. **THANH TÂM TUYỀN**

Trước kia tiểu thuyết thường được cấu tạo trên những luận lý, tiêu chuẩn sẵn có của đời sống. Bây giờ có khuynh hướng tác phẩm tự tạo một luận lý riêng. Các nhân vật được giải phóng và luận lý là luận lý tiểu thuyết. Nhân vật trong hội họa đã không được khỏa thân về thể xác, nhân vật trong tiểu thuyết phải được khỏa thân tâm hồn. **THAI TUẤN**

Truyện của mình ít chi tiết. Tôi đồng ý và cho rằng đó là một nét truyền thống của thủy mặc Đông phương. Chúng ta chỉ ghi những nét chấm phá lỏng quắt. Ngày nay chúng ta đã chịu ảnh hưởng Tây phương và đã có khuynh hướng nhận xét chi tiết nhưng so với những chi tiết kỹ lưỡng của Tây phương thì quả là còn « thủy mặc » lắm. **ĐOÀN QUỐC SỸ**

Những nhân vật hoàn toàn do tưởng tượng tạo nên mà vẫn hết sức hợp lý. Hợp lý ở riêng câu chuyện tác giả viết mặc dầu đó là một câu chuyện có thể vô lý hoàn toàn. Tôi muốn những nhân vật tôi phải là một sự phiêu lưu bất kể mọi giới hạn, cũng phiêu lưu như khi tôi làm nghệ thuật. **DUY THANH**

Việc xưng tôi trong một tác phẩm chỉ là một cách đo lường những nhân vật khác, en fonction du moi, của chính nhân vật kể chuyện mà không cần cho người đọc biết đến những sự đo lường về mình ở các nhân vật khác. **TÔ THUY YẾN**

Nhân vật tiểu thuyết dầu khoác đặc tính này nếp sống kia, liên lạc với tác giả và thời đại ra sao vẫn đề vẫn là một vấn đề chung cho văn học nghệ thuật : vấn đề sống và viết của những người văn nghệ. Tôi bao giờ cũng thành khẩn kêu gọi và tin tưởng ở một văn chương ý thức và tự do. **NGUYỄN SỸ TẾ**

**Tháng sau :** Nói chuyện về thơ.